



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 16

(2671)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 16 - 4 - 2011

CẦU GON

Truyện ngắn của KIỀU BÍCH HẬU

ĐANG phất như diều gặp gió trong ngách đại lý bất động sản, Đoàn đột ngột bàn giao việc điều hành cho phó giám đốc của mình để tập trung vào một công việc có vẻ lẫn lộn: nghiên cứu bảo tồn, trùng tu cầu Gon ở quê anh. Phải chăng máu nghệ của một kỹ sư xây dựng trong anh nổi lên?

Chiếc Jeep được độ năm lần bảy lượt trông hung dữ như một quái thú ẩm ỉm bò qua cầu Gon đầy vẻ uy hiếp. Chi ngồi ghế sau ngoảnh mặt nhìn cầu Gon như liếc tình địch. Cứ như cây cầu kỳ dị này sắp chiếm mất Đoàn của cô. Cầu có kiến trúc baroque cầu kỳ nhưng hút mắt dị thường bởi vẻ kهنه duy nhất và lại có thể hòa nhập tuyệt đối với cảnh sắc sông Gon và hai bên bờ. Thành cầu có bức phù điêu một thiếu nữ tóc đuôi gà rất đẹp với sống mũi cao như người Âu. Giữa cầu nổi bật bức tượng người đàn ông đội mũ phớt. Thành cầu vẽ lên nền trời một cánh cung đậm phủ lớp áo mỏng hồng nhạt màu bình minh.

- Đẹp đấy chứ?! Đoàn hất đầu, lập bập diều ba số trên môi, nói với người yêu. Chi nghiêng đầu, né tàn thuốc bay vèo qua, nhả mặt.

- Cũng chẳng thể nào giữ em lại đây được. - Giọng cô thờ ơ.

Chi bỗng đứng thẳng lên, tay bám chặt lưng ghế Đoàn. Mái tóc dài mềm của cô, gió thổi bay về phía sau xe. Cô vươn người đón gió. Cảnh tượng ấy đóng khung

lại trên mặt sông Gon. Thôi thì mặc kệ ngày mai!

Thả Chi vào ngôi nhà gạch cổ của bà họ mình, rồi Đoàn nện giày đinh cồm cộp ra sân, biến mất!

Chi hi hụi cùng bà họ mổ gà, nấu một nồi cháo to và trả lời những câu hỏi bất tận của bà về gia thế, công việc của cô, về mối quan hệ giữa cô với Đoàn... Đến quá trưa thì Đoàn gọi điện, bảo cô cứ ăn cơm với bà, anh đang thết rần nhắm rượu với chú họ rồi. Khoái chữa!

Cháo gà ngọt thiu. Chi vừa ăn vừa tò mò nhìn chiếc thìa nhôm mòn vẹt một phía. Nó đã được dùng vài chục năm rồi. Tiếng nó va vào bát sứ cũng đủ ngân lên trong ngôi nhà quá tĩnh lặng.

Tối đến, giữ ý với bà họ, Chi nhất định không chịu nằm chung với Đoàn. Cô trần trọc trên chiếc giường dát tre ọp ẹp, nghe trên tấm phản góc nhà, Đoàn đã ngáy ọ ọ. Thỉnh thoảng cô lại bật điện thoại xem giờ. Mong sao trời chóng sáng để cô trở lại thành phố. Công việc của cô tuy căng thẳng và nhàm chán, nhưng cô đã quen với nó rồi, hơn là ở đây, dù Đoàn ở đây. Giữa công việc và đàn ông, thì đàn bà bây giờ sẽ chọn công việc, dù sao họ sẽ có công việc đến cuối đời, còn đàn ông thì chỉ có một thời.

Sông Gon ngăn cách làng Gôm với làng Kèo. Làng Gôm nằm trên đất bằng còn làng Kèo vắt lên núi. Làng

(Xem tiếp trang 20)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



HẦM TRÁNH “RÚT KINH NGHIỆM”

Nhà văn HOÀNG THÁI SƠN

TRÊN các con đường đèo dốc, hiểm trở, cứ một đoạn người ta lại phải làm một cái “hầm tránh” cho xe chui vào tạm thời nhằm giải phóng ách tắc ùn nghẽn có khi gây tai nạn... Trong cuộc sống lại có loại hầm tránh mang tên...Rút kinh nghiệm; loại hầm này không giúp ích gì, chỉ làm phức tạp, gập ghềnh thêm con đường đi tới dân giàu nước mạnh.

Mục đích của thứ “hầm tránh” này là giúp một số người có nơi “ẩn nấp”, thoát khỏi lưới pháp luật. Bất kể chuyện to, chuyện nhỏ, cần thiết người ta vẫn cho vô “hầm tránh” nhanh gọn được cả. Thực tế cho thấy nhiều vụ động trời, có khi gây hại to lớn thất thoát tỉ tỉ đồng tiền xương máu mồ hôi dân đóng góp, hoặc ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, nhiều vi phạm dư luận trông chờ được xử lý thoả đáng, vốn là chuyện chẳng ai mong; nhưng rồi bỗng nghe thông báo rất trịnh trọng, rằng “Xét thấy vấn đề chưa đến mức phải xử lý, nên đã cho tổ chức ... “nghiêm khắc rút kinh nghiệm”! (Chưa kể rất nhiều địa phương, cơ quan đoàn thể luôn “Rút kinh nghiệm” nhiều vụ việc trong phạm vi hẹp đây sai trái mà dư luận rộng rãi không biết). Quả đây là một thứ “phép mầu” xuất hiện đúng lúc, đúng nơi làm “hạ nhiệt” dư luận, dù dữ dội như sóng thần, như siêu bão sẽ không việc gì phải lăn tăn lo lắng nữa!

Cần thấy “Rút kinh nghiệm” là một hình thức sinh hoạt nhằm đánh giá các mặt ưu điểm và khuyết điểm, thành công và hạn chế một vấn đề nào đó của một đơn vị, một nhóm, một phạm vi hẹp, thậm chí giữa một vài cá nhân...Riêng về các sai phạm cơ bản là do vô tình xảy ra, cần “đóng cửa bảo nhau” giúp thấy sai mà sửa, thế nên mới gọi là “rút kinh nghiệm nội bộ”. Đó không phải là vấn đề dư luận rộng rãi cần quan tâm. Còn nếu chuyện lớn lao, thậm chí là “quốc sự”, được dư luận quan tâm theo dõi, thì lại không thể xem chỉ là chuyện “rút kinh nghiệm” nữa! Điều này cho thấy sự vụ đáng phải xử lý nghiêm minh, đúng người đúng tội; nhưng lại chỉ dừng lại ở khâu “rút kinh nghiệm”, đã bộc lộ tính bất cập, sự mâu thuẫn, cố ý làm trái của cách giải quyết! Điều đáng nói là với các vụ việc, cách làm thường là xử lý cấp dưới, còn cấp trên thì cho...“Rút”. Gần đây nhất, vụ sập mỏ đá Lèn Cờ (Nghệ An) vô cùng tang thương, trong lúc chỉ đạo các cấp, các ngành xử lý nghiêm minh theo pháp luật các đơn vị, cá nhân, thì lãnh đạo tỉnh cũng chỉ cho “rút kinh nghiệm” việc chỉ đạo của mình! (Theo VietNamnet (9-4-2011), trong bài “Vụ sập mỏ đá kinh hoàng: Chỉ rút kinh nghiệm”)...

Hình thức xử lý này ngày càng lan khắp cả chiều cao và chiều rộng của mọi mặt đời sống xã hội như một căn bệnh lây truyền rất nhanh, đi đâu cũng gặp. Có thể trên thực tế rất hân hữu có trường hợp qua “rút kinh nghiệm” người vi phạm trở nên tiến bộ, nhận ra sai phạm; nhưng phải khẳng định rằng với vô cùng nhiều trường hợp sẽ vô tác dụng, không những thấy sai để sửa mà còn ngày càng vi phạm trắng trợn hơn nữa bởi đã có sẵn “lá chắn” hữu hiệu sẵn sàng che chở! Thật tiện ích: Vi phạm - Rút kinh nghiệm; vi phạm nữa - Lại rút kinh nghiệm nữa!... Cách “Rút” này khiến phép nước... phải “rút lui”!

Việt Nam đang thịnh hành một cuộc hoán đổi: “Văn hoá Rút kinh nghiệm” thay cho “Văn hoá tử chức”!

Hãy trả hình thức “Rút kinh nghiệm nội bộ” về đúng vị trí của nó; và những vụ việc nghiêm trọng xảy ra hãy đặt đúng vào những khung xử lý thích đáng mới hi vọng đẩy lùi mọi tệ nạn cản đường đi tới, ngõ hầu góp phần đưa đất nước tiến lên, đạt mục tiêu xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.■



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

NỖI LO LẮNG CỦA NHÂN DÂN

THẠCH QUỲ

Để khắc phục tình trạng thiếu điện phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước, để sử dụng "năng lượng sạch" bảo vệ môi trường, Chính phủ và quốc hội đưa ra giải pháp xây dựng nhà máy điện hạt nhân ở nước ta. Ý tưởng đó là niềm vui đồng thời cũng gây ra nhiều nỗi lo lắng trong nhân dân.

Ở cuộc họp Quốc hội khoá 9, đại biểu quốc hội tỉnh Ninh Thuận và đại biểu quốc hội Dương Trung Quốc đã phản ánh nỗi lo lắng về sự an toàn nhà máy điện hạt nhân của các cử tri. Đại biểu quốc hội Dương Trung Quốc nói rất thẳng: "Các nhà khoa học và những người có trách nhiệm trình bày ý kiến về vấn đề an toàn hạt nhân còn rất chủ quan".

Vì vậy, vấn đề cực kỳ quan trọng này cần phải được trình bày hết sức khách quan và thật sự sáng rõ trước nhân dân cũng như trước quốc hội và Chính phủ.

Mọi người đã biết, công nghệ hạt nhân ở thời điểm hiện tại, dù có cải tiến từ giai đoạn I, đến giai đoạn II, hay giai đoạn III, thấy đều dùng phương pháp đốt nóng thanh nhiên liệu chuyển nhiệt sang hơi nước để quay tuốc - bin. Đặc điểm của thanh nhiên liệu là khi nhiệt lượng trong lò lên đến 1200° thì gây phản ứng dây chuyền, tích tụ năng lượng lớn, gây nổ lò phản ứng và thoát phóng xạ ra ngoài. Vì thế phải vận hành một hệ thống làm mát để giảm nhiệt, cố định nó ở một mức nhất định. Sự an toàn của nhà máy nằm ở khâu làm mát này.

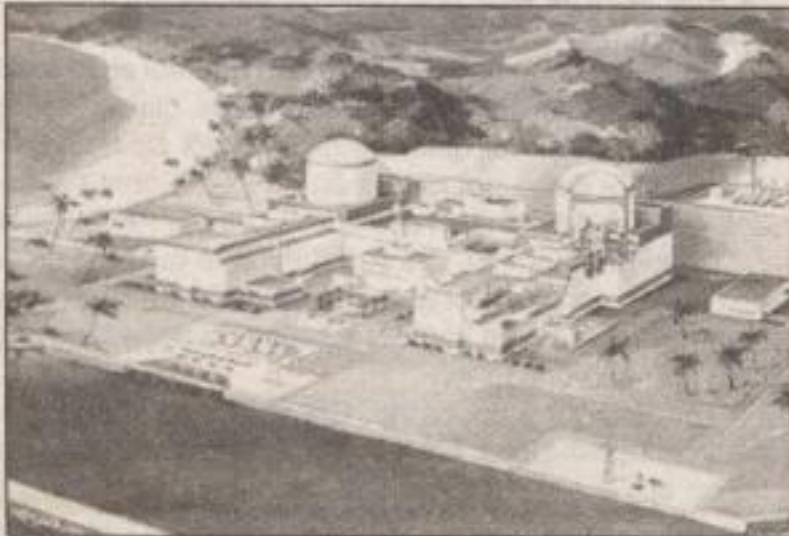
Sau sự cố động đất và sóng thần xảy ra ở Nhật Bản, mọi người đã nhìn thấy sơ đồ làm mát ở nhà máy điện hạt nhân Fukushima gồm 3 khâu có phòng ngừa sự cố: lấy điện từ lưới điện để chạy máy bơm nước, lấy điện từ máy nổ và lấy điện từ pin. Cả 3 khâu đó đều được tự động hoá khi nhà máy gặp sự cố. Nhưng động đất kèm sóng thần là một "sự cố" có sức tàn phá phi thường đủ sức để xoá sạch cả 3 khâu lấy điện tự động liên hoàn đó. Tai hoạ hạt nhân đã xảy ra. Còn may là nhà máy điện hạt nhân

Fukushima chưa nằm đúng vào vị trí bị lật đổ hoàn toàn như các ngôi nhà ở thành phố gần đó. Nếu nó nằm ở khu vực bị lật đổ và chôn vùi thì thảm hoạ đó sẽ vô phương cứu chữa.

Các nhà khoa học của chúng ta nói rằng nhà máy điện



Khu vực thôn Vinh Trường sẽ xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận.



Phối cảnh Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận.

hạt nhân của Nhật Bản thuộc thế hệ thứ 2, chúng ta sẽ xây nhà máy thuộc thế hệ thứ 3, tiên tiến hơn, an toàn hơn. Thế hệ thứ 3, khác thế hệ thứ 2 ở chỗ: Nước làm mát sẽ chảy từ bể chứa từ trên xuống không qua quá trình vận hành lấy điện, bơm nước lỏi thôi, để gặp sự cố! Vậy các nhà khoa học hãy giải thích cho nhân dân rõ 2 điểm sau đây: Một là, nước ở bể chứa không bơm thì lấy từ đâu đến? Hai là, khi động đất, cái bể chứa có chịu nằm trên cao để xả nước xuống cho, lỡ ra nó cũng bị vùi dưới bùn thì sao?

Tóm lại, công nghệ hạt nhân hiện tại đang dùng thanh nhiên liệu đốt nóng hơn nước, đang phải vận hành một hệ thống làm mát, chưa có cách gì để khi gặp sự cố thì lò phản ứng tắt nghỉ hoàn toàn, vô hại. Đó là điều mà tất cả các nhà khoa học quan tâm đến năng lượng hạt nhân đang ra sức tìm kiếm.

Chúng ta cần phân biệt khái niệm an toàn tương đối và an toàn tuyệt đối. Với năng lượng hạt nhân, mọi người đều kỳ vọng có được một công nghệ an toàn tuyệt đối. Hiện tại thì chưa có. Vì thế, có nước như nước Đức đang có ý định tạm ngừng vận hành nhà máy điện hạt nhân để chờ sự ra đời của một công nghệ khác đạt chỉ số an toàn chắc chắn hơn trong mọi biến cố.

Theo tôi, để yên lòng nhân dân, các nhà khoa học nên nói rõ sự thực như vậy: Do cần điện, do yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, chúng ta chấp nhận sự an toàn tương đối, còn sự an toàn tuyệt đối thì chưa có! Rồi ra, Chính phủ, quốc hội và nhân dân tự cân nhắc lấy thiệt hơn mà quyết định. Ý kiến riêng của cá nhân tôi thì tôi nghĩ chúng ta nên lấy điện từ gió, từ mặt trời, tiếp tục nghiên cứu, chờ khi công nghệ hạt nhân có sự thay đổi cơ bản về quá trình chuyển đổi năng lượng, khi đó hãy xây dựng nhà máy cũng chưa muộn! Hiện nay thì năng lượng hạt nhân chưa phải là "năng lượng sạch" như mọi người lầm tưởng, khả năng gây nguy hiểm của nó vẫn luôn tiềm tàng hiện diện...■

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT:

TRIẾT LUẬN VỀ SỰ KHÔN NGOAN

BÔNG LAI

CUỘC động đất kinh hoàng Nhật Bản có lúc tưởng át đi một cuộc động đất khác xảy ra gần như đồng thời, ở châu Phi, với cả loạt hậu chấn ác liệt mà trọng chấn đang là Libi. Không phải nghĩa bóng đâu, cuộc động đất này thật sự nảy đom đóm... đất với đủ loại đạn bom và tên lửa hành trình Tomahawk đấy.

Tại Libi, nó bắt đầu lúc 17h45 ngày 19/3, khi những chiếc Mirage, Rafale của không lực Pháp dẫn đầu Liên quân dội lửa xuống đoàn chiến xa Libi đang tiến về thành trì cuối cùng của quân nổi dậy - Benghazi - nhằm thiết lập "vùng cấm bay" (xe tăng tẩu bỏ cũng có thể bay?) theo Nghị quyết 1973 của Hội đồng Bảo an LHQ. Được gì rồi kể từ ngày đó, sau bốn tuần?

Được cái nhỏ nhỏ là chặn lại đà thắng lợi của quân đội Libi. Và cũng do vậy mà ngăn được một cuộc thảm sát có thể ở Benghazi (Nói "có thể" vì Nhà lãnh đạo Gadhafi trước đó đã tuyên bố

khoan hồng nếu quân nổi dậy nơi này hạ vũ khí). Hết. Không có thảm sát, không quân Libi thì gần như thôi hoạt động và vũ khí nặng của họ cũng đã được cất dấu, Liên quân còn lý do gì để tồn tại?

Các nước phương Tây dù có những toan tính khác nhau cho trận đánh này nhưng đã hoàn toàn nhất trí về việc phải tước bỏ quyền lực của viên Đại tá nóng một trăm độ, lạnh một trăm độ từng gây cho họ bao sự điên đầu kia. Đây mới thật sự là mục đích. Chứng nào ông này chưa đi chỗ khác - kể cả xuống địa ngục - chơi, thì trận đánh chưa xong. Lường trước tình huống và chuẩn bị trước tình huống, họ thông sắn những câu chữ đa nghĩa cho Nghị quyết của Hội đồng Bảo an, song liệu đã tính đủ để có được sự khôn ngoan đến độ?

Thì bây giờ đây, không còn mục tiêu pháp lý cho các cuộc không kích, quân nổi dậy lại yếu kém và ô hợp (không chừng còn có cả Al Qaeda); trong khi

phía đối phương vẫn bảo toàn lực lượng, và cũng không thể nói là họ hoàn toàn không được lòng dân. Làm gì? Thật sự tiến thoái lưỡng nan. Một kịch bản rất có tính hiện thực là đất nước này sẽ bị Xu đảng hóa, Xômalí hóa, nội chiến triền miên mà những quốc gia dẫn đầu cuộc bỏ phiếu ở Hội đồng Bảo an, cũng là các quốc gia đang dẫn đầu cuộc chiến sẽ còn nhiều hao tâm tổn lực. Một kịch bản khác hiện thực không kém là rốt cục, Gadhafi chẳng đi đâu cả. Trí lự nào đây?

Và nếu xét riêng từng quốc gia trong Liên quân thì... Người Pháp đã tỏ ra "khôn" khi đi đầu trong "sáng kiến" thiết lập vùng cấm bay, nhưng sẽ không thể gọi là "ngoan" nếu cuộc chiến không giúp họ lấy lại được uy tín cho Đảng cầm quyền và cá nhân Tổng thống, cũng như bán được những chiếc Rafale tối tân đã được "quảng cáo máu" ngay trên "thực địa". Còn người Mỹ? "Ông" này đặt mình giữa hai sức ép: "Không tồn tại Gadhafi" và "Không

thêm một cuộc sa lầy" nên có thể hiểu và có thể "khen" cái vai trò vừa lấp ló vừa không kém quyết liệt của "ông".

Xét cho cùng thì sự khôn ngoan nằm ở nơi các nước không tham gia bỏ phiếu. Không tham gia bỏ phiếu tức là giữ im lặng, mà im lặng không có nghĩa là không có chính kiến. Tôi đoán chắc mọi dân tộc trên trái đất này đều có những câu tục ngữ giống nhau nói về sự im lặng. Người Pháp chẳng hạn: "Ai không nói gì là thuận lòng" (Qui ne dit mot, consent). Người Anh, người Mỹ chẳng hạn: "Im lặng là đồng ý" (Silence gives consent). Nhưng tôi đoán, "Im lặng là vàng", câu ấy của người Việt mới thật oách vì nó đồng thời khẳng định chân lý.

Suy ra, những nước không bỏ phiếu (nhất là khi họ có trong tay quyền phủ quyết) thực chất là đã bỏ phiếu, bật đèn vàng màu lá mạ cho cuộc không kích rồi. "O.K.", họ được phe Liên quân giơ lên ngón tay cái. Khi bom đã rơi xuống, nhà tan cửa nát rồi, họ liền đăng đàn lên án, đòi hỏi ngưng cuộc công kích. "Tốt!", phe Gadhafi gật đầu. Có thể thấy ngay rằng ông Đại tá có ra đi hay ở lại, họ chẳng "thua thiệt". Và Liên quân có đạt được mục đích hay không, họ vẫn... "lên lương" (!).

Tôi muốn dẫn thêm một câu nổi tiếng có tính phản biện về sự im lặng của Martin Luther King, nhưng thôi, e bị bảo là... lại chẳng khôn ngoan rồi!■

NHÂN NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG - LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

SỰ KẾT TINH TRUYỀN THỐNG VÀ SỨC SỐNG TRƯỞNG TỒN CỦA DÂN TỘC

HOÀNG DÂN MẠC*

Trong dòng chảy tâm linh của dân tộc Việt Nam, trải qua quá trình phát triển rực rỡ và huy hoàng của nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, ngày giỗ Tổ Hùng Vương luôn là dịp để muôn triệu trái tim con dân đất Việt hướng về nguồn cội, tri ân với Người đã có công dựng lên Nhà nước Văn Lang - Nhà nước đầu tiên của một Quốc gia có chủ quyền.

THỜ cùng tổ tiên là một tập tục truyền thống, có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam, là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Trải qua bao biến cố của lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn chiếm được vị trí thiêng liêng trong đời sống tinh thần của người Việt. Ý thức "có tổ, có tông" của con người được bảo tồn trong cội tâm linh và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, dù họ sống trên đất mẹ hay mưu sinh, lập nghiệp nơi đất khách quê người. Đặc biệt, đây là hình thức tín ngưỡng có sức sống lâu bền, được các thế chế chính trị (Nhà nước) từ buổi bình minh của lịch sử đến nay luôn thừa nhận...

Người Việt Nam với đức tin chung một cội nguồn, tất cả là "đồng bào", đều là "con Lạc cháu Hồng", nên tự bao đời nay, ngày



giỗ Tổ Hùng Vương là sự tưởng nhớ, là sự trở về với cội nguồn của dân tộc, là ngày để cả dân tộc tưởng nhớ, biết ơn tiền nhân đã có công sinh thành nòi giống; khai mở bờ cõi, tạo dựng hình hài đất nước. Đó là ngày giỗ trọng của người Việt Nam.

*Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba
Khắp miền truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm...*
Năm Tân Mão - 2011 này, giỗ Tổ Hùng Vương do UBND tỉnh Phú Thọ chủ trì tổ

chức, với sự tham gia của các tỉnh: Tuyên Quang, Hòa Bình, Nam Định, Quảng Ngãi và Đồng Tháp đại diện cho ba miền: Bắc, Trung, Nam. Các hoạt động lễ hội Đền Hùng năm nay được diễn ra trong một không gian mở rộng từ Đền Hùng về đến Ngã ba Hạc thành phố Việt Trì và các huyện lân cận. Nét mới của giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm nay tập trung chủ yếu vào những hoạt động chủ yếu phục vụ công tác xây dựng hồ sơ "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương" và hồ sơ "Hát Xoan Phú Thọ" để nghị tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại cần bảo vệ khẩn cấp...

Từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đến tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là sự kết tinh và phát triển các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Những giá trị ấy góp phần bồi đắp lòng yêu nước thương nòi, đạo lý uống nước nhớ nguồn, có trước có sau; xây dựng đời sống tinh thần phong phú trong thời đại mới. Không gì khác, chính từ những giá trị đó đã làm nên sức sống trường tồn của dân tộc Việt Nam trước bao biến cố của lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước.■

(*) Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

GIA ĐÌNH VÀ TỔ QUỐC

VŨ KHIÊU

TRONG truyền thống Việt Nam, gia đình luôn gắn bó với Tổ quốc, coi Tổ quốc là một gia đình lớn. Dòng họ tập hợp các gia đình, bảo vệ lợi ích của gia đình, đặt lợi ích của mỗi gia đình nhỏ gắn liền với lợi ích chung của gia đình lớn. Cũng vì thế mà mỗi dòng họ ở Việt Nam đều sống hòa thuận và đoàn kết với dòng họ khác, cùng đấu tranh cho sự phồn vinh và an toàn của dòng họ lớn tức là Tổ quốc Việt Nam.

Tinh thần trên được phản ánh trong truyền thống lâu đời của dân tộc. Bà Âu Cơ lấy Lạc Long Quân đã đẻ ra một bọc trăm trứng. Trăm trứng nở ra trăm con, trăm con trở thành trăm dòng họ.

Phải chăng truyền thuyết đã tạo ra sự gắn bó anh em giữa trăm dòng họ hay chính sự gắn bó giữa trăm dòng họ tạo ra truyền thuyết. Dù sao truyền thuyết ấy và sự gắn bó ấy đã tồn tại lâu đời như một sức mạnh trường tồn mang đặc điểm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Gắn gia đình nhỏ với gia đình lớn, gắn dòng họ nhỏ với dòng họ lớn cũng lại là tư tưởng lớn nhất của Bác Hồ. Người đã nêu lên chiến lược:

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công!*

Qua hai cuộc kháng chiến oanh liệt, các dòng họ đã phát huy truyền thống của dân tộc góp phần giành lại độc lập, tự do và từ đó phát triển kinh tế và xây dựng đất nước về mọi mặt.

Giải quyết xong những vấn đề cấp bách của gia đình lớn, dòng họ lớn, chúng ta có điều kiện để quan tâm hơn đến gia đình nhỏ và dòng họ nhỏ. Từ hòa bình lập lại, khắp mọi nơi trên đất nước, nhất là những năm tháng gần đây vấn đề dòng họ được đặc biệt quan tâm. Hầu như mỗi nhà đều đặt bát hương thờ cúng Tổ tiên. Nhà thờ, mộ mã được sửa sang. Gia phả được tìm lại, ghi chép và phổ biến. Nhu cầu tình cảm đã khiến mọi người trong dòng họ nặng đi lại thăm viếng nhau hơn. Những ngày họp họ hay giỗ Tổ đều thu hút được nhiều người.

Những nhu cầu nói trên là lành mạnh, là tích cực, là tất yếu. Từ trước đến nay, sự liên kết dòng họ luôn luôn mang ý nghĩa tích cực, những hiện tượng tiêu cực trong sự liên kết này thường là rất hiếm và bị lên án. Tất cả những cuốn gia phả để lại cho đến hôm nay luôn nêu lên những phẩm chất tốt đẹp của dòng họ. Gia phả nào cũng viết về truyền thống yêu nước, đều ghi chép về con em trong gia đình và dòng họ đã đem hết tài năng và trí tuệ phục vụ Tổ quốc và đồng bào, đạt những công tích được ghi nhận trong lịch sử của dân tộc và của địa phương. Tất cả các gia phả cũng như các gia huấn, các di chúc còn giữ được hiện nay đều nhắc nhở con em phải chăm học, phải giữ thanh danh của dòng họ. Nói chung là phải: Hiếu thảo trong gia đình, phải săn sóc người già, phải giáo dục thiếu nhi, phải nhân hậu với xóm làng, bè bạn.

Ngày hôm nay đất nước đi vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nền kinh tế đang phát triển nhanh

chóng. Những mâu thuẫn đã xuất hiện cần được giải quyết. Phải chăng phát triển kinh tế không đồng hành với phát triển văn hóa? Phải chăng đạo đức không thể kết hợp với kinh doanh (Vi phú bất nhân, vi nhân bất phú)? Phải chăng đồng tiền bao giờ cũng khuyến khích tham nhũng và hủ bại, cũng dẫn đến sa đọa và tội ác.

Dòng họ có vai trò quan trọng hơn người ta tưởng. Nếu như những phẩm chất tốt đẹp ghi trong gia phả và gia huấn được các dòng họ làm sống lại, được mọi người tuân theo, được coi như một lễ sống đáng tự hào của dòng họ mình thì nhất định những hiện tượng tiêu cực nói trên sẽ bị đẩy lùi trước những phẩm chất sáng ngời của những con người

trung hiếu, tiết nghĩa... Còn có biết bao tấm gương quan thanh liêm, sống suốt đời thanh đạm. Còn có những tấm gương làm giàu chính đáng và sống đầy tình nghĩa với anh em, họ hàng, làng xóm.

Hiện nay, cả nước đang phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, các dòng họ không những có nhiệm vụ thúc đẩy thêm sự nghiệp ấy mà còn có khả năng lớn hơn nữa trong việc xây dựng xã hội công bằng và văn minh. Thực hiện cho được những nguyên tắc tốt đẹp về lối sống của dòng họ, phát động niềm tự hào của mỗi người đối với danh dự và truyền thống của dòng họ. Đó là đóng góp của dòng họ và sự nghiệp chung, tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, giữa đạo đức và kinh doanh, giữa gia đình và Tổ quốc trong nền kinh tế thị trường và trước những thử thách hôm nay.■

(*) Rút từ bài viết "Vua Hùng với trăm họ" của GS Vũ Khiêu, nhân ngày giỗ Hùng Vương. Tiêu đề do Tòa soạn đặt.

NHỮNG DI SẢN CỦA VUA HÙNG

NGUYỄN TRIỆU TỰ

TỪ 4000 năm lịch sử, thời lập quốc mở làng đến 2011 năm nay, những con Rồng cháu Tiên (đồng bào cả nước xưa nay) bao giờ cũng ghi sâu ơn đức cội nguồn mà thành kính giỗ tổ Hùng Vương. Bởi, chẳng những các Vua Hùng để lại cho ta "Nam quốc sơn hà" mà còn để lại những di sản tri thức và tinh thần quý cho dân tộc vận dụng muôn đời cùng những bài học lớn về **chính trị, quân sự, kinh tế và xã hội**.

Từ bản ngọc phả Đền Hùng đến các truyền thuyết ta đã thấy: khi chế độ thị tộc nguyên thủy tan rã, các Vua Hùng không duy trì chế độ chiếm hữu nô lệ để áp đặt bộ máy quản lý mà đã bắt đầu biết phát huy **quyền dân chủ** để thiết lập chế độ làng chạ tự quản "làng xã vẫn là bầu trời riêng của người Việt, thủ lĩnh Việt, hùng cứ ở hương thôn" (Văn Hiến thông khảo LSVN). Cho nên ruộng đất của người đứng đầu làng chạ cũng chỉ được hơn dân một chút. Xã hội thời đó cũng có 4 cấp: Vua Hùng, Lạc Hầu (quan Triều), Lạc tướng (quan địa phương) và Lạc dân. Cho nên người đứng đầu làng chạ do dân làng bầu ra (vua không bổ nhiệm), dân có quyền phế nếu người đó biến chất. Cho nên có sự gắn bó chặt chẽ và bình đẳng về quyền lợi và tình cảm. Ngày nay ta có: "mọi công dân bình đẳng trước hiến pháp và pháp luật" cũng là xuất phát từ tinh thần đó.

Lý trưởng (trưởng thôn nay) làm công tác hành chính thu thuế, bắt phu, lính, dành riêng cho hội đồng tộc biểu bàn thực hiện mọi công việc nội bộ của làng. Tất cả người trong làng đều chấp hành tốt **hương ước do dân xây dựng nên**. Ngày nay ta vẫn còn nhiều tục lệ, sinh hoạt văn hoá... đáng nhắc thời Vua Hùng. Đến thời Pháp, chúng tận dụng bộ máy cũ chỉ thêm cho hào lý một số quyền hạn để dễ làm tay sai cho chúng, nhưng không biến mất nếp làm ăn, nếp làng nước và phong tục truyền thống. Và, qua truyền thuyết Thánh Gióng dẹp giặc Ân cũng đậm nét chiến tranh toàn dân toàn diện như Đảng ta vận dụng trong đánh Pháp và Mỹ. Do đó từ di sản quân sự thời Vua Hùng ta biết kết hợp chế độ xã hội và quân sự đã lấy dân làm gốc để giữ nước. Nền Đảng ta cũng dựa vào gần 3 vạn làng làm 3 vạn kho người kho của, làm pháo đài bảo vệ đất nước ta.

Về kinh tế, Vua Hùng đã biết dạy dân làm lúa nước đầy sáng tạo ở xứ đồng Lú (Minh Nông - Việt Trì), toàn dân đã tồn sùng ngài là con cháu thần nông như số ngọc phả ghi. Qua "Thần nông giáo dân" thì thần nông theo tín ngưỡng dân gian là vị thần trên trời chuyển nghề trồng trọt, nên nhiều nơi có đàn thờ thần nông, tiến hành tiến bái 2 vụ chiêm-mùa (hạ điển và thượng điển) kèm theo tết cơm mới, cũng như kéo theo những nghề thủ công khác làm cho kinh tế phồn thịnh (theo *Vũ Kim Biên*). Trên lĩnh vực văn hóa thì hầu hết các thôn làng đều có các điểm thờ, phong tục, hội hè, tết nhất cháu... để con cháu tựa vào đó mà có nếp sống văn minh, lòng nhân ái, có đạo lý tình đời tốt đẹp.

Đó là những di sản mà dân ta mang ơn các Vua Hùng mãi mãi.■

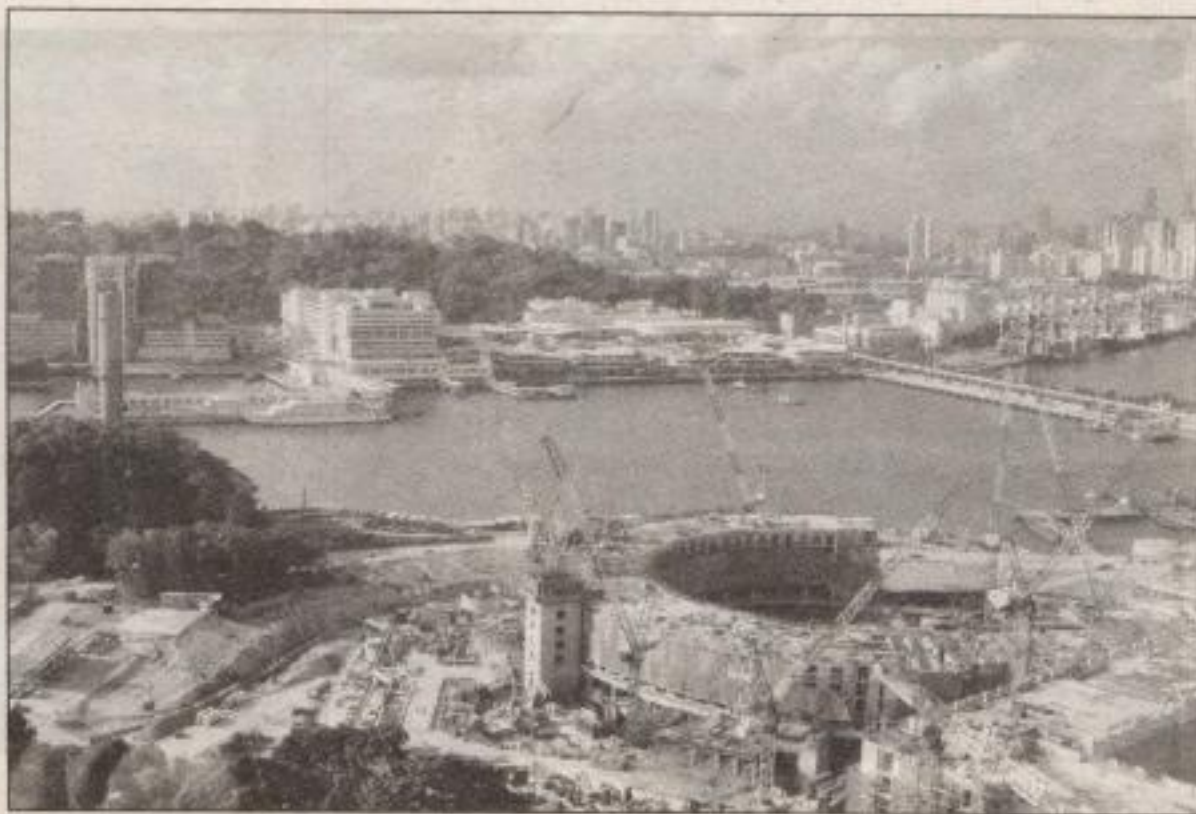
ĐI MỘT NGÀY ĐÀNG

Bút ký của BÙI QUANG THANH

ĐẢO Quốc Sư tử - con rồng châu Á giữa biển Đông mệnh mông xanh thắm, từ trên cao nhìn xuống Singapore như một chuỗi kim cương lấp lánh đủ sắc màu. Khi máy bay sà thấp để đáp xuống đường băng, tôi lại gặp một công trường khổng lồ, tấp nập mà ngăn nắp, ổn định mà mở mang, thanh bình mà dồn hổi ngay dưới cánh bay của chiếc SILKAIR của hãng SINGAPORE AIRLINER.

Theo thông tin có được, Singapore là một quốc gia nhỏ bé về địa lý, nhỏ đến nỗi chỉ bằng diện tích quận Cần Giờ của thành phố Hồ Chí Minh nhưng có đến 4,5 triệu cư dân. Lịch sử tồn tại và phát triển của đất nước này cũng qua bao thăng trầm, tủi nhục; qua nhiều lần tan, hợp với các vương quốc, bộ tộc vì huyết thống, vì tôn giáo, vì lợi quyền, vì bạo lực áp bức và vì độc lập tự do. Ảnh hưởng văn hoá, nếp sống, phong tục cũng xô bồ nhiều nguồn cội từ Tây Á, Viễn đông, Bắc Âu, châu Mỹ... trải qua hàng trăm năm dưới sự đô hộ, 'bảo trợ', xâm lược của Đế quốc Anh, với vị trí địa lý thiết yếu trên đường hàng hải nối giữa Âu châu và Trung Quốc, Singapore nhanh chóng trở thành một trung tâm thương mại lớn và tập trung ở vùng Đông Nam Á từ những thế kỷ 18. Cũng bởi những điều kiện trên, cư dân Đảo quốc Sư tử rất đa dạng về chủng tộc, về tôn giáo, về nghề truyền thống. Tổng số dân của nước này là 4.55 triệu người thì 76,8% là người Hoa, 13,9% người Mã Lai, 7,9% người Ấn Độ, Pakistan và Sri Lanka; 1,4% người gốc khác. Về tôn giáo, hơn một nửa dân số theo Phật giáo và Đạo giáo, 15% là tín đồ Đạo Cơ đốc; Hồi giáo chiếm khoảng 14% và cũng chừng đó nữa không theo tôn giáo nào. Tuy vậy, từ khi độc lập (tách khỏi liên bang Ma lai xi a - 1959) tới nay, chính trị và an ninh rất ổn định. Cũng cần biết thêm rằng, sau khi có độc lập, Singapore đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, bao gồm nạn thất nghiệp, thiếu nhà ở, đất đai và tài nguyên thiên nhiên. Trong nhiệm kỳ của mình từ năm 1959 đến 1990, tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài và bản nội lực, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã từng bước kiểm chế thất nghiệp, lạm phát, tăng mức sống và thực hiện một chương trình nhà ở công cộng với quy mô lớn. Các cơ sở hạ tầng kinh tế của đất nước được phát triển, mối đe dọa của căng thẳng chủng tộc được loại bỏ và một hệ thống phòng vệ quốc gia được thiết lập. Singapore từ một nước đang phát triển trở thành một nước phát triển vào cuối thế kỷ 20...

Từ sân bay, chúng tôi đi thẳng tới công viên "bánh xe" để được nhìn bằng mắt và chụp ảnh toàn cảnh thủ đô Singapore. Vào ngồi trong những ca bin lớn hình trụ nằm ngang, xung quanh bọc bằng mi ka (hay kính) trong suốt được gắn vào chiếc bánh xe trông giống guồng nước khổng lồ của thuở xa xưa, bánh xe ấy từ từ quay đưa dần chúng tôi lên trời cao, thoả sức ngắm biển, ngắm sông, ngắm thuyền bè qua lại đan xen và thường ngoạn kiến trúc kỳ vĩ của thành phố. Sông Singapore nổi từ biển phía đông tới biển phía tây, là trung tâm thương mại và du lịch, nơi tập trung các công trình kiến trúc đẹp nhất của thành phố Sư tử. Từ đỉnh cao nhất của bánh xe nhìn xuống, các công trình kinh tế của đảo quốc chen chúc nhau quanh cửa sông, cảng biển, toàn đảo phủ kín cây xanh; những ô, những thửa tam tấp, lối hàng có lẽ là rừng cao su. Cuộc bộ đi thăm đảo mới biết cũng có nhiều khu gỗ



Đại công trường mà không bộn bề bụi bặm. Đó là đặc trưng môi trường của đảo quốc Sư tử

tạp để giữ môi trường và tạo cảnh quan; có cả nhiều khu rừng nguyên sinh đã được chuyển hoá thành Vườn thực vật hoặc vườn thú, vườn chim, vừa tự nhiên vừa hiện đại. Diện tích xây dựng rất khiêm tốn so với thảm xanh thực vật, thành phố sạch đến khó tin, bụi bặm không có chỗ để tồn tại, không ai dám vất rác rưởi vào môi trường (nghe đâu sẽ bị phạt rất nặng). Tôi hỏi anh hướng dẫn viên du lịch tên Sam, vốn là gốc người Hoa: "Singapore có mấy trung tâm đô thị như thế này?" Sam cho biết: "Chủ yếu dân cư tập trung ở thủ đô và những khu công nghiệp, thương mại quanh đây." "Vậy những bốn triệu rưỡi người sao đường phố thoáng vậy, họ ở vào đâu?" Sam cười: "Họ chui xuống...đất và ở trong các cao ốc kia". Thì ra rất nhiều tầng đường hầm ở ngay dưới chân chúng tôi đi: đường ô tô ngầm, đường xe điện ngầm, các nhà hàng, siêu thị, chợ búa ngầm... Bất ngờ thấy một dòng người từ dưới đất trồi lên; lại bất ngờ thấy một dòng người khác mất hút. Các cầu thang máy băng băng trượt chuyển tải sự sống từ đất lên trời và ngược lại. Tôi có cảm giác hòn đảo này như bị rỗng hết ruột rồi và thổ mạnh chân giày xuống đất để tưởng tượng ra tiếng kêu bồm bộp của một chiếc mô tre. Tự nhiên tôi thấy cái giàu, cái đẹp rất có giới hạn của Đảo quốc Sư tử. Rồi nhà đâu lên đến mây? Rồi ruột đất đâu mà moi nữa khi con người cứ nhiều mãi lên...và tôi thấy cái Họ không thể so sánh với Ta là tài nguyên thổ nhưỡng, là những vùng rộng lớn lãnh thổ đang đợi bàn tay, sức lực cải tạo của con người. Hoá ra điều suy nghĩ của tôi, người Sin đã nghĩ tới lâu rồi. Họ đã san đất từ đồi xuống (dù đồi hết sức hiểm hoai, cả quần đảo chỉ có ngọn đồi Bukit Timah với độ cao 166 m); moi cát tận đáy biển lên hoặc mua đất đá từ các nước láng giềng về mở mang lãnh thổ. Kiến tha lâu cũng đầy tổ, sau mấy chục năm chất chiu gom nhặt, diện tích đất của Singapore đã tăng từ 581,5km² ở thập niên 1960 lên 697,25 km² ngày nay và có thể sẽ tăng thêm 100km² nữa đến năm 2030. Phải nói người Singapore chăm lo môi trường cực tốt. Rừng tự nhiên vốn không có nhiều nhưng được giữ gìn, trở thành những vườn sinh thái, vườn thực vật, vườn động vật hoang dã và cả những cánh rừng chim. Có cả một khu Vườn Thực vật Singapore rộng tới 52 hecta, Vườn Lan Quốc gia với hơn 3000 loài hoa phong lan. Người Sin coi

phong lan là loài hoa biểu trưng cho đất nước mình. Vì phong lan không cần nhiều đất? Vì phong lan dẻo dai trước nắng gió? Vì phong lan có thể sống cùng đá cùng rêu...? Đi bất cứ đâu, trong nhà, ngoài phố, nơi vui chơi công cộng hay từ xí nghiệp, quầy hàng đều có sự hiện diện của phong lan. Có lẽ qua nhiều quá trình lai tạo, chọn giống nên phong lan ở đây không còn đặc tính hoang dã nữa mà được trồng trãi như các loài hoa khác, lúc nào cũng rực rỡ những hoa.

Không chỉ thiếu đất, cát, khoáng sản, nguyên vật liệu... mà ở Singapore còn thiếu trầm trọng một thứ thiết yếu của muôn loài: nước ngọt. Không có nước ngọt từ sông và hồ, từ các mạch nước ngầm, nguồn cung cấp nước chủ yếu của Singapore là từ những trận mưa rào được giữ lại trong những hồ chứa. Lượng nước ngọt do mưa cung cấp chỉ đạt khoảng 50% nhu cầu; phần còn lại được nhập khẩu từ Malaysia. Anh Sam cho biết, sắp tới vấn đề hợp đồng mua bán nước ngọt giữa Singapore và Malaysia sẽ có những khó khăn, người ta tái chế nước thải đã qua sử dụng để sinh hoạt, bao gồm cả nước uống(!) Nhiều nhà máy sản xuất nước tái chế đang được đề xuất và xây dựng nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu. Sam chỉ những chai nước lọc bày bán ở các quầy hàng và cười: "Đây là nước uống tinh khiết được tái chế từ nước thải sinh hoạt đấy". Tự nhiên cổ họng tôi lờm lờm. Lại thấy quý giá vô ngần những dòng sông tràn trề nước ngọt mãi miết chảy về biển ở quê hương...

Ban đêm ở thủ đô Quốc đảo Sư tử thật đẹp, cái đẹp của đô hội - phù hoa và gấp gáp. Người ta đi thuyền, dạo phố, "úm bà la" trong các đường ngầm với nhiều kiểu phương tiện. Các chị, các bà đồ xô đi mua sắm ở các Shop chui sâu dưới lòng đất, thậm chí cả lòng biển. Xác định chỉ làm trung gian buôn bán, vận tải và giao lưu, người Sin biến nước mình thành thương cảng, thành cái chợ nổi khổng lồ của thế giới ở điểm giao lưu của 3 đại dương lớn nhất lục địa là Thái Bình dương, Ấn Độ dương và Đại Tây dương. Từ nhiều thế kỷ nay, nền kinh tế Singapore chủ yếu từ thương mại và công nghiệp hàng hải. Gần đây, khi sự phát triển chóng mặt của dân số và hậu quả xấu của nạn tàn phá, huỷ diệt môi trường của con người, các lực địa dần trở thành khô khốc, chật chội và ô nhiễm,

Singapore nổi lên như một viên ngọc xanh xán, dịu dàng giữa biển xa bởi sự thực hiện nghiêm túc những quy chuẩn cuộc sống, chấp hành pháp luật, ý thức công dân, giáo dục cộng đồng... Nơi đây trở thành trung tâm du lịch môi trường, sinh thái thu hút đông đảo du khách và nền kinh tế qua đó cũng được chấp cánh như hổ, như rồng. Hàng hoá ở Sin dù đa dạng nhưng không xô bồ hổ lốn như các đô thị ở Việt, ở Thái hay ở Tàu. Tất cả đều bày biện đẹp đẽ, gọn gàng trong các siêu thị và tất cả đều có giá trên... mây. Lắng nghe chuyện trò của các bà, các cô đi "chợ" về, ai cũng xuýt xoa tiếc rẻ số tiền đã mua hàng khi được "quy" ra Việt Nam đồng; cũng hình dung ra bí quyết làm tiền của những tay dẫn "tua" du lịch. Hầu như các đường dẫn đồ được khép kín từ "nhà" khai thác nguồn khách đến các quán hàng ăn, khu tham quan giải trí và đặc biệt là các cửa hàng xa xỉ phẩm, mỹ phẩm, trang sức, thuốc chữa bệnh... Bằng nghệ thuật "dẫn mối" từ khi thiết lập hành trình để "dụ" du khách theo trận đồ vạch sẵn của "nhà tua" đến lời mời mọc ngọt ngào của nhân viên các quầy hàng và sự quyến rũ bởi mẫu mã, các chiêu quảng cáo hấp dẫn, tiền nằm sâu dưới đáy ví quý khách cứ tuồn tuột chui ra. Hầu như ai cũng tặc lưỡi; mấy khi sang được đây, mua cho biết. Tôi cần mua một chiếc khăn mặt, chọn một cái nho nhỏ (hình như hàng Việt Nam), khi ra quầy trả tiền hết 8 đô Sin, nhấm ra tiền Việt mới giật mình: 112.000đ. Mấy người bạn cười: về Việt Nam mua được 10 cái ông ơi. Chậc chậc: thì để biết. Và lại không thể không mua. Mà từ một cái khăn, suy ra các mặt hàng khác: tất tạt đều nhập khẩu, vậy thì tất tạt đều đắt đỏ! Sao người tây, người ta đều tranh nhau mua? Cửa hàng bán đá quý và đồ trang sức bày la liệt những thứ không ai thẩm định nổi chất lượng nhưng có giá trăm đô, ngàn (thậm chí nhiều chục ngàn) đô Sin. Một đoàn khách Việt Nam tham quan - dù đó là những người lao động hoặc quản lý những doanh nghiệp cầu đường, xây dựng nhỏ - vẫn hăm hở mua vòng, lắc, dây, mặt nhẫn, đồng hồ... mỗi cái có giá nhiều trăm đô. Tôi thăm liên tưởng đến các quầy mỹ nghệ, vàng bạc đá quý ở Việt mà so sánh, mà ngạc nhiên. Vì sao các bà, các chị lại hào phóng, lại trường giả đến thế? Họ tâm sự: mấy khi du lịch sang đây anh; và những siêu thị oai thế này họ phải bán hàng thật chứ? Bảo hành đây này! Bảo đảm đây này(!?) Mà mấy gã người Tàu nói tiếng Việt lớ to, mấy cô chân dài mỗi chài thật "ngọt", lại cả 2 tay hướng dẫn viên du lịch một Việt - một Sin cứ tăng như thể không có hàng hoá ở đâu tốt hơn, tuyệt vời hơn... Nào là "kỹ nghệ gia công tinh xảo" khi ở quầy đá quý; "keo ngon nhất hành tinh" khi thăm "nhà máy sản xuất Chocola" - thực chất chỉ là quầy giới thiệu bánh kẹo; "rượu tuy đắt nhưng mà rượu thật"; "dầu xanh - sản phẩm duy nhất chỉ có ở Singapore"... Thế là cuộc du hí trở thành cuộc "tù lệt túi" của du khách.

Mỗi chân, hết tiền mà chưa đi được là bao dù diện tích ốc đảo chỉ bằng một huyện ở Thành phố Hồ Chí Minh thôi. Có cảm tưởng cả đất nước này là một cái chợ khổng lồ: trên trời, mặt biển, dưới đất với đủ thứ chợ treo, chợ nổi, chợ chìm và cả Đảo quốc Sư tử là một chiếc máy "vắt túi" khổng lồ, cực kỳ tinh xảo, hoạt động không ngưng nghỉ. Chả trách họ có thể khoan trời, lấp bể, dời núi, khai sông mà mở mang bờ cõi ngày một rộng dài. Thật đúng là "Đi một ngày đàng". ■

NGUYỄN XUÂN THÂM

Tháng tư hoa anh đào nở

Tháng tư

Hoa anh đào sẽ nở trên tro tàn
Trên thành phố sông thần và nát
Như hoa đã nở trên hố bom nguyên tử ở Hirôshima
Trong tháng hồi sinh nước Nhật

Tháng tư

Hoa anh đào hồng môi thiếu nữ
Ánh mắt người già
Da thịt em bé tím được trong xô bếp

Hoa anh đào

Nói gì với loài người đang chia sẻ âu lo
Về hiểm họa phóng xạ trong đám mây ngọn gió
Về những lò hạt nhân Fukushima

Rút khỏi bờ

Con sông thần hung hãn đã ngủ yên dưới đáy biển
Xin phút nguyện cầu: đừng bao giờ
Quay lại mảnh đất tốt cùng đau khổ

Hoa anh đào nói gì, hoa ơi

Trước cô gái dựng lại ngôi lều của mình sau đổ nát
Phải không sức mạnh của đất nước mặt trời mọc
là con người

Đừng từ bỏ hy vọng

Hoa anh đào sẽ nở trên tro tàn.

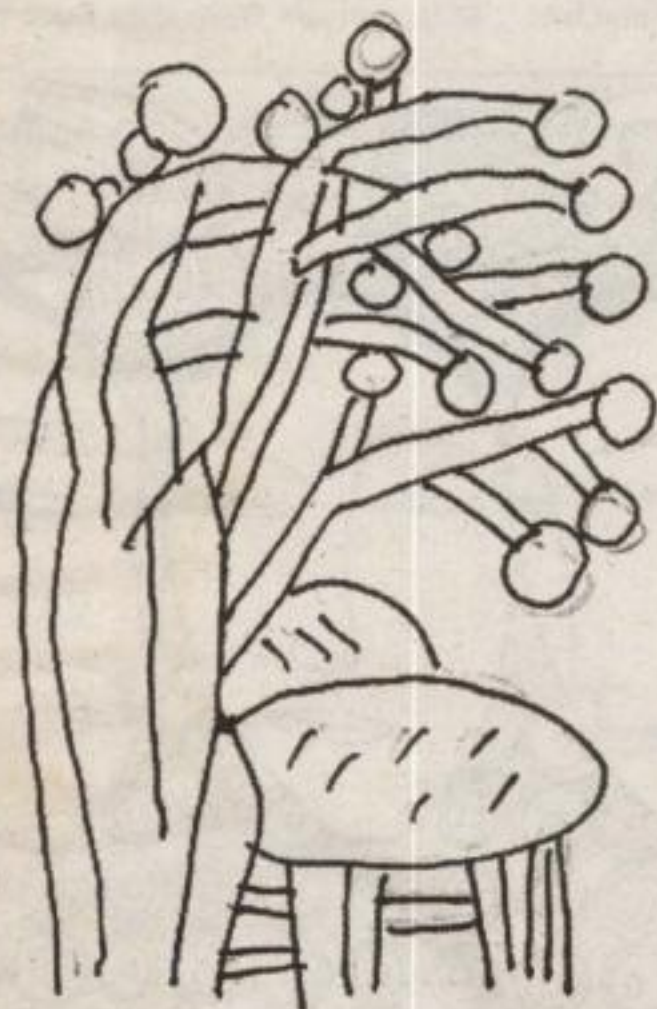
Những người Gò Dúi

Những người Gò Dúi

Họ tự do đón mặt trời lên trước mọi người
Đón cơn bão biển Đông bẻ cột buồm cái
Tự do vượt Hòn Hèo
Tàn đêm chong đèn câu mực
Câu cá ngủ đại dương
Tự do đốt lửa nấu dẫu dừa
Tự do tát đĩa bắt con tôm bạc đất
Rủ nhau xay bột đồ bánh xèo
Tự do nghèo
Tự do treo lưới

Tôi lớn lên

Nhờ con cá con mắm Gò Dúi
Làm thơ cho tự do
Cho những số phận gió thổi
Cho mùi bánh xèo buổi sớm quán nghèo khó.



ĐẶNG HIỂN

Điệp khúc

Một ông già đứng bên bờ bể
Đứng từ trưa cho đến khi nắng xế,
Sóng vỗ hồi lớp trước lớp sau,
Sóng tung bờ, bọt trắng lẫn tóc râu.

Và cứ thế từ trưa cho đến khi nắng xế,
Ông già đứng lặng nhìn sóng bể.

Phượng tháng 9

Còn sót vài bông đỏ

Trước thu sang
Như bùng lên lần nữa
Trước khi tàn.
Đã cháy hết mình bao hè cũ,
Còn đốt lòng ai thu nhớ thương.

Lau trong bình

Lau trong bình, cứ ngỡ là hoa giả

Đầu biết con có bạn núi về chơi
Ra thế, lau mà không sương gió
Dẫu thật cũng là như giả thôi.

VŨ TRƯỜNG GIANG

Đóng băng

Ai đó ướp linh hồn tôi vào chiếc hộp nhựa hiệu Tasing
nằm trong khối băng đã bốn mươi chín ngày
tôi hình dung những run rẩy đeo đeo bám bám
những tê tái bám bám đeo đeo

Tôi vẫn cười và vẫn sống với trạng thái vô thần
thân xác tôi vẫn ấm
nhưng, tâm hồn lạnh dần
không nghĩ, không suy, không buồn, không giận
chỉ có...
không gì cả

Không một chiều vật lý nào tồn tại trong tôi
không một khoảnh khắc nào ngự trị trong tôi
cái kho kỷ ức bị khóa
cái túi trí thức bị buộc chặt
sự vô tri trở thành đại bá

Linh hồn tôi đã đóng băng
tôi đã đóng băng
khối tình tôi cũng đã đóng băng
tôi đặt về kỷ Băng Hà
được nâng niu trong bọc nước đơ cứng
tôi đã bị chôn vùi
dưới lớp trầm tích của thứ rác vụn lại.

Bí sử

Sẽ không tìm thấy kỷ ức buồn
sau bức tường cổ cung rêu phủ
nhát dao thời gian
cắt lìa những số phận
cột mình vào Tử Cấm Thành
lắm lúc ai hoài tiếng trống canh

tôi đào được trong hốc cổ thư
tám mộc bản còn nguyên dấu chữ
khắc tên cuộc đời đoản mệnh
giấu sâu dưới muôn ngàn trầm tích quá khứ

vía tắng kia còn vương mùi son phấn
thoảng bay qua phố một xác chiều.



LÊ HƯỜNG

Tự cảm

Ta đã viết ngàn bài thơ có lẽ
người khen hay, người bảo chẳng ra gì
cứ bình tâm lặng lẽ mà bước đi

lại viết tiếp, còn sức còn viết nữa
con chữ lung linh sáng tạo vô bờ
dẫu tuổi tác trái tim không sung mãn
vẫn dâng tràn xúc cảm với năng thơ

gặp ánh mắt cười - lòng ta réo rắt
gặp cảnh chia ly - ruột thắt rưng rưng
gặp nỗi đau đời - tự nhiên muốn khóc
gặp niềm hân hoan - chợt thấy vui chung

lại viết nữa, còn sức còn viết mãi
thời gian công bằng phán xét vô tư
câu chữ giả sẽ rơi vào quên lãng
tự tay ta cũng đem đốt thành tro!

Bất chợt

Bên em

bên bếp than hồng
và ngó nếp nường
bénh bóng sương bay
Sapa
đêm
thế mà say
khên Mông gọi bạn tình
hay gọi mình?

Em đưa chén rượu Sanlùng
hoảng hươu đầu núi
cuối rừng suối reo
bằng khuâng
ngồi giữa phố nghèo
gặp hương đồng nội lên theo
non ngàn

Sapa
đêm
thật nồng nàn
bếp than hồng rực
đôi bàn tay thon
con tim bất chợt véo von
lời của rượu
với ngó non... xao lòng!

NGÀY MAI RỒI SẼ RA SAO

Truyện ngắn của KHIẾU QUANG BẢO

Họ có ba người. Giống như buổi sáng ngày chủ nhật cuối tuần tuần trước, Má Lúm lái chiếc xe Camry đón tận cổng nhà hai chị bạn cùng ở Tây Hồ, về phố cổ ăn sáng phở Tư Lùn Hậu Duệ với tô tái nạm gầu ngon ngậy thơm lừng, rồi tiếp đó lại đưa nhau đến Café Bon Matin nhâm nhi và tán róc. Họ cam kết với nhau sáng chủ nhật nào cũng thế. Sau một tuần làm việc dưới áp lực căng thẳng cộng với những lo toan đủ điều trên đời, thì cuộc gặp nhau nửa ngày cuối tuần như thế này thật quý, một liều thuốc xả stress hữu hiệu.

Ba người đàn bà này quen nhau mới được hai tuần, trong một lần gặp mặt tình cờ ở nhà tắm hơi. Họ quen nhau không câu nệ. Cả ba cùng chợt nhận ra vẻ đẹp của nhau trong tư thế trần truồng, đắm mình trong hơi nước nóng bốc lên như mây. Người nọ khen người kia, ngưỡng mộ thực sự. Họ trưởng đến bên nhau. Đưa tay vuốt ve nhau, lén theo từng đường nét trên cơ thể, những nơi tiêu biểu nhất của phái họ, cứ như ba người đàn bà đồng tính, để rồi có kết luận thẩm định. Đúng là đẹp.

Cho tới khi cả ba cùng cảm thấy đã ngọt ngào với hơi nước sắc mùi hương nhu và lá xả, họ choàng khăn ra ngoài ngồi nghỉ thư giãn và mút sữa lạnh, thì cả ba không còn nghi ngờ gì nữa là chúng ta cùng đẹp.

"Chúng ta ra đây có phải xưng danh không nhỉ?"

"Không xưng danh ai biết ai là ai!"

Nhại câu chèo, cả ba cùng cười toáng lên làm mấy gã đàn ông ngấm trộm từ xa giật mình.

Một vài lời tự giới thiệu về mình. Hóa ra họ có nhiều điểm tương đồng.

Thứ nhất, họ cùng xinh đẹp ngang nhau. Đàn bà công nhận người kia đẹp không dễ. Thứ hai, họ cùng đã từng có chồng nhưng cả ba đã một ly dị, một ly thân, và một thì ràng buộc lỏng lẻo. Thứ ba, tuổi của họ cùng lứa 7X đời áp chót. Cùng có con tám, chín tuổi. Nhưng ra đường không ai đoán họ đã trên hai lần. Thứ tư, là họ có chung quan điểm sống,

đối với đàn ông, chỉ nên thỏa thuận nửa vời. Sẽ tốt hơn, là không thỏa thuận gì cả.

Ba người đàn bà đó chọn điểm nhấn tiêu biểu nhất trong mỗi người để đặt tên lóng: Má Lúm, Trứng Bóc, Cốm Vòng. Má Lúm có hai nốt lúm đồng tiền tròn xinh ở hai bầu má. Trứng Bóc có nước da trắng phơn phớt hồng như trứng gà lột vỏ. Còn Cốm Vòng, có vồng ngực như con gái đang thi lớn dậy. Má Lúm kém hai chị một tuổi nên xưng em. Trứng Bóc và Cốm Vòng bằng tuổi nhau nên xưng hô mình mình tớ tớ.

Phụ nữ ở cái tuổi như họ mà biết chăm chút cho sắc đẹp bản thân một chút: y phục thời trang vừa đủ sang trọng và gợi cảm, dung nhan son phấn đúng độ, có thể nói còn quyến rũ hơn cả con gái, bởi nó là cái đẹp đậm thắm như hoa cẩm chướng, gương mặt vừa đặn dĩ lại vừa ngây thơ, mà ta thường gặp ở các bà mẹ trẻ chiều chuộng đón con nơi sân trường mẫu giáo.

Café Bon Matin là quán café nhà vườn phong cách Pháp có khuôn viên rộng, nửa vườn nửa nhà mái che. Trừ mùa đông, phần thời gian còn lại trong năm, khách đến Café Bon Matin khá đông, nhưng là khách trung lưu. Café ngon, cảnh trí đẹp, không gian lãng mạn, thư giãn tuyệt đối. Không chỉ có café, mà Café Bon Matin còn có petit déjeuner đồ nóng và nguội. Nhưng ba người đàn bà này lại thích ăn sáng món Le Pho tái nạm gầu vừa béo vừa ngọt nhà Tư Lùn Hậu Duệ hơn, mặc dù quán đó phải ngồi dài nơi vỉa hè úp mặt vào bát phở đặt trên chiếc ghế nhựa nháy nhưa và bụi bặm. Nắng thì nóng, mưa thì hắt ngang vai.

Ba người đàn bà theo gợi ý của Cốm Vòng, chọn một bàn cạnh khóm trúc ngà có ghế bành mây đan. Lần trước cũng thế, nơi này vừa khuất nẻo lại vừa lộ liễu có tầm quan sát rộng.

Ba phin café đen cùng một khay đá pha lê để ngoài.

Cả khu vườn chìm ngập trong hương café nồng say ngây ngất. Quán gần sông. Gió đưa hương café bay ngang ra con phố nhỏ. Khách đông nhưng không

ồn ào. Chuyện trò đủ nghe, để còn ngắm nhìn, chờ đợi những giọt đắng chậm chạp rơi, thử thách lòng kiên nhẫn.

Bỗng Trứng Bóc tủm tỉm cười:

"Nhìn café nhỏ giọt nghe như tiếng quả lắc đồng hồ, mình nhớ tới anh chồng mình. Anh già bảo, kẻ điên mới uống phin!" "Sao vậy?" "Anh già thích tẩu nhanh!" Ba người đàn bà cười rú. Cốm Vòng đưa ra ý tưởng: "Sao chúng ta không phác thảo chân dung các đức lang quân của chúng ta để cùng biết? Khiến chúng ta phải ly dị ly thân!" "Phải đấy".

Bắt đầu từ Trứng Bóc.

Chồng Trứng Bóc hơn Trứng Bóc mười tám tuổi, là người đàn ông ham tốc độ. Một chủ đầu tư có tầm nhìn xa pha chút phiêu lưu. Thích đi trước đón đầu. Khi người ta còn đang ngỡ ngàng với chứng khoán buổi đầu, thì lão đã tung vốn vào đó. Tới khi người người thấy giá cổ phiếu dẫn tăng cao đổ xô vào đầu tư, thì lão tung ra bán. Trứng đậm. Lão quật sang đầu tư vào đất, đất ở những nơi đường giao thông sắp mở theo quy hoạch. Lão săn mua thông tin. Hơn năm sau khi người ta khởi công mở đường thì những đồng cỏ lau hoang, ruộng rau muống đại đất lên hai chục lần. Nói cách khác là lão điều khiển vốn lạnh lợi nên vốn đẻ mần. Lão trở thành đại gia sau hai trận đánh chứng khoán và đất cát. Rồi thành nhà sáng lập Câu lạc bộ các doanh nhân 100 tỷ. Chính cái cách đầu tư táo bạo của lão đã "mua" đứt được Trứng Bóc cao hơn giá thị trường năm mươi lần.

Má Lúm gấp đá vào ba cốc thủy tinh trong suốt chứa café đen sánh mới chị Trứng Bóc và Cốm Vòng. Tiếng thìa kim loại khoáng xô đá va vào thành cốc lạnh canh lao xao. Cả ba cùng nhắm nháp. Chát cocain ngấm vào đầu lưỡi đắng ngắt mà bù ngay.

"Sướng thế sao lại chán?"

"Hãy thử tưởng tượng xem khi mỗi buổi sáng tỉnh dậy thấy cạnh mình là một người đàn ông trên tám mươi cân bụng đầy mỡ ở trần ngày o o? Mình được anh già chăm sóc hoàn hảo như chăm sóc một tình nhân chứ không phải như một

người vợ. Đơn thuần là tình dục. Anh già bảo tình nhân bao giờ cũng đẹp hơn hôn nhân. Tiền anh già chu cấp không tiếc. Nhưng anh già buộc mình phải cập nhật thông tin chỉ tiêu vào một phần mềm kế toán cài đặt trên máy tính không được sót!"

"Có quyết toán không?"

"Làm thế tức là có. Kiểm tra trên màn hình thấy anh già có lúc chau mày. Mấp máy môi nhưng không nói gì".

Tiếp tục nhâm nhi ly café. Trứng Bóc rút điều thuốc lá Esse kẹp lên môi. Một trai tơ bàn bên vội bằng tới bật nắp chiếc Zippo đánh lửa. Trứng Bóc liếc nhìn trai tơ, mỉm cười: "Cảm ơn. Ngủi. Không hút!" trai tơ sững người, giặt lùi trở lại bàn mình, ngỡ ngàng.

Đến lần Cốm Vòng.

Chồng Cốm Vòng hơn Cốm Vòng mười tám tuổi, lại có điều dị biệt khác thường. Chàng là một họa sĩ, một nhạc sĩ, một nhà thơ, một nhà nhiếp ảnh, một nhà văn hóa nữa. Đó là căn cứ thông tin được in trên card visit. "Nhiều nhà trong một". Chàng có chân trong rất nhiều hội đoàn. Lĩnh vực nào chàng cũng góp mặt. Một cô gái rời trường đại học bước vào đời gặp một người đàn ông như thế là một thần tượng trong cặp mắt non tơ có phần khờ dại. Cốm Vòng đã bị chàng chinh phục toàn diện sau một lần cô làm mẫu vẽ. Chàng bảo Cốm Vòng cởi bỏ quần áo. Nằm xuống sô-pha lót nhung đỏ màu huyết dụ. Cốm Vòng sợ sệt, lúng túng. Chàng nói "Em có thể yên lòng. Xúc cảm của anh lúc này là xúc cảm nghệ thuật!" Đúng thế. Chàng yêu cầu Cốm Vòng nằm ngửa ở tư thế này, nằm nghiêng ở tư thế khác để dùng cây cọ ra hiệu. Không hề sờ mó. Tin rồi yêu. Dâng hiến. Và đã lắm. "Sống với nhau mình mới phát hiện ra anh ta là Chàng-Biết-Tuốt!"

Lại nhâm nhi café,

"Nhưng chàng có thực tài không?"

"Một chút. Tác phẩm đếm chưa hết các đầu ngón tay. Nhưng khoe khoang lờ thiên hạ nhân lên gấp bội. Một lần có việc lên cơ quan. Nhìn thấy trên bàn chàng một đồng phong bì vắt ngón ngang. Phong bì nào cũng có đóng dấu chữ "VIP" đỏ au màu son. Có lẽ chàng là nhân vật quan trọng thật mà mình không hay. Rồi một lần mình mở ngăn bàn làm việc ở nhà, thấy ở đó có ba con dấu chữ "VIP" cỡ khác nhau cùng một hộp mực dấu!"

"Cảm giác khi ấy thế nào?"

"Buồn nôn!"

Cả ba lại cười sặc sụa. Nhâm nhi tiếp.

"Vừa rồi về thăm con. Tiếp tục bị. Cười hơ hơ khoe mới từ Tuần Châu về. Được mời làm Giám khảo Cuộc thi sắc



Minh họa của PHẠM HÀ HẢI

đẹp khu vực đồng bằng Bắc bộ. Vì là khách VIP, được bố trí một mình một phòng có truyền hình cáp, nên đã xem được chương trình thời sự thấy mình phát biểu tham gia hội thảo quốc tế về CIO. Minh cười, bảo, khách sạn nào giờ chả có truyền hình cáp, cứ gì phòng VIP? Định cãi. Minh bảo thôi, đủ rồi. Chàng rút một gói nhỏ như gói thuốc cam tẩu mã gia truyền bán ở phố Lãn Ông tặng mình. "Giữ thế?". "Ngọc trai". Mở xem. Nhỏ như hạt đỗ xanh. "Cái này anh moi ở bát cháo trai ăn sáng khách sạn phải không? Em đã từng đến đấy"

Má Lúm phì cười phun café tung tóe ra mặt bàn: "Tình yêu không còn nên nói năng thẳng tưng. Tuần trước em lên Hà Giang khách sạn nơi vùng sâu vùng xa còn có cả HDTV".

Một phụ nữ ôm cặp báo bán dạo đi tới bàn họ mới mua. Cốm Vòng lượm một tờ Đang yêu, một tờ An ninh Thế giới. Họ cùng lật trang lướt nhanh những cái tit báo chạy to đùng: "Những cách chia tay tồi tệ và đáng thương", "Khi tình yêu lìa cành", "Những đứa con tắm gội nước nhận cha", "72 tuổi mắc 18 tội lừa tình trong một năm", "Yêu can đảm", "Những chuyện tình đa đoan"...Xem mà giặt mình thon thoát.

Tới Má Lúm.

Chồng Má Lúm thuộc loại trai trẻ. Mà đâu phải là chồng. Là người tình. Là bố. Má Lúm là phóng viên của một đài truyền hình. Mẹ Má Lúm làm nhân viên đánh máy ở đó, bà phải vất vả lắm mới nuôi nổi Má Lúm học qua đại học báo chí. Rồi về đài.

Đã qua cái thời cơ quan quản lý cả cuộc sống riêng tư. Má Lúm quan hệ với một chàng trai tuần tú, có học vấn cao, giàu sang, hết lòng vì Má Lúm. Ngán ấy phẩm chất là quá đủ để yêu. Một biệt thự, một xe hơi và cuộc sống đủ đầy. Cũng không còn gì hơn thế cho việc hy sinh thời con gái. Má Lúm không cướp chồng ai nên không thể nói là vi phạm pháp luật. Người tình của Má Lúm không bắt Má Lúm ở nhà như Cún Con. Mà khuyến khích tài trí nàng thành đạt trong lĩnh vực báo chí. Ở đài, Má Lúm chịu trách nhiệm thể hiện một chương trình, làm biên tập và dẫn chương trình luôn. Chàng sung sướng và hãnh diện về nàng. Thậm chí còn làm sáng danh chàng, làm đẹp hình ảnh chàng trong môi trường kinh doanh. Chàng là giám đốc một công ty thiết kế phần mềm công nghệ tin học.

Thế cũng không thể gọi Má Lúm là gái bao. Các đồng nghiệp thấy buổi sáng mỗi ngày Má Lúm đưa con đến trường mẫu giáo gần cơ quan bằng xe hơi tự lái, nhẹ nhàng bế con xuống xe có cô giáo đón sẵn ở cổng. Rồi lại lái xe đến cơ quan làm việc thung dung như một quý bà.

Nửa năm đầu người ta còn xì xào. Lâu hơn coi như chuyện bình thường. Bây giờ chẳng còn ai coi đó là chuyện để tâm. Các đồng nghiệp nữ vợ lẽ và định hình một cách nhìn hiện đại, Má Lúm đã sáng tạo một hướng đi mới tự do cho đời người con gái. Nếu có ai còn áy náy về "cái ngàn vàng", thì ở Má Lúm là "cái tỉ vàng". Người mẹ Má Lúm không còn vật vã kêu trời. Nghỉ hưu, bà lên biệt thự ở Tây Hồ chăm nom cháu ngoại.

"Năm ngoái chị sang Úc tu nghiệp một tháng, mới hay dân Úc tôn sùng chủ nghĩa sống độc thân từ lâu rồi". Cốm Vòng nói, như khẳng định sự lựa chọn của Má Lúm. Không có gì phải lăn tăn cả.

Một cậu bé đánh giầy đến chào ba cô. Họ nhìn nhau: đánh. "Cháu gọi hai bạn nữa đi". "Vâng". Ba đứa trẻ cùng ngoan hiền và sạch sẽ. Chúng để hòm đồ cho ba cô kê chân. Các cô xua tay, cho cảnh trẻ đánh giầy gục mặt trên chân khách hi hục đánh cọ như mấy anh công tử dõm, là hình ảnh đã man nhất không thể chấp nhận. Má Lúm bảo ba

đứa trẻ mang giấy ra gốc cây thừng thỉnh làm cho mát. Xong, Má Lúm đưa trả chúng hai chục nghìn. Chúng trả lại năm nghìn tiền thừa. Má Lúm cười "Cả cho cả". Đứa bé nghĩ một tí, ngập ngừng: "...Khó chia chẵn cô à!". Cả ba người đàn bà không nhìn được cười: "Đây. Thêm một nghìn nữa, ba bảy hai mươi mốt". Cả ba cúi đầu: "Cảm ơn ba cô!"

Ba người đàn bà nhìn nhau, cùng nghĩ tới con mình. Ba đứa cùng được theo học ở các Trường Quốc tế chất lượng cao: Hanoi Academy, Lomonosov, Đoàn Thị Điểm. Ở đó đưa đón tận nhà. Bất chợt Cốm Vòng thở dài: "Ngày mai rồi sẽ ra sao khi chúng ta không còn được thế này?"

Trứng Bóc ngậm ngùi: "Mẹ mình kể lại thời bao cấp. Khi ấy mình mới một tuổi. Quà nửa đêm không ngủ được vì thấy tiền đi đâu hết. Sức nhớ. Mẹ tức tốc đánh thức bố dậy. Tưởng có trộm. Bố vội vợ chiếc ghế đầu. Mẹ cười hề hề: "Bình tĩnh đi anh. Hình như lương kì hai anh

chưa đưa?" "Không chờ đến sáng được sao?" "Không. Em hay quên. Mà anh cũng thế". Nhìn gương mặt mẹ dần ra mà bố thương. Lui hui ra bàn lấy tiền ở cặp đưa cho mẹ. Còn kèm cả chiếc phong bì tiền thù lao giảng bài buổi sáng. Mẹ cười rạng rỡ: "Nào. Ngủ thôi. Sắp sáng rồi!"

Đang vợ vẫn cả ba người đàn bà lại cười ré lên.

Ba trai tư bàn bên suốt buổi ngắm nhìn các chị, đang vui, cùng đứng lên đi lại xin được làm quen. Cốm Vòng cười tươi như hoa: "Ta để lần sau đi, hết giờ rồi!". "Sáng chủ nhật tới à?" "Mai tính! Au revoir!" Ba người đàn bà mỉm cười như một lời tạm biệt.

Ngồi trên xe theo triển đề ven sông trở lại Tây Hồ. Má Lúm hạ kính bên để hóng gió thu thổi từ ngoài bãi ngô vào thành phố. Đường một chiều ngày cuối tuần xe đổ ra đường chạy bám đuôi nhau như dòng nước sông Hồng mùa lũ. Đến ngã năm Tân Ấp thì xe ùn kẹt cứng.

Sự cố gì đã làm tắc đường ở cái ngã

năm rộng lớn này? Hỏi. Lắc đầu. Chờ đợi. Phải nửa giờ nữa mất. Những tiếng thở dài hắt ra oán thán.

Tiến không được mà lùi cũng không xong. Sóng thế này ngày mai rồi sẽ ra sao?". Mười phút sau có chuyển động, xe trên từ từ nhích. Bò từng hai mét một. Mười lăm phút sau đường thông.

Bỗng Má Lúm nấc giạt người giờ tay lên bịt miệng. Ra hiệu cho Cốm Vòng đổi chỗ sang lái xe. Lúc này xe phải bám hàng theo dòng chảy giao thông không thể dừng. Má Lúm rút vệt túi nòn. Oẹ, ọe. Nước trào lưng mắt, nước rãi tứa ra. Trứng Bóc nhẹ nhàng vỗ vỗ và vuốt dọc xống lưng Má Lúm. Hết cơn, Trứng Bóc đưa khăn ướt cho Má Lúm lau mặt. "Có sao không?" "Đỡ rồi!" "Say café chăng?" Má Lúm sức tỉnh: "Chết em rồi! Nửa tháng trước anh ấy về thăm con cứ ní nèo xin ngủ lại!" Lặng im. Lúc sau Trứng Bóc nói bằng giọng: "Chúng ta là phận đàn bà. Nói mạnh gì cũng vẫn là đàn bà. Giống như sập ong ở gần lửa thì mèm ra vậy!"■

SỐ TAY THƠ



MÙA HOA DOI

*Bây giờ mùa hoa doi
Trắng một vùng Quảng Bá
Sóng ven hồ cứ vỗ
Xanh một vùng cây che*

*Ta đến rồi ta đi
Bao lần anh có nhớ
Dưới vòm cây lặng lẽ
Dưới vòm cây chờ mong*

*Cánh bướm trôi ngoài sông
Bò tập cây trên bãi
Nâu một vùng đất mới
Đợi tay người gieo trồng...*

*Anh có đi cùng em
Đến những miền đất lạ
Đến những mùa hái quả
Đến những ngày thương yêu*

*Qua nắng sớm mưa chiều
Qua chặng đường tàn phá
Qua rất nhiều nỗi khổ
Qua rất nhiều niềm vui ...*

*Anh có nghe hoa rơi
Quanh chỗ mình đứng đó
Hoa ơi sao chẳng nói
Anh ơi sao lặng thinh*

*Đốt lòng em câu hỏi:
"Yêu em nhiều không anh?"*

XUÂN QUỲNH

Lời bình của NGHIÊM HUYẾN VŨ

CÁC nam thi nhân đã có hàng ngàn năm để làm thơ về tình yêu của phụ nữ và sẽ có nhiều ngàn năm phía trước để tiếp tục làm điều đó. Thế nhưng đã có mấy người dám nói rằng mình hiểu hết được tình yêu của người phụ nữ. Cho nên tốt hơn hết là hãy lắng nghe phụ nữ nói về tình yêu của họ...

Người con gái trong bài thơ Mùa hoa doi của Xuân Quỳnh lần này đến chỗ hẹn hò với người yêu không phải với một tâm trạng phơi phơi yêu đương. Nỗi lòng nàng đã dầm lại, hơi thơ ở đây đã thấy rõ nét điểm tĩnh, khác với cái sôi nổi của "Sóng" và say đắm của "Thuyền và biển". Không nhận thấy vẻ nào nức, mỗi câu thơ như từng bước đi chậm rãi của nàng và sau mỗi bước chân, khung cảnh chỗ hẹn hò hiện lên bình yên và thanh thản:

*Bây giờ mùa hoa doi
Trắng một vùng Quảng Bá
Sóng ven hồ cứ vỗ
Xanh một vùng cây che*

Đã nhiều lần hai người yêu gặp gỡ, xung quanh họ là cuộc sống đang diễn tiến với nhịp điệu thường ngày điểm tĩnh và tự tin:

Cánh bướm trôi ngoài sông

Bò tập cây trên bãi

Còn tình yêu của họ thì sao? Cũng đã lâu rồi và có gì như là đơn điệu:

Ta đến rồi ta đi

Bao lần anh có nhớ

Vòm cây nơi họ hẹn hò đâu vẫn là vòm cây chờ mong nhưng đã là vòm cây lặng lẽ trong khi, tôi tin là bãi sông Hồng vẫn lồng gió và đất thì đã mở lòng mình đón nhận một mùa nẩy nở:

Nâu một vùng đất mới

Đợi tay người gieo trồng

Và người con gái đã phải quyết định chủ động hỏi người con trai về điều hệ trọng. Bây giờ thì chúng ta đã là những người tân tiến, nói rằng trong tình yêu quyền chủ động không phải của riêng ai. Vâng, tôi cũng nghĩ thế nhưng tôi e rằng người con trai trong bài thơ đã lấy làm bằng lòng với nhịp điệu monotone ta đến rồi ta đi mất rồi!

Đến đây ta mới thấy tình yêu của người con gái mạnh mẽ và sâu sắc biết bao nhiêu. Nàng đã tiên liệu những ngày trước mặt và sẵn sàng cùng người yêu đi hết con đường. Còn anh thì sao? *Anh có đi cùng em/ Đến những miền đất lạ không?* Miền đất lạ của nàng (và cả của chàng, nếu như chàng muốn) không chỉ có niềm vui mà còn rất nhiều nỗi khổ, nàng biết thế nhưng sẵn sàng tìm đến một cách đầy hứng khởi. Giọng thơ ở đây không còn đều đều, nhẹ nhàng nữa mà bỗng dồn dập, nồn nao do những chữ đầu câu được lặp lại nhiều lần như sóng vỗ:

Đến những miền đất lạ

Đến những mùa hái quả

Đến những ngày thương yêu

Qua nắng sớm mưa chiều

Qua chặng đường tàn phá

Qua rất nhiều nỗi khổ

Qua rất nhiều niềm vui...

nhưng những đợt sóng đó chỉ vỗ vào vách đá lặng im, vô cảm.

Trong màn cuối của vở kịch độc thoại ta chỉ nghe tiếng hoa rơi cùng với những câu hỏi phấp phồng lo âu và thổn thức của người con gái. Nàng đã phải hỏi chàng nhiều lần (bài thơ 26 câu thì đã có đến 6 câu hỏi): *Bao lần anh có nhớ? Anh có đi cùng em? Anh có nghe hoa rơi? Hoa ơi (thực ra là "anh ơi") sao chẳng nói?* Câu hỏi tiếp theo trở thành một câu cảm thán: *Anh ơi sao lặng thinh!*, đã khắc họa hình ảnh đáng thất vọng của nhân vật thứ hai...

Còn ở câu cuối bài thơ, người con gái đặt câu hỏi chỉ để mà hỏi thôi. Cái đốt lòng nàng lại là câu trả lời mà nàng đã biết!

Có thể nữ thi sỹ của tình yêu đã xúc động trước chuyện riêng của ai đó nhưng tôi xin bày tỏ với anh hồn Xuân Quỳnh lòng ngưỡng mộ và cảm phục trước một tình yêu chân thực và mạnh mẽ!■

NHỮNG “GÓP NHẶT” CỦA MỘT NHÀ NGHIÊN CỨU

LÊ HOÀI LƯƠNG

1. ĐÚNG ngày 29 tháng chạp năm Canh Dần vừa rồi, tại nhà ông có một sự kiện: khánh thành cuốn sách nhà in phải làm tăng ca chạy song hành cùng việc in hóa đơn thuế để giữ đúng lời hứa với ông. Khi những “góp nhặt” cả đời ông được một căn bộ nhà in chỗ tới mấy chục cuốn, cái thùng giấy được mở nhanh chóng và chúng tôi thấy đều xúc động. Cuốn sách in bìa cứng, dày dặn, khá sang! Cùng với chậu mai thể đã điểm bóng vàng đẹp tinh khôi dù suốt tháng chạp trời không có nắng, cuốn sách và những người bạn, và gương mặt hạnh phúc, mãn nguyện khi nhìn thấy một phần tâm huyết cả đời mình có hình vóc sang đẹp như ý, ông run run xúc động mở tủ bê chai rượu ra. Nó được để dành chờ ngày này đã hơn hai tháng nay. Khi mấy dòng rượu vừa rót ra cốc, một làn hương ngào ngạt cả căn phòng, ai đó bật thốt sững sờ, và tất cả nâng ly chúc mừng ông.

Đó là chai Royal Salute Chivas Brothers 38 years old! Nôm na là chai Chivas 38 năm. Chai rượu được ai đó biếu ông không được tiết lộ. Anh Đỗ Ngọc Hoánh và tôi lâu nay là hai “tửu hữu” của ông khi thấy chai rượu đã ngỡ của quý. Anh Hoánh trước khi là một cây tạp bút về phong hóa, về những cảm nhận sống khá sung sức như hiện nay, là người của giới tài tử giang hồ, đàn ca rong chơi tứ xứ kinh lịch nhiều, cũng khá lúng túng khi mất mấy ngày mới truy được phần nào giá trị chai rượu. Các shop rượu lớn ở Quy Nhơn không có bán hàng này, hỏi mấy người chủ quen thân họ cũng bảo có nghe chứ chưa thấy! Rồi cũng biết, qua lắm lòng vòng, rằng chai rượu có giá cũng vài chục “chai”, cái tiếng lóng dân cá cược chỉ hàng triệu. Chúng tôi có đắn đo bảo ông, hay là bán đi, mua chai khác cũng sang mà còn dư khả. Ông hơi lảng cẳng một chút rồi nói như đinh đóng cột: một trăm triệu cũng uống!



Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Liên (ngoài cùng, bên trái) và một số bạn văn ở Bình Định

Và đây, hoa và sách, và rượu quý của ngày cuối năm. Hoa thì muốn năm không cũ dù lớp lớp bóng người qua. Sách của một đời ông, làm nên tên tuổi ông khá kính trong, ngoài văn giới. Còn rượu thì, như một duyên may! Chứ sao, với lương hưu của ông dù được tăng nhiều lần mấy năm nay và nhuận bút tạm tạm sống, trầy trật sống của chúng tôi nào ai dám mơ được uống chai rượu Tây to tiền như thế này lần nữa? Cứ lặng mà ngắm, mà xúc động.

Lâu nay ông và chúng tôi thường cười cợt có vẻ coi thường ngó mấy chai rượu ngoại, nói chung là rượu Tây, để phân biệt với các thứ rượu ta tuyệt phẩm, kiểu rượu Bầu Đá nấu gạo lúa tri nhớ đời, rượu Bầu Đá nấu đậu xanh, nấu nếp. Nếu có thì ngăm các thứ hoa: mai, cúc, quỳnh, hương vị thanh nhã, hoặc bỏ dưỡng một

liều lượng nhưng sâm. Mà đúng là so với các thứ rượu ta thượng đẳng vừa kể, mấy anh Tây lèo tèo tốt mà chẳng đáng bàn. Vậy mà giờ... “Mấy chục triệu để thay đổi một nhận thức là cái giá quá rẻ!” - ông bật thốt như thêm một “góp nhặt”.

2. Đó là cuốn “Vũ Ngọc Liên góp nhặt đọc đường”, tái bản thêm bài, Nhà xuất bản Sân Khấu, 2010. Cuốn sách dày dặn, đến 430 trang in đẹp, có năm phần chính và phần phụ lục. Trong năm phần chính, ông dành hẳn phần đầu sách là “Nhà hoạt động nghệ thuật sân khấu tiêu biểu của nước ta thế kỷ XIX- Đào Tấn” với những nghiên cứu căn bản nhất, suy gẫm và đúc kết về tầm vóc, về các giá trị sân khấu, nghệ thuật của vị danh nhân được mệnh danh là hậu tổ tuồng này. Các phần còn lại cũng châu tuần quanh

mảng sân khấu truyền thống đặc sắc này và các mẫu rối như những tư liệu quý về kỷ ức, văn hóa Bình Định: “Hát bội và hát bội Bình Định”, “Hát bội Nam bộ”, “Không thể không bàn”, “Trên mảnh đất quê tôi”. Nhà thơ Thanh Thảo, người bạn vong niên thân thiết tỏ ra khá hiểu ông trong nhận xét tinh tế và xác đáng về ông, in cuối sách: “Gọi Vũ Ngọc Liên là “Nhà Đào Tấn học” không chỉ vì Ông có nhiều tác phẩm nghiên cứu về Đào Tấn, mà chính vì Ông đã chọn Đào Tấn và nghệ thuật Tuồng của Cụ Đào như một **nghiệm sinh** của mình. Vũ Ngọc Liên đọc Đào Tấn, học Đào Tấn, nghiên cứu Đào Tấn, và cuối cùng Ông **chiếm nghiệm** Đào Tấn, rồi có thể Ông **thiến** Đào Tấn, thường khi là với một nụ cười lặng lẽ. Nó mất của Ông cả đời người. Và được cho Ông cũng cả đời người”.

Nhìn lại các công trình, trước tác của ông đã in: *Đào Tấn nhà thơ nghệ sĩ tuồng xuất sắc* (Kỷ yếu Hội nghị Đào Tấn lần I- chủ biên), *Thư mục- Tư liệu về Đào Tấn- chủ biên*, *Thơ và từ Đào Tấn* (in lần đầu), *Liệt truyện kẻ sĩ đất Thăng Mộc, Góp nhặt đọc đường* (in lần đầu), và bộ 3 đồ sộ: *Đào Tấn- Thơ và từ*, *Đào Tấn- Tuồng hát bội*, *Đào Tấn- Qua thư tịch và các chống bản thảo hoàn hảo đang làm thủ tục in*: *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu ông đồ nghệ sĩ* (cuốn sách về cụ Tú Diêu một tác giả tuồng tài hoa, người thầy Đào Tấn), *Cùng đề tài hai kịch chủng, Ba hồi độc đáo trong pho tuồng “Van bửu trình tường”...*, có thể thấy phần đặc chủng “ám” ông một đời và làm nên tên tuổi một nhà nghiên cứu.

Đúng là một đời góp nhặt. Từ một tư liệu quý bà Trúc Tiên, con gái Đào Tấn từ Pháp gửi về hồi đất nước còn chiến tranh. Từ tư liệu và hồi ức bà Chi Tiên, người con gái khác của cụ Đào ở Sài Gòn ông tìm gặp sau năm 1975. Từ những bậc trưởng bối đi trước khả kính như Trúc Tôn Phạm Phú Tiết đến các nghệ sĩ, các nho sĩ Bình Định Mạc Như Tông, Cửu Vị... Từ những mây mẩn tinh cở qua một căn bộ bảo tàng Osaka Nhật Bản mà có điều mùa Châm lưu lạc trên đất Nhật, tài liệu “Lâm ấp bát nhạc” hé lộ nguồn cội hát bội Bình Định và lời giải thích khả dĩ nhất về hai tiếng “hát bội”. Từ tài liệu của một bậc thức giả chưa quen biết ở xa, trong nước ngoài nước, miễn mộ gửi về... Ông đã “góp nhặt” những vụn vàng cho những chân giá trị cần tồn vinh.

Và có một “góp nhặt” căn bản ông học được từ người thầy dạy Trương Canh hồi học đại học rồi làm nghiên cứu sinh ở Hý khúc học viện Trung Quốc đầu những năm sáu mươi thế kỷ trước, đó là sự chính xác trong nghiên cứu khoa học! Mỗi một cuốn sách ra đời, dù trước đó đã làm cẩn thận, bao giờ ông cũng xem lại rất kỹ rồi đặt in tờ dính chính dân cuối sách trước khi cho phát hành. “Nếu không, một sai sót nhỏ cũng có tội với hậu thế!”- nhiều lần ông nói câu này không phải để làm dáng. Sau một ngày kiểm lại, với cuốn sách này, khi nâng ly rượu mừng ông không kiếm được sự hài lòng khi nói “Không cần một dính chính nào!” Thêm cái mừng thứ hai: một chữ của ông được giữ nguyên khi in. Đó là trong bài “Câu đối mừng thọ vua Càn Long 80 tuổi của sứ thần triều Tây Sơn Nhữ Trọng Thái”. Không hiểu sao, bản in trên các tạp chí Văn Hóa Bình Định số xuân, Thế giới mới Tất niên, ra trước cuốn sách mấy ngày đều in câu “Và mãi đến sáu năm sau Càn Long mới chịu chết”, mất chữ “chịu”. Lỗ gích văn cảnh và giọng văn của ông nếu thiếu cái chữ này thì mất đi nhiều lắm.

Khi in cuốn sách ông có chút đắn đo về cách quảng bá cho bạn đọc hiểu giá trị cuốn sách mà mua, giờ sách đã ra, chưa thấy có “chiêu” nào hay để “bán” những góp nhặt, đã uống mừng bạc triệu. Trở lại với cái câu định giá mấy chục triệu cho việc thay đổi một nhận thức là rẻ cũng đúng nghĩa là một “góp nhặt” nữa của ông, nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Liên! Mong ông đặc hàng, xuân này, để trả tiền in mấy cuốn đã kể và xuân sau còn rượu quý cùng sách quý với cội quý thượng thọ!

TRAO ĐỔI

CÁNH HẠC VÀ TIẾNG CHUÔNG...

TRẦN THANH GIAO

N GƯỜI xưa nói: Đối cảnh sinh tình. Nguyễn Công Trứ viết: *Cao sơn lưu thủy thi thiên trục* (non cao nước chảy thơ ngàn khổ)... Đủ thấy là cảnh gợi tình và gợi hứng cho văn chương... Lại có ý kiến cho rằng không cần tư tưởng gì cao siêu, chỉ cần tả cảnh thì văn chương cũng thành bất tử... Để chứng minh luận điểm này, người ta lấy *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu hay *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế làm chứng...

Mới nghe qua, thấy luận điểm này cũng có lý. Nhưng ngẫm kỹ thì chưa hẳn như vậy. Vì sao?

Vì ngày nay ít ai nghĩ “tư tưởng” trong một tác phẩm văn chương là cái gì thuộc triết lý cao siêu, “rắn đời”, “dạy dỗ”... Số đông hiểu “tư tưởng” trong một tác phẩm là điều tác giả ấp ủ, suy tư và thể hiện trong tác phẩm của mình, có khi được gọi là “thông điệp”... Cho nên “tả cảnh” trong văn chương không bao giờ chỉ là tả cảnh đơn thuần mà thành “bất tử” được. Cảnh phải mang “tư tưởng” hay sự suy tư nào đó. Nguyễn Du nói: *Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*... là vậy.

Như *Hoàng hạc lâu* mang một tư tưởng lớn. Đó là nỗi buồn về kiếp người ngắn ngủi, nhỏ bé trước cái mệnh mông của thời gian và không gian, hay nói cách khác là trước cái bao la của thiên nhiên và sự vô tận của vũ trụ. Cái buồn –

tư tưởng ấy được thể hiện qua từng câu từng chữ của bài thơ. Từ *Người xưa – cười hạc – đi đâu...* (Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ) cho đến *Hàn Dương sông tạnh cây bầy/ Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non* (Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ / Phương thảo thê thê Anh Vũ châu) và kết lại *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai* (Yên ba giang thượng sử nhân sầu). Vàng, từng câu, và cả từng chữ, cái buồn – tư tưởng ấy cứ mênh mông, đa diết... Như chữ “thê thê” gần với cỏ thơm bãi Anh Vũ. Thê ở đây là thương, thương xót (Từ điển Hán-Việt *Thiếu Chử*) thì không thể nói chỉ là “tả cảnh”... Điều tuyệt diệu là cái buồn – tư tưởng, cái buồn lớn của cả nhân thế ấy, tác giả không hề nói ra, chỉ “tả cảnh” thôi, giấu kín đến nỗi hàng trăm năm sau có người còn lăm, cho là *Hoàng hạc lâu* chỉ tả cảnh thôi mà thành bất tử...

Cánh hạc bay mất rồi, nhưng nỗi buồn của kiếp người còn mãi đến khi nào loài người còn tồn tại.

Cũng như vậy, tiếng chuông trong *Phong kiều dạ bạc* còn vương vấn đến đời sau.

Cánh hạc và tiếng chuông, từng câu từng chữ, che khuất cái buồn – tư tưởng. Nhưng chính cái buồn – tư tưởng mới là cái còn lại cùng cánh hạc và tiếng chuông.

Và đó cũng là đích đến của văn chương...■

MỖI TUẦN GẶP

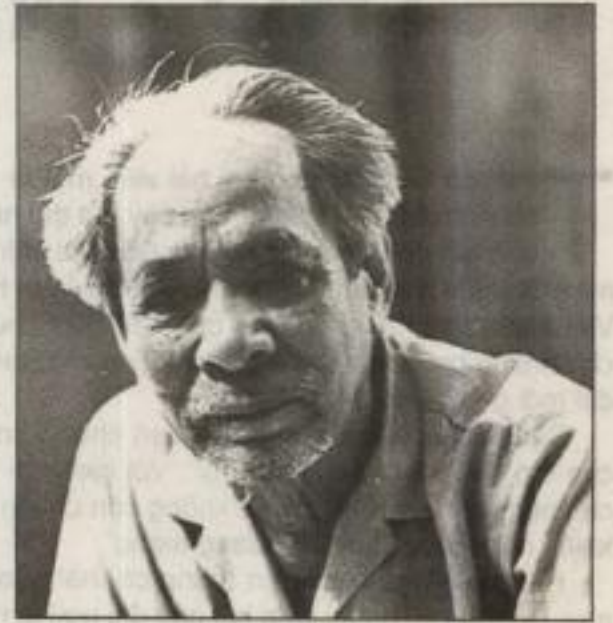
MỘT NHÀ VĂN



Nhà thơ Tế Hanh sinh ngày 20 tháng 6 năm 1921 tại xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia Cách mạng tháng 8-1945. Đã trải qua các công tác văn hoá, giáo dục ở Huế, Đà Nẵng. Năm 1948, ở trong Ban phụ trách Liên đoàn văn hoá kháng chiến Nam Trung Bộ. Ủy viên thường vụ Chi Hội Văn nghệ Trung ương. Năm 1957 khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, là Ủy viên thường vụ Hội khoá I, II. Ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp Văn học Nhà văn Việt Nam (1963), tham gia nhiều khoá Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, giữ các chức vụ: Trưởng ban đối ngoại (1968), Chủ tịch Hội đồng dịch (1983) Chủ tịch Hội đồng thơ (1986). Mất ngày 16 tháng 7 năm 2009 tại Hà Nội.

Tác phẩm chính đã xuất bản: Các tập thơ: *Hoa niên* (1945); *Hoa mùa thi* (1948); *Nhân dân một lòng* (1960); *Bài thơ tháng bảy* (1961); *Hai nửa yêu thương* (1963); *Khúc ca mới* (1966); *Đi suốt bài ca* (1970); *Câu chuyện quê hương* (1973); *Theo những tháng ngày* (1974); *Giữa những ngày xuân* (1977); *Con đường và dòng sông* (1980); *Bài ca sự sống* (1985); *Tế Hanh tuyển tập* (1987); *Thơ Tế Hanh* (1989); *Vườn xưa* (1992); *giữa anh và em* (1992); *Em chờ anh* (1994); *Tưởng nhớ nhà thơ Tế Hanh* (2010).

Giải thưởng văn học: Giải *Tự lực Văn đoàn* năm 1939. Giải thưởng Phạm Văn Đồng do Hội Văn nghệ Liên khu V tặng. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật đợt I, năm 1996.



MÃI MÃI TUỔI HOA NIÊN

GIANG NAM

TÔI đến với thơ Tế Hanh từ một trong những tác phẩm đầu tiên của anh viết hồi còn đi học ở Huế. "Những ngày nghỉ học" (1938). Tôi không nhớ đã đọc bài thơ ấy ở đâu, trên báo "Ngày Nay" hay trong tập "Hoa niên", tập thơ đầu tiên của tác giả. Những câu thơ đến bây giờ tôi vẫn thuộc lòng:

*Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa
Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Cò chi vương vãi trong hơi mây
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau...*

sao mà có sức lay động tâm hồn lứa học trò chúng tôi như vậy! Thời kỳ 1941-1945 tôi học ở trường Quốc học Qui Nhơn. Xa quê hương, gia đình trên 200 cây số, mỗi năm chỉ được hai lần về sống với làng quê, với những người ruột thịt của mình (Tết và nghỉ hè) trong tôi luôn khắc khoải nỗi nhớ quê, nhớ người thân. Trường tôi lại ở gần ga xe lửa Qui Nhơn, ngày đêm vang vọng tiếng còi tàu. Đêm nằm trong ký túc xá, theo dõi từng chuyến tàu đi, về đến thuộc lòng... Không thể nào ngủ được. Thế rồi, cùng với một vài bạn thân cùng quê Khánh Hoà, chúng tôi bí mật tổ chức "xé rào" (hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng). Đứa canh chừng bác cai trưởng (bảo vệ), đứa dọn gai, trở lối chui qua rào keo phía sau ký túc xá, sau đó nguy trang lại cẩn thận. Từ đó mỗi buổi chiều, sau giờ ăn cơm tập thể ở nhà ăn, chúng tôi lại nháy nhau trốn khỏi trường bằng lối đi "tự tạo" ấy để ra ga chơi, xem người đi, người về, xem những cuộc tiễn đưa có khi đầm nước mắt. Một thời gian sau, bác cai Năm (bảo vệ) phát hiện được hành động gian dối ấy. Lẽ ra chúng tôi đã bị kỷ luật, ghi vào học bạ nếu bác ấy báo cáo lên hội đồng kỷ luật của nhà trường. Điều bất ngờ là bác không làm như vậy. Có lẽ bác thương tình lũ trẻ xa quê nhớ nhà... nên chỉ rầy la qua loa và còn dặn: "đừng để ông hiệu trưởng (người Pháp - GN) hoặc tổng giám thị bắt gặp, sẽ bị đuổi học đấy!".

Tôi mê bài thơ của Tế Hanh trong hoàn cảnh đặc biệt ấy và đương nhiên như lớp bạn mê văn học của trường rất muốn gặp tác giả, dù biết rằng mình chỉ là chú bé 13, 14 tuổi.

Tôi không ngờ sự "thăm định" thơ của tôi lại khá chính xác. Sau năm 1975, đọc lại sách và báo trong thành những năm 1939-1945 tôi mới biết: bài thơ "Những ngày nghỉ học" cùng với bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh là hai bài thơ hay nổi trội trong tập "Nghen ngào" gồm 30 bài được giải khuyến khích về thơ của Tự Lực Văn đoàn năm 1939. Thành phần ban giám khảo giải văn chương danh giá này gồm những nhà văn, nhà thơ tên tuổi: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ. Tôi trích một đoạn trên bao viết về sự kiện này:

"Đồng hạng với nữ sĩ Anh Thơ trong giải khuyến khích của Tự Lực Văn Đoàn năm 1939, Tế Hanh được giới yêu thơ mến tiếng qua tập thơ "Nghen ngào". "Nghen ngào" chứa đựng hai thi phẩm xuất sắc của Tế Hanh "Quê hương" và "Những ngày nghỉ học". Nó đem đến cho tác giả một thiếu niên hay rụt rè, ngưỡng ngượng như chàng rể mới chiếc ghế ngồi trên thi đàn Việt Nam khi nhà văn Nhất Linh, một thành viên Ban giám khảo viết lời khen tặng như sau:

"Có thể gọi là hai bài thơ hay của thi ca Việt Nam và hai bài đó đủ xác định giá trị của nhà thơ Tế Hanh".

Tôi xin viết thêm về bài "Quê hương". Như chúng ta đều biết bài thơ nói trên tác giả dành để tặng quê hương thân yêu của mình: xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Bài thơ có cái chân chất, thật thà của người dân vùng sông nước, vừa có cái hào khí của những chiến binh làm chủ biển khơi:

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang...*

Tế Hanh rất tự hào về quê mình và đã giới thiệu hoàn cảnh ra đời của bài thơ cùng nỗi nhớ thương da diết của anh:

*Mười lăm tuổi xa nhà ra Huế học
Tôi bắt đầu cùng các bạn làm thơ
Những vần điệu đầu tiên gởi về quê mẹ
Bài "Quê hương" mười lăm đến bây giờ.*

(Gửi Quảng Ngãi)

Bài "Quê hương" là một trong hai bài thơ hay của Tế Hanh trước Cách mạng tháng Tám, khi anh bắt đầu đi vào làng thơ. Rất tiếc tôi lại không "có duyên" với tác phẩm này như bài "Những ngày nghỉ học". Điều này cũng dễ hiểu: tôi quá "vô vấp" quá say mê với bài thơ diễn tả trực tiếp tâm trạng học trò của mình, vô tình "để rơi" một hạt ngọc. Đọc lại hai câu: *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ* tôi nhiều lần tự hỏi: sao mình lại lướt qua quá dễ dàng những câu thơ đẹp và lãng mạn đến như vậy?

Trong kháng chiến chống Pháp nhà thơ Tế Hanh sống và hoạt động ở vùng tự do Liên khu 5 (gọi tắt là Nam, Ngãi, Bình, Phú) với những trách nhiệm rất quan trọng: cán bộ Ban Tuyên truyền Mặt trận Quảng Nam -Đà Nẵng; Ủy viên Ban phụ trách trường Trung học Bình dân Nam Trung Bộ do đích thân đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện Chính phủ thành lập và hướng dẫn. Đặc biệt anh còn tham gia lãnh đạo Liên đoàn Văn hoá kháng chiến Nam Trung Bộ và năm 1949 là thành viên sáng lập và lãnh đạo Hội Văn nghệ Liên khu 5 (tôi nhớ hồi đó có tên Chi hội Văn nghệ Khu 5, trực thuộc Hội Văn Nghệ Việt Nam). Lúc này sự nghiệp sáng tác của anh đã khá ấn tượng bởi ba tập thơ "Hoa niên", "Hoa mùa thi" và "Nhân dân một lòng".

Cùng trong thời gian ấy, ở cái tuổi 16 tôi đã tham gia kháng chiến ở Khánh Hoà, quê hương tôi cũng làm tình đầu tiên nổ súng đánh Pháp ở Nam Trung Bộ, chỉ sau Sài Gòn đúng một tháng. Với ngày 23 tháng 10 lịch sử, ngày mở đầu cuộc chiến đấu ác liệt 101 ngày đêm, bao vây và tiêu hao, tiêu diệt quân viễn chinh Pháp đổ bộ bằng đường biển lên thành phố Nha Trang, mặt trận Nha Trang đã thu hút hàng vạn người – từ bộ đội chủ lực, địa phương và dân quân du kích (có cả lực lượng Nam tiến từ miền Bắc và bắc miền Trung chi viện). Tôi được cách mạng phân công làm cán bộ thông tin tuyên truyền và văn hoá văn nghệ cửa thành. Hồi đó có băng "thành chung" như tối đã là trí thức rồi! Tôi theo bộ đội đánh đồn, vừa gọi loa tuyên truyền vừa làm thơ, viết văn, viết báo cho tờ báo "Thắng" của tỉnh để động viên

tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Tờ báo và các tài liệu tuyên truyền được chuyển về cấp trên để báo cáo và lưu trữ. Qua thư một số bạn bè ở Khu và cán bộ đi công tác về, tôi biết tạp chí "Miền Nam" và báo "Văn Nghệ Liên khu 5" có đăng lại hai bài thơ của tôi "Về vùng tạm chiếm" và "Tôi sẽ trả thù cho anh" được dư luận rất hoan nghênh. Có lẽ anh Tế Hanh biết tên tôi từ đó.

Năm 1951, trên đường vào Cục Nam (Ninh Thuận, Bình Thuận) công tác, đoàn văn nghệ sĩ của Khu do anh Tế Hanh làm trưởng đoàn đã ghé lại chiến khu Khánh Hoà. Thời cơ bao nhiêu năm chờ đợi mong được gặp anh đã đến nhưng tiếc rằng tôi đã bỏ mất cơ hội. Trong chiến tranh, biết bao lần tôi đã "vô duyên" như thế! Tôi đang bận xuống vùng địch hậu cùng bộ đội làm công tác võ trang tuyên truyền. Khi tôi về cơ quan được anh chị em kể lại: "nhà thơ Tế Hanh có hỏi thăm anh, tiếc là không được gặp anh, một cây bút trẻ Khánh Hoà mà anh nói "rất có triển vọng". Biết anh hồi trước học ban thành chung trường Quốc Học Qui Nhơn anh rất vui. Anh khen tác phẩm của anh và chúc anh viết nhiều và hay". "Ở vùng bị chiếm mà có nhân thơ, nhà văn cách mạng sống và chiến đấu với nhân dân là rất quý. Khi về nhất định tôi sẽ gặp được anh Giang Nam".

Tôi mừng như bắt được vàng và ngày ngày ngóng trông, chờ đợi. Một thời gian sau được đọc trên báo của Khu bài thơ "Người đàn bà Ninh thuận" tôi biết anh đã trở về cơ quan ở vùng tự do rồi. Tôi không trách anh vì tôi biết có nhiều tuyến đường bí mật trên đất liền, trên biển và hải đảo... và đoàn đi đường nào là do tình hình hoạt động của địch và sự sắp xếp của cấp trên.

"Người đàn bà Ninh thuận" (1951) là một bài thơ đậm chất hiện thực ác liệt của chiến tranh, viết theo lối kể chuyện:

*Chị em phải chịu tạt nguyên
Trời ơi, vợ đối vợ chuyển là đây.
Chị này bị bắn phớt thấy
Chị kia treo ngược trên cây mất đầu...*

Bài thơ hơi "dân gian" một chút, có lẽ theo quan điểm có lúc thịnh hành ở Khu 5 hồi đó: "thơ phải mang tính đại chúng, dễ nhớ dễ thuộc..." nên có những hạn chế nhất định. Tuy nhiên có hai câu làm tôi giật mình:

*Lần đầu tôi thấy chị cười
Cái cười hiền hậu của người Cục Nam*

Theo tôi đó là hai câu thơ hay mà tôi cảm được mặc dù tôi biết: nụ cười hiền hậu ấy có phải riêng của người Cục Nam đâu! Chính tác giả, trong phút xúc động sâu sắc với nỗi đau khổ của người phụ nữ đang đứng trước mặt mình đã "thối hỗn" vào nụ cười của chị. "Cái cười" ấy đã vượt lên bom đạn, tang tóc để mãi mãi là biểu tượng của tâm hồn Việt Nam: hiền hậu, thủy chung, yêu quê hương, yêu cuộc sống... của người dân Cục nam Trung Bộ.

Tôi không ngờ cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với nhà thơ Tế Hanh lại diễn ra trong hoàn cảnh mà tôi không lường trước được. Đó là vào tháng 4/1975, không phải ở Sài Gòn mà ở Hà Nội.

Giữa tháng 3/1975, tôi đang có mặt ở sở chỉ huy tiền phương của Khối Tuyên huấn, báo chí, văn hoá văn nghệ Trung ương Cục ở một địa điểm giáp ranh

(Xem tiếp trang 23)

THƠ - NIỀM KHAO KHÁT VĨNH HẰNG

CHỮ VĂN LONG

TÌNH cờ tôi được đọc hai bài viết, một là "Giải Nobel cho văn học Việt Nam" của cây bút thơ nữ trẻ. Bản lai thảo gửi đăng báo Người Hà Nội, dài chín trang đánh máy. Sau khi lý giải những gì mà chị cho là tri trệ của thi ca Việt Nam hiện tại, chị đã hạ bút viết: "Khi chúng ta tin và chờ những người nổi loạn (nổi loạn tích cực) tạo ra một thời đại mới cho thi ca Việt Nam..."

Bài thứ hai của với tít đề: "Loạn chuẩn" in ở "phụ san của tạp chí Văn nghệ quân đội". Với giọng bi hài, lo: "Thơ ca đang loạn ngôn khen chê không còn chuẩn mực gì nữa, khiến người đọc kinh hãi hoang mang".

Hai bài viết gợi lên hiện tượng có thật của thơ ca hiện nay: Có thực số người cầm bút của đội ngũ làm thơ trẻ luôn mặc cảm trên đầu mình bị cái bóng che mờ nhạt, muốn bút tung mọi ràng buộc, đòi "nổi loạn" chữ nghĩa, kỹ thuật, quan niệm mong làm mới hẳn nền thi ca Việt Nam, nhưng lại chưa đủ sức lực và uy tín, vẫn phải vay mượn ý tưởng, quan niệm của người nổi tiếng này, người nổi tiếng khác để nói thay mình. Như vậy là, chính những ám ảnh về họ lại đang ràng buộc khát vọng tự do kia. Đáng ra những nung nấu, khao khát ấy phải tạo ra được từ trường riêng, hấp dẫn, độc lập, không phụ thuộc vào bất cứ ai và bất cứ điều gì. Với không khí văn chương hiện nay tôi thấy quý trọng cái tinh thần "nổi loạn" để làm sống lại, tươi mới những dòng thơ bệch bạc, vô hồn. Nhưng có lẽ trước hết là "nổi loạn" với chính mình, đem những suy ngẫm, tư duy đập vụn ra, nhào nặn lại để làm nên một cái gì mới khác, của ta mà không phải của ai. Nhiều người làm thay đổi được ý nghĩa của cả nhân loại mà họ có tuyên bố gì đâu. Ta đều biết tập thơ "Lá cỏ" của Uýt-Man thời bấy giờ, nếu đem so sánh, nó là cuộc "nổi loạn" so với thơ ca cùng thời nhưng đã bị thờ ơ đến thế nào, rồi mới được công nhận. Vậy là sự "nổi loạn" còn phải biết đợi chờ.

Ngược lại cách nhìn ở bài viết "Loạn chuẩn" cũng như một lớp người có thâm niên cầm bút quá tự tin; mình đã tìm ra được chiếc thước vạch, khắc chính xác để định giá, xếp đặt văn chương, họ đã tạo ra mặc cảm giữa những thế hệ cầm bút, đáng ra phải cùng một mục đích kiếm tìm. Trong

khi ta đang sống ở một thời đại, phủ nhận trở thành yếu tố thường trực cho cái mới ra đời, liệu văn chương có ở ngoài quy luật ấy không? Còn thừa kế thì tùy thuộc vào cái cũ, vào chính giá trị mà nó có. Để gì ai đấy xác định được thứ "chuẩn" mà mình coi là chính xác để có thể nói rằng những thứ khác là "loạn chuẩn".

Tôi lại nhớ một bài phỏng vấn, dịch, in ở báo Văn nghệ năm trước "Thơ ca là thần dược của tâm hồn". Nhà thơ Alek-xan-drô Cô-rô-tô-cô (U-crai-na) trả lời phỏng vấn có đoạn: Khi tôi từ Xim-phe-rô-pôn đến Ki-ép, tôi tuyên bố rằng sẽ nhận giải Nobel về thơ của mình. Thế là người ta bắt đầu nói về tôi: "Đồ tinh lẻ, đồ điên, đừng tin hắn!". Nữ sĩ nổi tiếng ở Ki-ép, Êp-đô-ki-a Ô-lum-san Xcai-a, đã giầy nẩy: "Đồ hỗn láo"... Nhưng tôi thực sự tin rằng sẽ nhận được giải Nobel. Tôi đang viết diễn từ Nobel để sau khỏi bị bắt ngờ.

Đọc những dòng này tôi không thú lắm, vì đích của thơ ca đâu phải là giải Nobel. Nhưng khi đọc tiếp những dòng tâm sự của anh về thiên chức người nghệ sĩ lớn: "Đôi khi anh ta bay cao trên bầu trời đến mức không thể quay lại được. Về phần mình, cũng có một chút không bình thường, điên điên..."

Tôi thấy quý anh và hiểu đây như một chuyện đùa sau một đời lao động nghiêm túc, tự tin.

Nhưng đừng nhầm với những gì đang xảy ra ở ta. Văn chương cũng không tránh khỏi sự lằng xê quảng cáo, có lúc đưa nhau lên đến trời xanh, nếu họ muốn. Ở các nước tư bản "tự do" bằng sức mạnh đồng tiền chắc còn "loạn hơn", vậy sao họ vẫn sàng lọc được những giá trị đích thực, đặc biệt là có thể cập nhật đưa ra cho người đọc những chính kiến thuyết phục khi một nhà phê bình cầm bút giới thiệu tác phẩm, có lẽ nhờ cái phong văn hoá chung có tầm cao, chứa đựng hết được mọi tư duy tinh anh, độc lập sáng tạo - Như nền văn chương Pháp, những thập kỷ gần đây, nhiều người cho rằng tiểu thuyết hiện đại ngày càng sút kém so với tiểu thuyết cổ điển và trước đó. Nhưng nhà tiểu thuyết và phê bình văn học có uy tín của Pháp, Guy Scareppita đã chứng minh ngược lại được rằng: Thời kỳ

hoàng kim thực sự của tiểu thuyết lại là bây giờ, có những kiệt tác của thời đại hiện nay không thua kém bất cứ một thời nào khác. Và ông đã đúng.

Vậy là, mỗi thời đều có cái "chuẩn riêng" trong cái "chuẩn chung" luôn vận động biến đổi, đó là đời, đời trong câu nói nổi tiếng của Gôt: Mọi lý thuyết đều màu xám, cây đời mãi mãi xanh tươi. Người sợ nhìn vào sự thật, vào đời, cái thực tế tưởng như rối loạn kia nhiều khi lại là người bảo động sai lầm. Có một vương quyền Trung Quốc nổi tiếng gian hùng nhưng lại là một nhà thơ điểm tinh tài năng, đó là Tào Tháo, đã đem đến cho thơ những lời tâm đắc, chí lý - "Đừng nói gì sớm, hãy để cho bài thơ thao thức cùng với nghìn năm - Đó là thơ loại Một!".

Có lẽ vì cảm hoài cuộc sống quá phức tạp, nhất là cuộc sống của người Phương Đông, mãi bây giờ nhiều điều đã xảy ra hàng nghìn năm trước với loài người vẫn cứ còn là bí ẩn, nên thi hào Nguyễn Du sau khi đã trải hết lòng mình cùng nỗi đau nhân thế, ông còn hỏi vọng về sau:

Ba trăm năm nữa ta đâu biết

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?

Hướng hổi là những gì của hôm nay, khi dân số tăng vọt, công nghiệp phát triển, thơ ra đời ngày càng nhiều hơn, nhiều người dùng thơ như thứ trò chơi danh vọng... Nhưng chắc chắc thơ hay vẫn sống, lẫn vào đâu đó giữa hỗn tạp xô bồ.

Thơ muốn sống được còn phải có điều gì đấy cao hơn, mọi sự khen chê. Lấy chuẩn mực nào để đo câu thơ Ê-xe-nhin tứ thủ đô nước Nga gửi về cho mẹ, ý như sau: - Mẹ ơi, cái thằng con chân đất của mẹ giờ bỗng thành nhà thơ lớn nhất nước Nga. Các nhà thơ Nga thời ấy chắc chẳng vui về gì. Điều ấy, liệu có phải là nguyên nhân dẫn đến cái giá phải treo cổ sau đó để lại câu thơ, đúng hơn là niềm thao thức cho đến muôn đời:

Chết chẳng có gì là mới

Nhưng sống cũng chẳng mới gì hơn.

Nên sự sống mãi vĩnh hằng!

Và thơ mãi là niềm thao thức khôn nguôi...

TRẦN HỮU LỤC

Làng ơi!

Làng ở phía Đông hoàng thành cổ
Sông Ngự Ý chảy qua trước nhà
Tháng giêng lúa không còn reo
Vườn xưa chen chúc nhà cao tầng
ngạo nghễ
Đèn tím chớp nhòa, đèn vàng hấp hây
Quê nhà mất dấu tự bao giờ?
Cây gáo già hai trăm tuổi còn lại chờ vợ!
Làng ơi một trăm bến đục...
Khát một ngụm nước trong!
Dân làng như kẻ tha hương
Chẳng còn góp phần trên nền đất cổ
Khi lòng người chặt kín mưu toan
Nhà rường hàng trăm tuổi lạc lõng hoành
phi thiếp vàng
Xao xác câu đối chữ Nôm, chữ Hán...

Áo dài bay không hẳn chỉ là đẹp là thơ
Lắm kẻ qua sông sao đã vội quên đó?
Dân làng xưa bao lớp người đi mở cõi
Đâu rồi sĩ phu cổ đô?
Con cháu đời nay làm kẻ lưu lạc
Bảy trăm năm tích tụ giấc mơ!

Con đường phượng bay đầu chỉ dành
riêng đôi lứa
Tiếng chim thành quách cũ có báo trước
bình minh?
Niềm yêu thương, hy vọng ẩn khuất
đâu đó...
Đợi một ngày gió lên!

Nét tương phản hẳn sâu tự bao giờ?
Sao gió biển Đông chưa thể làm dịu mát?
Dòng nước đầm hương Thạch Xương Bó
chưa thể rửa sạch?
Ai mãi còn đắm đuối cầu vinh?

NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Loanh quanh

"Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một"
ca từ của Trịnh Công Sơn
Thuở nhỏ
Mẹ đưa lên chùa,
Hương khói
Hồi chuông
Tiếng mõ
Bài giảng kinh Thập điều
Ru tôi.

Lớn lên
Theo anh thăm chùa cổ

Biển để:
"Trụ sở Ủy ban"
Tối vui lớp học Bình dân
Ngày rộng sân kho hợp tác
Văng lời kệ, câu kinh diu dặt
Sáng chiếu vang tiếng hát
Tiến quân ca.

Tuổi già
Theo người thiện tâm
Dừng lại ngôi chùa đổ,
Ghép đá cầu ao
Rước "cụ Rùa" đội bia về chỗ cũ,
Đi dọc đường làng bờ bãi, be be
Qua những mảnh vườn gộp gộp, chia
chia.
Dịp lễ Vu Lan về quê
Nghe Thượng tọa giảng
"Không không"
"Sắc sắc..."
Muống sống lại thời con nít,
Mẹ đã mất rồi
Biết ai dẫn con đi?

HÀ CỬ

Nhà tôi ở phố

Nhà tôi ở phố Cầu Dống
Lô xô mái ngói những người nhà quê
Mùa lên hương lúa bộn bề
Ngón ngang rơm rạ lồi về ngõ sâu
Người xe lẫn bước chân trâu
Thoảng thơm khói thuốc, miếng trâu
nồng cay...

Bây giờ phố đã đổi thay
Nhà cao, cửa kính gió bay ngoài thêm
Áo ào xe cộ như nêm
Bán mua tấp nập hết đêm sang ngày
Thị trường mê mải vòng quay
Giá nhà, giá đất từ nay nên vàng
Bao người đời bỗng sang trang
Váy dài, váy ngắn xênh xang nụ cười...

Tôi ngồi lòng nhớ tháng mười
Ngón ngang thương phố,
thương người nhà quê!

(*) Nay là phố Trương Mỹ, TP Hải Dương



ĐÀM CHU VĂN

Lời những cây dầu cổ thụ ở trụ sở Ủy ban nhân dân

Tuổi ta nhiều hơn tuổi các uỷ ban
bao nhiêu lượt mùa xuân về không
nhỏ nữa
những toà nhà cao tầng có thể cao
hơn ta nhưng vẫn cần sự che chở
của ta
ta ủ rừng đại ngàn trong lòng thờ cây
mạch rễ
ủ thời gian trong xác xào tiếng là
ủ niềm vui, nỗi buồn những sớm nắng
chiều mưa...

sông Đổng Nai dâng tuần tự nhịp mùa
trong tầng tầng nước kia có hàng triệu
giấc mơ thao thức
ta nghiêng vào sông nước
nước tràn lên ta vô tận thời gian
nghiêng vào mệnh mang
mệnh mang nói với ta bằng lời

của nắng
thuở nài, mền đàn đàn ran suốt vắng
"tác... tác..." gọi bạn tình nào vắng
nhịp rừng sôi
lặng như cây cũng muốn góp lời
có một cánh bướm trắng đang đậu
trên ngực ta vụng dại và tin cây

Một sớm mai thức dậy
hơi phố thị ngạt ứ lồng ngực
những cánh tay xanh cổ trời vượt
lên cao...

Ta phải nghe những mặt nhạt cuộc
đời bên ký ức xưa bầu bạn
nơi quản lý và sản sinh những buồn
vui, số phận...
những thành nhân bên cạnh những
tầm thường
chợt khát thêm một sớm mù sương
không nhìn rõ mặt người
mơ màng
hì vọng.

CHUYÊN LÀNG VĂN NGHỆ

NHÀ VĂN Ở XÓM NHÀ CHÁY

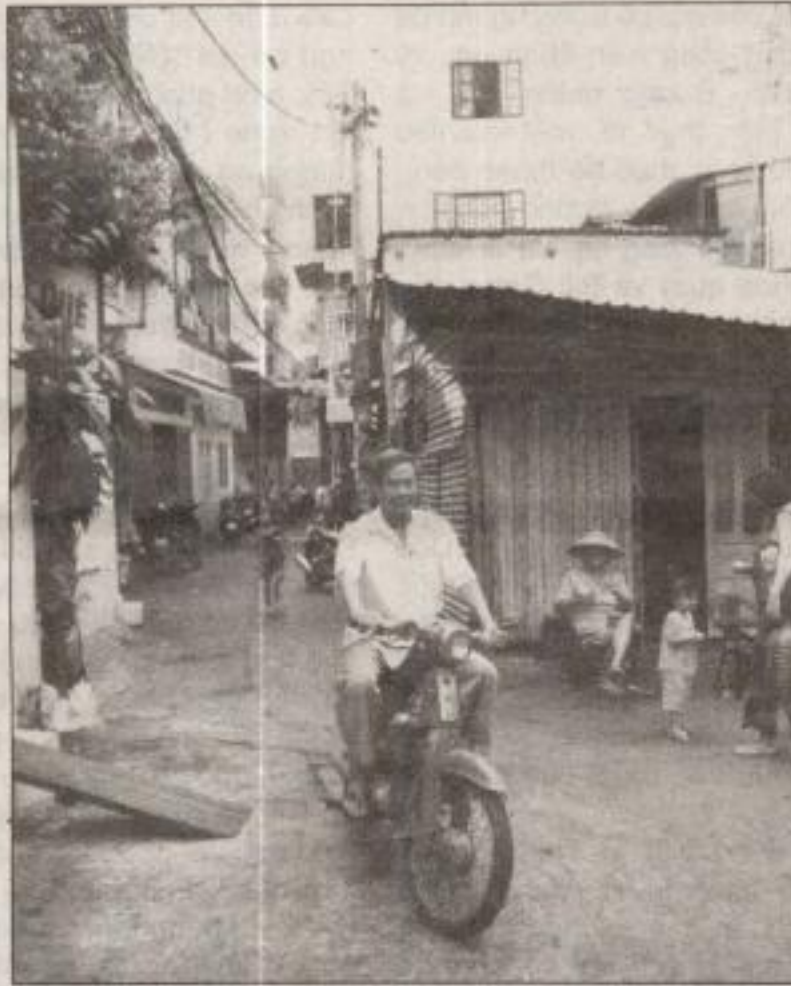
KAO SƠN

NGÀY tôi chân ướt chân ráo vào Sài Gòn, đã có nhiều người cảnh báo rằng: Đất này là đất làm ăn, là thương trường, là đất của báo chí. Văn chương không có chỗ đâu. Nghe... và buồn. Vừa dứt ra từ một môi trường văn nghệ, đang quen chiếu chiếu sớm sớm, nhất lại thấy bạn đến rủ đi cà phê rồi đàm đạo văn chương, giờ bỗng rơi tõm vào cái xứ nắng đường nhựa, gió bê tông, tối mặt tối mày vì người xe lúc nào cũng như chạy loạn này, biết sao ? Thì may quá. Một hôm cùng lúc có hai ông khách đến thăm và tự giới thiệu là dân Ninh Bình, cùng quê Yên Khánh. Hỏi kĩ thêm thì biết : Ngày xưa cùng học ở trường cấp 2 Hồng Đức và... ngạc nhiên và mừng hơn cả là... cả hai ông đều là dân văn chương: Ông Liệu nhà thơ và ông Cường nhà văn. Lạ chưa tôi. Mừng đến rần đầu gối. Xa quê, đang trống không nơi đất khách quê người, gặp bạn đồng hương lại cùng chí hướng thì không mừng sao được. Rồi rít tay bắt mặt mừng, đưa nhau vào quán cơm bụi gọi dăm cốc bia. Và rồi sau chuyện văn chương là chuyện quê. Lúc chia tay ông Cường nhà văn mời tôi có dịp thì đến ông chơi. Liếc cái địa chỉ ghi vội trên vỏ bao thuốc lá ông Cường đưa mà trợn mắt: Nhà văn mà ở đường Lý Thường Kiệt thì đại gia rồi? Nhưng sau này biết hóa ra không phải vậy. Lý Thường Kiệt chỉ là con lộ lớn phủ bóng lên anh. Nhà anh ở mãi tít trong cái xóm gọi là *xóm nhà cháy*, cách mặt đường Lý Thường Kiệt cả mấy trăm mét đường chim bay. Vào được nhà anh phải qua cả một con hẻm dài dặc với bao nhiêu là lạng, là lách, là quẹo phải, rẽ trái rồi lại rẽ trái quẹo phải...

Xóm nhà cháy của Cường được thành lập từ bao giờ, không ai biết. Chỉ biết nơi đây phần lớn là dân tứ xứ tụ lại. Con gió mưu sinh đã bốc họ lên, thổi bạt khỏi nơi chôn nhau cắt rốn và chắc là sau rất nhiều lang thang, họ lắng xuống đây. Đa phần dân trong xóm nhà cháy đều không mấy người có công ăn việc làm ổn định. Họ là dân tự do. *Độc lập tự lo hạnh phúc*. Tự lo sống. Tự lo mưu sinh. Ngày thường, đàn ông chạy xe ôm, xế lô, ba gác. Chứa xe đạp... đàn bà chạy chợ, bán vé số dạo và.... Đánh Lô tô. Ngày nào cũng vậy, cứ sáng tám chín mười giờ, chiều khoảng bốn năm giờ, sau một vài cuộc xe hoặc sau vài lần dạo chợ, cảnh đàn bà trẻ con lại tụ tập trước cửa nhà Cường để uống cà phê và chơi Lô tô. Cà phê ở quán vỉa hè trong này rẻ, chỉ bốn ngàn một ly. Đánh lô tô là một thú chơi dân dã, có lẽ cũng dễ chơi như bao trò chơi dân gian khác, nó hợp với người nghèo. Nhưng tôi đã ngồi xem họ chơi đến gần tiếng đồng hồ mà vẫn chả hiểu ra mô ra tề gì ráo. Tự nhủ: Có lẽ mình ngu, hoặc giả chưa đến nỗi nghèo nên học không được.

Thực ra thì cái tên XÓM NHÀ CHÁY được hình thành từ hồi còn chính quyền cũ. Ngày ấy xóm cũng đã cháy một lần. Năm 1988 lại cháy lần nữa. Bữa đó đúng dịp thành phố kỉ niệm ngày chiến thắng 30 tháng Tư. Khoảng một giờ trưa chả biết từ đâu và vì nguyên nhân gì, một ngọn lửa bùng phát và sau đó lan tỏa thành cả một vệt dài. Nhà của dân xóm này phần đa hồi đó là cây que nửa lá dựng tạm nên bắt lửa rất nhanh. Chỉ khoảng chưa đầy hai giờ đồng hồ cả xóm hầu như đã cháy rụi. Cường bảo: Hồi đó nhà anh cũng ở đây, nhưng chếch chỗ đang ở một đoạn. Xóm cháy rồi, tùy thân mỗi người lại dựng ra tìm lấy một chỗ để cắm nhà mới. Chính quyền và dân các phường bạn có quyền góp gạo thóc quần áo giúp đỡ dân xóm bị nạn nhưng hàng cứu trợ gom về ủy ban phường chả hiểu sao, chắc là lại bị "cháy" nên không thấy ai trong xóm được gì. Hồi đó đất chưa biến thành vàng như bây giờ nên việc dân xóm nhà cháy tự phân chia nhau từng khoảnh để dựng nhà cũng không bị vướng mắc. Cái sự vướng mắc mãi sau này khi xóm nhà cháy đã đông vui, đã có nhiều người đến và đi. Người đến tìm mua đất. Người đi bán đất. Đồng tiền bắt đầu chứng tỏ hiệu lực và sức mạnh của nó theo từng mét vuông đất được đem trao đổi. Rồi tiếp đó là chuyện phải có sổ đỏ sổ hồng, phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cường cũng như nhiều nhà ở xóm nhà cháy bỗng lâm cảnh trở trêu: Thành người ở bất hợp pháp. Từ năm bảy tám đến nay, hốn người đã thấm vào đất. Và đất đã phủ dày lên cát bụi mặt người, tường đã có thể gọi đất ấy là đất thổ cư?! Nhưng không. Cường cũng như nhiều nhà trong xóm nhà cháy không được cấp sổ, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cường đã bao lần làm đơn vác lên phường, lên quận xin cho được đứng tên trên mảnh đất mà gia đình anh đã hơn ba mươi năm nay tá túc nhưng vẫn không được. An cư thì mới lạc nghiệp. Các cụ bảo vậy. Vậy thì cái sự Cư không an kia đã trở thành một nỗi ám ảnh, một cái dớp đầy rủi ro với Cường. Chả biết kiếp sau anh thế nào chứ trong bao năm qua thì Cường khổ quả: Nhà không được sửa, không được coi nới. Không được vân vân... Và cái khổ ấy lại mỗi ngày một dày thêm bởi một cái đam mê rất khôn khổ khác của Cường: Anh mê viết văn và đeo đẳng cái mộng trở thành nhà văn. Thực ra thì cái mộng văn chương đã đeo Cường từ rất sớm. Hồi còn ở quê, học

trường cấp hai Hồng Đức anh đã làm le tập viết văn. Anh muốn sau này được vào Đại học Tổng hợp văn. Nhưng số phận lại không chiều. Gia đình anh trong cái cách bị xếp hạng có vấn đề nên sự học của anh cũng vì đó mà gãy khúc. Đi khai hoang, ở vùng đất mới, Cường đành đu với Đình Công Diệp, cũng là một nhà văn quê Ninh Bình dạt lên. Hí hoáy viết mãi, vừa viết vừa làm đủ thứ nghề: Bán thịt chó, buôn đồng nát. Làm thợ mộc, làm hàng ăn... nghĩa là làm hầu như tất cả những việc mà một gã đàn ông nghèo có thể kiếm được để đổi mớ xôi lấy bát gạo. Cũng may cho Cường, ông giới còn thương cái chí của anh nên "Ban" cho Cường một người vợ. Chị Lan vợ anh là một phụ nữ tuyệt vời. Xuất thân từ làng hoa Nhật Tân Hà Nội, chả biết giỏi xui đất khiến thế nào mà chị Lan chấp nhận lấy Cường và chấp nhận cùng anh sống cuộc đời lang thang nay đây mai đó, chấp nhận theo Cường vào tận đất Sài Gòn này để chỉ với dăm cốc cà phê, mấy chai bia mở một cái quán tại nhà, nuôi và chăm cho con ăn học, chăm cho ông chồng nửa khôn nửa dại bởi lúc nào cũng ôm cái mộng đem văn chương ra mong cứu nhân độ thế. Nhớ có lần nhìn Cường đi chiếc xe Cúp đời 78 tã tệu, ngày ngày xin tiền vợ mua xăng để đạp đến thăm mấy bạn văn chương ở cách nhà hàng mấy chục cây số, tôi đã bảo Cường: Thôi, ông vứt bỏ nó ba cái chuyện văn chương, bán tổng cái xe ghê này đi xem được đồng nào phụ vào với vợ, hoặc không thì ra đấu phố, chịu khổ mỗi ngày làm lấy dăm cuộc xe ôm kiếm tiền mua gạo cho con... Nhưng Cường không nghe. Sau nghĩ lại thấy cái sự không nghe ấy của Cường có cái lí của nó. Thời này, dẫu là cái xe máy như của Cường, nhưng để thì còn là cái xe máy, còn có cái thỉnh thoảng mà *bình bịch* cho vui tai, chứ bán thì ở đất này chỉ có bán cho đồng nát. Còn nếu làm xe ôm thì... không khéo phải vạ. Người đời giờ dẫu có đi xe ôm thì cũng chọn chán. Họ ngồi lên xe nào còn ra hớn xe chứ ai dại ngồi lên chiếc 78? Chào họ có khi họ còn chửi cho. Và tất nhiên, cuối cùng, cái chuyện bảo Cường vứt bỏ nó ba cái văn chương đi chỉ là chuyện không tưởng. Anh đang say văn chương, đang hận đời nữa. Đời đã đẩy anh như một hòn đất, lăn miết, mỗi ngày một hao đi, một lấm lem đi. Vậy thì anh phải viết văn để... ừ thì cũng lại như các cụ xưa dạy: *Làm trai sống ở trong đời đất - Phải có danh gì với núi sông!* Cường đã không thể giàu, không thể kiếm được nhiều tiền để vênh vang với đời thì anh viết văn để mong có ngày thành Nhà văn mà về quê vinh quy bái tổ. Nói gì thì nói, cái anh nhà văn thời bây giờ tuy vẫn nghèo kiết xác, vẫn khổ như con chó trong thơ Nguyễn Vỹ, nhưng vẫn chưa bao giờ bị coi là hạng người thấp hèn. Trên cái mũ rách râu bẩn và tấm áo rộng khoác hở nhân mác chẳng đụp tổ đĩa của nhà văn vẫn lấp lánh đâu đó những hạt sáng của lương tâm, phẩm giá, và buộc người đời vẫn phải tôn trọng, coi nó như MỘT CÁI GÌ ĐÓ! Vậy thì Cường quyết làm để trở thành một cái gì đó. Anh vẫn chỉ ít mỗi tuần một buổi dành tiền mua xăng đổ cho chiếc xe ghê rồi phóng đi thăm bạn văn chương, gặp gỡ họ để... có khi chỉ là cho đỡ nhớ. Thấy anh bỏ tiền mua báo *Văn nghệ*, *Văn nghệ Trẻ*, rồi cả *Tạp chí Văn* nữa, tôi xốt, bảo anh: Ông đến tôi đi. Nhà tôi hai vợ chồng, tuần nào cũng được cấp hai



Nhà văn Nguyễn Mạnh Cường

suất báo của Hội Nhà văn, tôi đưa ông một suất, đỡ phải mua! Cường gật gù cảm ơn. Nhưng rồi vẫn chả đến. Vẫn bỏ tiền ra mua. Có lẽ anh cho rằng phải làm thế mới hết được cái tình yêu của anh với Văn chương ?

Hồi giữa năm nay, Cường tập hợp và ra được một cuốn sách, tập truyện ngắn: QUÊ MƠI. Cái tên nghe mộc mạc như con người anh. Và những chuyện chứa trong đó hầu hết là chuyện của đời anh, của những bác xích lô, những cô quá lứa lỡ thì sống nghề chạy chợ, những bà những đứa trẻ bán vé số dạo... xung quanh anh. Người dân xóm nhà cháy đọc truyện của anh và thấy họ trong đó. Họ triu mến gọi anh là *bác nhà văn*. Cường có vẻ rất tự hào về điều anh là nhà văn của họ. Mà tự hào là phải. Hôm tôi đến thăm Cường, lần theo cái số mà anh đưa, vào tận đến gần xóm nhà cháy rồi, tôi hỏi tên Cường, người ta cứ ngỡ ra: ở đây có đến mấy chục người tên Cường. Vậy chứ cái ông Cường nhà chú làm nghề chi? Tôi đỏ mặt lúng túng. Quen nhau hàng năm rồi có thấy Cường bảo anh làm một nghề nào ổn định đâu? Mà dân trong này thì người ta gọi nhau không phải theo lối Bác. Người ta lấy cái nghề của người đó ra mà ghép vào: Bác Cường chứa xe đạp. Bác Cường làm xe ôm. Bác Cường Ba gác, Bác Cường Lô tô...v.v. Vậy chứ còn bác Cường mà tôi quen? Nhân trần đến ba lần rồi cuối cùng đánh liều: Dạ, bác Cường bác ấy viết văn!? Cha, Dzậy sao hổng nói sớm. Tưởng kiếm Cường nào chứ Bác Cường Nhà Văn thì đó đó... chú đi kiểu này.... Mấy bác mấy cô tranh nhau bày đường cho tôi. Bỗng thấy ghen với anh, ở đây anh quả là người nổi tiếng. Chả bù cho tôi. Mấy thằng em con đi ruột lần đầu đến chơi, đứng hỏi thăm ngay trước cửa nhà ông anh rồi mà mấy bà hàng xóm quanh đó vẫn lắc đầu quấy quấy, hổng biết! Thấy tôi đến, mấy bà mấy cô đang ngồi chơi Lô tô trước cửa nhà Cường vội né sang nhường lối. Cường chưa kịp để tôi rào mớ hỏi anh kéo luôn tôi vào gian bếp chật chội và tối như hũ nút nhà anh, gỡ bỏ mấy chiếc quần áo tàng tàng treo bên ngoài một chiếc tủ và chỉ cho tôi. Thì ra đó là tủ sách của cường. Trong tủ, bên cạnh những ông Đốt, ông Lép, bên những cụ Vích, cụ Ban... mất xanh mũi lõ râu rậm bên Tây, cạnh những bậc văn hào trường lão da vàng mũi tẹt người ta: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... ẩn mình trong những cuốn sách dày cộp và ủa vàng là một cuốn sách còn thơm mùi mực in: Cuốn *Quê Mơi* của nhà văn Nguyễn Mạnh Cường! Nhìn vẻ mặt trang nghiêm và cũng đầy tự hào của anh, tôi lên chấp tay vái anh ba cái và lặng lẽ rón rén giật lùi. Đó là chốn thiêng, kẻ phạm phụ tục từ này xin được kính nhi viễn chí, đứng xa mà ngưỡng mộ. Tôi ra gian ngoài ngồi thở. Chị Lan vợ anh đang đánh mắm tôm với chanh. Trước mặt chị là một đĩa bún trắng. Sẽ là một món bún chấm mắm tôm chanh, một món ăn dân dã, món ăn của kỷ niệm, của quê xa mà đã quá lâu rồi không được thưởng thức. Mắm cổ dãi khách hấp dẫn đến nỗi chỉ mới liếc qua miệng tôi đã ứa nước bọt còn dạ dày thì réo ầm ĩ, réo đến... không biết giữ thể diện cho chủ, thật mất lịch sự.

Vẫn như mọi khi, Cường uống rượu và ăn rất ít. Bù lại, anh nói nhiều về văn chương, về những mẫu nhân vật ngoài đời xuất hiện trong truyện của anh và khoe cả mấy bức thư của một cô cũng tên Lan nào đó từ Gò Vấp viết gửi cho anh tỏ lòng ngưỡng mộ. Bên ngoài cửa, thỉnh thoảng lại thấy một vài ba ánh mắt liếc vào, một vài bóng hồng lảng qua cùng với cái nhìn tò mò. Rõ ràng, ở một cái xóm gồm toàn những người dân lam lũ, bữa sớm chưa qua đã phải tất bật lo bữa tối thì việc có mấy ông nhà văn xuất hiện, ngồi bù khú với nhau, phớt lờ chuyện cơm áo, nói toàn những lời có cánh trên giới dưới bề với họ được coi là một sự lạ. Nhưng điều đó lại lần nữa làm tôi ghen với Cường: ở chốn này, Cường đang long lanh, đang là một ngưỡng mộ. Chị Lan tỏ ra là người biết chiều chuộng, chuông khách. Chị gấp bún cho tôi liên tục. Hỏi chị sao mà lại cả gan lấy nhà văn. Chị chỉ cười. Cường thì trợn mắt: Lừa mãi mới được đó cha. Tôi gật. Có lẽ vậy. Với những gã nhà văn thời này cỡ như tôi với Cường thì nếu không giới lừa chắc chả ai lấy thật. Cường chỉ cho tôi chỗ góc nhà nơi tối tối anh ngồi viết. Anh bảo sắp sẽ ra tiếp một tập truyện ngắn nữa. Và rằng tiếp nữa anh sẽ viết tiểu thuyết. Cường ước có cái nhà rộng hơn một tý và đỡ ớn để anh không bị phân tán tư tưởng. Tôi an ủi anh rằng, ông cứ viết đi. Ngày xưa Nam Cao còn ngồi viết trong tiếng vợ kêu, con khóc và tiếng chửi mắng gà của một bà hàng xóm lắm điều kia mà. Vậy thì cứ ngồi đây, cứ đâm vào đám nhân quần này mà viết... Đừng tìm đâu xa, cái *xóm nhà cháy* của anh, cái xóm mà ngày này qua ngày khác anh hít thở bầu không khí của nó, chứng kiến bao chuyện ngồi xổm nhân gian, giáp mặt với bao kiếp lầm lụi, những số phận trở trêu... nếu để tâm thì chừng ấy cũng đủ tư liệu để anh viết, anh bày lên trang giấy mà thành nhà văn. Cường trầm ngâm rồi gật gật.

Tôi nhìn anh và... tin rằng sau cái gật ấy là những tập truyện sẽ được tiếp tục ra đời. Tin lắm. ■



L.T.S: Hà Dục Kỳ là chuyên gia thiết bị khổng chế tự động, sinh năm 1934 tại Thượng Hải, năm 1961 nhận học vị tiến sĩ toán của đại học Harvard (Mỹ), sau đó liên tục phụ trách giảng dạy tại khoa Khoa học ứng dụng trường đại học Harvard.

Ý kiến sau đây của ông về môi trường học thuật Trung Quốc gửi những người bạn đồng nghiệp vốn khá giống với Việt Nam, có thể cũng rất hữu ích với giới trí thức ở nước ta hiện nay.

TÔI cứ đấu tranh tư tưởng mãi mới dám viết thư này. Tôi không có ý gì khác, ngoài kỳ vọng xuất phát từ đáy lòng, những mong giới khoa học Trung Quốc sớm có được một tương lai tốt đẹp.

Từ sau 1979 lần đầu tiên tôi về thăm Trung Quốc đến nay, hầu như năm nào tôi cũng về lại, và đã đích thân chứng kiến những bước tiến vĩ đại trong mọi lãnh vực, kể cả khoa học kỹ thuật, đây là điều chưa từng có trong lịch sử. Không những bất cứ một người Trung Quốc nào ở trong nước cũng đều thấy tự hào, mà tất cả Hoa kiều trên thế giới cũng đều chia sẻ niềm vinh dự chung này.

Song, những tin tức gần đây và những kinh lịch của bản thân, đã cho tôi hay rằng: về mặt đạo đức và nguyên tắc chuẩn mực, giới học thuật Trung Quốc làm chưa được tốt lắm.

Tuy bối cảnh văn hoá và tập quán giữa Trung Quốc và phương Tây có khác nhau, nhưng trong tiến trình toàn cầu hoá, nếu Trung Quốc muốn có những biểu hiện xuất sắc hơn nữa trên vũ đài học thuật của thế giới thì phải tuân theo những nguyên tắc chuẩn mực trong hành vi đã được thừa nhận chung. Ngoài những nguyên tắc cơ bản như quyền sở hữu trí thức và những tiêu chuẩn đạo đức chung vốn có ra, nếu coi nhẹ những nguyên tắc tiêu chuẩn khác thì cũng không được bất cứ xã hội nào chấp nhận.

Tôi vốn không muốn đàm luận nhiều về căn nguyên và những nguyên nhân gây ra những sự kiện vi phạm đạo đức ở đây, mà chỉ muốn nói về 2 nguyên nhân gây ra những sự việc này ở Trung Quốc.

Thế chế khen thưởng hiện hành của Trung Quốc quá ý lại trực tiếp vào số lượng của "Thành tựu học thuật". Xét từ góc độ của quan viên bình xét, điều này có thể lý giải được. Chỉ tiêu về định lượng (thí dụ số lượng luận văn phát biểu) cũng tương tự như chỉ tiêu kỹ thuật thi đấu thể thao (thí dụ nhảy cao bao nhiêu) rất dễ phán đoán, và làm cho người ta tin phục ngay. Nhưng về mặt đánh giá chất lượng thì rất cao siêu, cần phải có tri thức chuyên môn và tìm hiểu sâu sắc. Trong học thuật, "Chất lượng" là hàng đầu, cũng như người ta không thể chỉ dựa vào lượng chữ nhiều hay ít để đánh giá một bài thơ. Hiện nay chúng ta chưa có một hệ thống hoàn thiện để đánh giá chất lượng, vì vậy việc đánh giá của nội bộ ngành là một cơ chế được thừa nhận và duy nhất được chấp hành. Cha đẻ của bom nguyên tử Mỹ đã quá cố J. Robert. Oppenheime nói rất đúng: "Giá trị chân chính của một người là tổng hoà sự tôn kính của những người cùng ngành đối với người đó". Nhà toán học John Fritz viện nghiên cứu Courant nói thẳng thắn hơn: "Tôi sống là để được một chút khâm phục tiết kiệm của mấy người bạn toán học". Khi Trung Quốc bắt đầu bước lên đỉnh vũ đài khoa học và công trình trên thế giới, nó phải biết lợi dụng nhiều hơn nữa hệ

CUỘC TRƯỜNG CHINH VÀ SỰ KHỞI ĐỘNG ĐẦU TIÊN

HÀ DỤC KỲ (Trung Quốc)



thống bình xét của nội bộ trong ngành để đánh giá những cống hiến khoa học kỹ thuật của mình. Đương nhiên, đối với những cống hiến thực tế, một chỉ tiêu khách quan khác là mức độ thành công và chấp nhận trên thị trường. Ở Mỹ, Steve Jobs (người sáng lập và là CEO của công ty hoa quả) và Bill Gates đều chưa hoàn thành chương trình đại học, nhưng đều được bầu làm viện sĩ viện công trình của Mỹ, đây là một niềm vinh dự mà họ cần được hưởng. Nếu Trung Quốc vì sợ "Mất sĩ diện", lưỡng lự không muốn mời các nhà khoa học không phải người Hoa giúp đỡ bình xét, thì còn có các nhà khoa học khác gốc Trung Quốc ở khắp nơi trên thế giới, họ rất am hiểu văn hoá Trung Quốc và cũng rất nhiệt tình nêu lên những ý kiến đánh giá khách quan đồng thời cũng là nghĩa vụ đối với những thành tựu học thuật của các học giả Trung Quốc.

Theo tôi được biết, ở Trung Quốc, hình phạt về hành vi vi phạm những nguyên tắc chuẩn mực về học thuật và đạo đức rất nhẹ, thậm chí có khi còn không bị trừng phạt, chỉ một câu cảnh

cáo "Lần sau đừng thế nữa" là xong. Tục ngữ có nói "Giết gà dọa khỉ", ở phương Tây, hình phạt về hành vi ăn cắp và biển lận trong học thuật rất nặng, thường là đương sự sẽ mất việc làm hoặc mất tư cách chức nghiệp. Vì vậy, áp lực của giới ngành và kỷ luật tự giác thường đủ để làm cho hành vi xấu giảm được đến mức thấp nhất. Chính phủ và lãnh đạo giới học thuật Trung Quốc phải cần đặt ra một kỷ luật thật nghiêm khắc. Nếu không, do kích thích của nguyên nhân trên, và hậu quả của nó, người ta dễ nảy sinh động cơ gây ra những hành vi xấu. Đây chính là tính xấu bẩm sinh của loài người, không phải chỉ riêng Trung Quốc. Nếu cứ để tiếp diễn lâu dài, thì một thể chế học thuật không lành mạnh tất nhiên sẽ dẫn đến những hậu quả không lành mạnh và tiếng xấu trong giới học thuật là điều đương nhiên.

Khi đề xuất những vấn đề trên, tôi rất hiểu câu nói cổ xưa: "Nói dễ, làm khó".

Theo ý nghĩa lâu dài mà nói, những hành vi không lành mạnh này có thể tự nó tiêu mất đi (Dù sao thì thành La Mã không thể xây xong ngay trong một

ngày). Dĩ nhiên là với sự phấn đấu của mấy thế hệ, giới khoa học kỹ thuật Trung Quốc đã đi qua một đoạn đường rất dài, chúng ta cần phải có một thái độ lạc quan. Nhưng, điều mà tôi lo lắng là các nhà khoa học và công trình sư thuộc thế hệ tương lai mà nay đang được giáo dục, nếu nhìn thấy những hành vi xấu không bị trừng phạt và hạn chế thì họ cũng dễ bị lây nhiễm. Như vậy, thời gian để nó tự khắc phục sẽ lâu hơn, và thời gian để Trung Quốc có được một chỗ đứng vững chắc trên vũ đài tất nhiên sẽ dài hơn.

Sau đây là một số thí dụ cụ thể:

Số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ do một giáo sư chỉ đạo quá nhiều (30-100 người). Đây có thể là một hậu quả của việc quá coi trọng chỉ tiêu về định lượng. Chỉ đạo một số lượng nghiên cứu sinh nhiều đến thế thì không một ai có thể kham nổi. Nếu một giáo sư tích cực phối hợp thì thông thường nhiều nhất cũng chỉ chỉ đạo được sáu nghiên cứu sinh là cùng.

Một bản luận văn sửa chữa đi đôi chút để phát biểu nhiều lần. Tuy nhiên kết quả làm như vậy chỉ được số lượng, chứ không thể đánh lừa được giới học thuật và nội bộ trong ngành. Cách làm như vậy khiến học giả Trung Quốc bị mất danh dự trong giới xuất bản quốc tế, cũng không thể thấy cá nhân đó có cống hiến gì thêm trong học thuật.

Một luận văn gửi nhiều nơi để nhân thêm cơ hội phát biểu. Nhiều cơ quan báo chí đã thông báo cấm hành động này, nhưng nhiều học giả Trung Quốc có khi vẫn làm ngơ, phớt lờ coi như không biết.

Đạo văn, biểu hiện ở hành vi ghi tên mình vào tác phẩm của người khác, là một hình thức khác của sự không trích dẫn nguyên văn và bỏ ghi xuất xứ. Sở dĩ làm như vậy là vì cho rằng người quản lý không biết được sự khác biệt trong đó, còn là vì giám sát học thuật bất lực nữa.

Thư đề cử không được giữ bí mật. Các nước phương Tây khi bình chọn một chức vị hay một ứng cử viên của một giải thưởng nào đó, thường là ban bình chọn trực tiếp yêu cầu người đề cử phải có thư đề cử và phải hứa giữ bí mật. Nhưng cách làm của Trung Quốc thì lại là người được đề cử đứng ra thu thập những thư này rồi trao cho ban bình chọn. Dù cho ban bình chọn có trực tiếp yêu cầu cấp thư đề cử chẳng nữa, thì cũng không giữ được bí mật. Như vậy làm cho ý kiến của nội bộ ngành, cái được coi là quan trọng nhất trong cả quá trình, không còn tác dụng nữa và cũng mất hết ý nghĩa.

Đặc quyền của viện sĩ và phần thưởng. Trong nhiều quốc gia phương Tây, kể cả ở Mỹ, được bầu làm viện sĩ là một niềm vinh dự, chỉ có thể mà thôi. Không có một phần thưởng gì khác nữa về tiền bạc cũng như các mặt khác, cũng không có một đặc quyền xã hội nào bắt nguồn từ vinh dự này. Nhưng ở Trung Quốc, ngoài danh hiệu vinh dự đó ra, viện sĩ được những quyền lợi quá cao khác nữa. Để rồi, nghe nói, xuất hiện những hoạt động tranh cử rất gay gắt, thậm chí cả hối lộ công khai hoặc ngầm ngầm. Vinh dự học thuật này trực tiếp móc nối với lợi ích vật chất, đặc quyền và quyền lực đã dẫn đến những động cơ không lành mạnh.

Cần phải khẳng định rằng, giới khoa học kỹ thuật Trung Quốc còn tồn tại một số vấn đề về thể chế và đang tìm biện pháp khắc phục.

Tôi không phải là chuyên gia về mặt này. Điều quan trọng nhất là các cấp lãnh đạo phải chịu trách nhiệm cải tiến thể chế. Cuộc trường chinh vạn dặm cũng đều bắt đầu từ những bước đi đầu tiên. ■

THÁI LONG
(Dịch từ tạp chí Độc Giả)

VUI NHƯ... XEM TỪ ĐIỂN

Vì sao chỉ người Hà Lan mới có danh từ chỉ kẻ ra khỏi quầy mà không thanh toán (Zechpreller), hay vì sao người Albania cần đến 27 từ để phân biệt "nhôn" có bộ ria? Một cuốn sách mới mẻ, thuyết phục, đã ra đời để khám phá những khái niệm vui, đẹp, và giàu ý nghĩa của khắp hoàn cầu, mà tác giả của nó là Adam Jacot de Boinod, một tiến sĩ người Anh.

NGUỜI Hy Lạp có một chữ chỉ điều này, dân phương Tây hay nói vậy khi loay hoay tìm cách diễn tả chính xác một vật, hay sự việc. Giờ đây, nhờ có Adam Jacot de Boinod cùng cuốn sách tuyển chọn của ông về những từ vựng kỳ quặc khắp thế giới, chúng ta có thể biết rằng, các dân tộc xa xôi như Mã Lai, Hawaii, hay Sumatra... cũng và vẫn có những từ ngữ kỳ quặc như thế.

Có một chữ riêng để chỉ nếp da bên dưới má những ai béo xệ cằm, **alang-** đó là cách người Nicaragua định nghĩa. Có một từ người Khakas vùng Siberia, nước Nga, gọi cái vòng đeo vào mũi con bê, để không cho nó bú mẹ, đó là từ **oorexax**. Còn có một chữ gom lại để chỉ toàn bộ trạng thái bồn chồn mỗi khi ta phải đợi taxi đến nửa tiếng, hoặc khi ta ngồi trong nhà chờ tiếng chuông cửa, báo hiệu người khách ta mong đợi đã đến rồi, đó là chữ **iktsuarpok**. Bạn đã thấy vui chưa?

Học một ngoại ngữ, tất nhiên, cách tốt nhất và nhanh nhất, là nỗ lực để mình đắm chìm vào một nền văn hóa khác. Nhưng từ ngữ tự chúng đã đưa ra hàng trăm manh mối biểu hiện để quy hoạch nền văn hóa đó. Ai ai cũng biết rằng,



người dân tộc Inuit có đến 30 từ để gọi tuyết. Lúc đầu, Adam Jacot de Boinod bị choáng váng khi thấy người Albania gọi bộ ria bằng 27 từ khác nhau. Chưa hết, dân tộc này cũng có 27 từ khác để gọi cái nhúm lông mày ngự trên quảng mắt. Một thế giới quá phong phú của đàn ông tinh cùng về rậm rạp đã làm ông choáng ngợp. Ông bắt đầu lẩn mò vào các thư viện, vùi đầu vào các quầy sách cũ, để tìm hiểu các cuốn từ điển tiếng nước ngoài, trong đó có điệp trùng các mối quan hệ li ti giữa các khái niệm. Ông lập ra các danh mục, chuyên liệt kê các "chữ không tìm thấy từ tương đương trong

tiếng Anh". Đại loại như sau: **tsuji-giri**, từ tiếng Nhật từ thời các samurai, nghĩa là "thử một thanh gươm mới bằng cách đâm vào một người qua đường gần nhất" (thật may, đời đó đã qua khá lâu rồi), hay khái niệm khắc kỷ **Torschlusspanik** của người Đức có nghĩa là "sợ những cơ hội cứ dần dần trôi qua khi mình mỗi ngày một già"...

Cuốn sách của Adam Jacot de Boinod thích nhắm đến những sinh hoạt ăn uống, săn bắn, hay ngắm cảnh lá rơi mùa Thu... Nhưng cũng không ít khi bạn tìm thấy những sự vật, hiện tượng, tại những bối cảnh thú vị khác, ví dụ cách

cúi đầu chào của người Nhật Bản, từ **eshku** (cúi nhẹ đầu, khoảng 15°), đến **pekopeko** (nghĩa là dập đầu xuống sát đất, liên tục, biểu thị sự khúm núm hoặc nịnh bợ quá đáng). Hay bạn nhận ra rằng, người Việt Nam dùng đến 18 chữ khác nhau để chỉ người đối diện trong lúc đối thoại, tức ngồi thứ hai số ít, tùy theo người đó già, trẻ, thân, sơ, sang, hèn... thế nào. Hay bạn học được cách người Pháp phát minh ra chữ **ordinateur** để gọi cái máy tính điện tử, mà không phải nói "computer", bởi vì âm "com" gắn với âm "con" là tiếng lóng để chỉ bộ phận hạ tiện riêng kín đáo của người phụ nữ, âm "pute" là tiếng lóng của "con đĩ", và toàn bộ liên hợp lại thì thật là "quả tặc tũu, không thể thích hợp với những nơi sang trọng hay khoa học nghiêm túc".

Tuy nhiên, hấp dẫn hơn cả là những từ mà nghĩa của chúng dường như tuyệt đối chính xác một cách quá đáng, thậm chí đến mức lố bịch. Ví dụ người Ba Tư cổ gọi con lạc đà cái không cho sữa nếu không bị cù vào hai lỗ mũi là **nakhur**.

Có khá nhiều kho từ vựng buồn cười. Chúng là những cửa sổ nhỏ, nhưng rất độc đáo, để nhìn vào đời sống các dân tộc, cùng muôn nghìn nỗi ám ảnh nơi họ. Chúng ta có thể thấy thú vị khi được biết chúng, nhưng chúng ta cũng đôi khi phát hoảng lên vì những âm thanh khi chúng được phát ra, liên tưởng đến những sự vật hiện tượng kỳ dị trong ngôn ngữ chúng ta, các nhà ngôn ngữ học gọi đó là "đa phân sự" (multi-tasking), "đa âm hưởng" (multi-bite), hay "siêu phân nghĩa" (over-sharing)... ■

LÃ THANH TÙNG
(theo Independent.com)

NHÀ THƠ ÚC MÊ HÀ NỘI

STEVE K. KLEN, một nhà thơ Úc (Australia), sinh năm 1956, hiện sống ở Canberra cùng với vợ con. Ông học Triết học và Văn chương tại đại học Sydney. Lúc còn trẻ đã đoạt giải "Cuộc thi Thơ dành cho các nhà thơ Úc dưới 18" (Poetry Australia Competition for Australian poets under 18), và tính đến nay, sau tập thơ đầu tay in năm 1980, đã cho xuất bản bảy tập thơ. Từng dạy văn chương ở Hoa Kỳ, Kelen tới Hà Nội năm 1998, theo chương trình Asialink do chính phủ Úc tài trợ qua đại học Monash.

Kelen ở Hà Nội một thời gian, và đã làm nhiều thơ về Việt Nam, trong đó người ta thường nhắc tới **Khách sạn Ngàn Sao, Hà Nội** (Thousand Star Hotel, Hanoi), **Làng Dzaod, Phật bà Quan âm**,... Thơ ông đã được xuất bản rộng rãi ở Úc châu và nhiều nơi khác trên thế giới, kể cả Việt Nam (xin xem tập **Dragon Rising/Thăng Long**, 1998, nxb. Thế giới, Hà Nội). Say mê Việt Nam, Kelen, sau khi rời Hà Nội, vẫn tiếp tục làm thơ về Việt Nam. Bài **Thiếu nữ Hà Nội** nằm trong tuyển tập Best Australian Poems 2004 (Thơ hay nhất Australia năm 2004) do Les Murray biên tập. Gần đây Kelen đã hoàn tất một bài thơ dài về cuộc chiến tranh Việt Nam. Và đang sửa soạn để trình một luận án tiến sĩ ở đại học. Các thi phẩm chính yếu, thường được nhắc tới của S. K. Kelen, gồm: **Vào trung tâm Điện Thế giới** (To The Heart of the World's Electricity, 1980), **Vũ khúc nguyên tử** (Atomic Ballet, 1991), **Bầu trời chó rừng châu Úc** (Dingo Sky, 1993), **Xa lộ xuyên-Sumatra và những bài thơ khác** (Trans-Sumatra Highway and other Poems, 1995), **Tia lấp lánh** (Shimmerings). Tác phẩm gần nhất đã xuất bản: **Phật bà Quan Âm** (Goddess of Mercy, Nxb Brandl & Schlesinger, 2002).

Thiếu nữ Hà Nội là một bài thơ dài, có tiếng vang của S. K. Kelen. Qua câu chữ của ông, người đọc có thể thấy được những quan sát tinh tế, tình cảm và nhận thức trân trọng của một người nước ngoài với Thủ đô yêu quý của chúng ta.

Thiếu nữ Hà Nội

Hà Nội thành phố bén nhay nhất
ban đêm xe cộ rớt cuộc cũng ngừng
và một im lặng lớn của ngủ nghê
buông tỏa: một bức màn hạ xuống
do thần mình
Trời mờ tối trên vĩa đường
nhưng nền trời đỏ lừ với mù sương.
Lặng lẽ suốt đêm cho tới khi gà gáy
lúc mặt trời mọc ở đâu đó trên đồng lúa
ở phía sau những vùng ngoại ô đã được xây dựng lại
về mạn bắc dòng sông.
Có thể có niềm vui nào lớn hơn là được thấy
các thiếu nữ Hà Nội cười xe gắn máy,

các chị em ở phía sau ngồi vắt chân qua một bên.
Khi xe cộ chậm lại các cô khảo chuyện,
thật hồn nhiên, với các cô ngồi trên xe máy khác.
Lựa là và ny-lông nhất định là cuộc chiến
đã giành phần thắng về cho váy ngắn đồng minh với
những đôi giày ống da
lên mãi tới đầu gối hay những đôi dép trong mờ.
Máy điện thoại di động của họ vang lên khẩn cấp-
tia chớp giáng xuống ngọn núi thành Hà Nội
những đám mây mưa thân hữu tụ lại.
Hãy nhấn số gọi tố tiên- những người mẹ những người bà
là những nữ chiến binh dững cầm nhất
mà Việt Nam đã từng thấy hàng bao thế kỷ
họ đã chiến đấu chống xâm lược và bỏ mất
chồng con, anh em, chị em.
Ai cũng mất một người thân nào đó
khi nước Mỹ vô tâm dưới chính quyền xuẩn ngốc

gửi linh trảng và máy bay oanh tạc qua.
Chiến tranh kết thúc, và vô số các cháu gái,
vô số các cháu trai đã ra đời.
Các thiếu nữ Hà Nội dùng xe nơi đèn xanh đèn đỏ
những đôi boots cao tới đầu gối những đôi dép tuyệt đẹp
tựa trên mặt đường, điện thoại di động chào đón
một công chuyện làm ăn, một căn nhà cũ cần tân trang,
một bữa ăn trưa ở Hồ Tây. Như bà nội đã nói,
"khi chả có trái bom nào rớt xuống
thì làm ngo chùt đỉnh với "phủ phẩm" cũng tốt thôi".
Các thiếu nữ Hà Nội thật đĩnh dắn, học hành và lao động
tiến tới tốt đỉnh nếu đó là nơi cuộc đời dẫn tới.
Và bằng phép mầu, xe gắn máy và váy ngắn
họ đã khiến thành phố trở nên thực sự mạnh mẽ.

DIỄM CHÂU
(Lược dịch từ Best Australian Poems 2004)



TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

NGÀY CUỐI CÙNG Ở BUDAPEST

Truyện ngắn dự thi của NGUYỄN LAM THỦY

RA viện, bạn chở Long về nhà. Nhẹ nhàng đặt túi lên chiếc giường thân yêu sau hai tháng vắng Long. Long lặng người thấp nhen nhang lên chiếc bàn nhỏ có ảnh Bố. Những nén nhang vẫn cháy chưa tàn, nước mắt Long lại tuôn trào. Bạn Long thấy vậy đánh rủ Long đi thăm Budapest lần cuối cùng.

Qua quảng trường Những người Anh hùng, Nhà Quốc hội, Thành Những người đánh cá, đảo Margit, núi Gellért... nơi nào cũng sạch đẹp, tráng lệ, đủ các màu hoa rực rỡ. Khách du lịch nườm nượp đi lại.

Có lẽ Budapest là thành phố đẹp nhất của xứ Đông Âu. Người ta vẫn ví nó là Paris thứ hai. Giữa lòng thành phố có sông Đanuyt trong xanh chảy từ Bắc xuống Nam chia thành phố làm hai phần. Bên tả ngạn là thành phố Pest bằng phẳng với bao nhiêu nhà kiểu cổ, đa dạng về hình thức và kiến trúc. Bên hữu ngạn là thành phố Buda, núi đồi nối tiếp nhau, thấp thoáng những biệt thự sang trọng đầy tiện nghi.

Nhà thờ Matyas cao vút nằm cạnh khách sạn Hilton cùng với Thành Những người đánh cá sừng sững in bóng xuống dòng sông Đanuyt chứng kiến bao nhiêu thăng trầm của lịch sử Hung. Buda và Pest được nối liền bởi 9 chiếc cầu, cầu nào cũng đẹp và có kiến trúc độc đáo riêng biệt. Dưới lòng sông không biết bao nhiêu tàu du lịch, nhiều tàu dài cả trăm mét đầy đủ tiện nghi cho du khách đi hàng tháng dọc con sông mấy ngàn cây số...

Đã 7 năm sang Hung, lần đầu tiên Long mới cảm nhận cái đẹp tuyệt vời của Budapest, nhưng anh sắp phải xa rồi và mãi mãi không bao giờ trở lại.

Sau cùng, Long nhớ bạn đưa đến bờ sông Đanuyt phía dưới hạ nguồn ở Budapest. Năm nay mùa thu đến sớm, chưa đến độ giữa thu mà hai bên bờ sông cây cối đã chuyển sang màu vàng, thỉnh thoảng có những cây táo đại cho một màu đỏ rực. Chỉ những hàng bạch dương cao vút vẫn một màu xanh thẫm xào xạc với gió chiều hắt bóng xuống dòng sông lấp lánh. Thỉnh thoảng, những chiếc lá vàng rơi theo sông trôi về với biển Đen. Dòng sông lúc nào cũng lặng lẽ, êm đềm, những đàn hải âu cứ bay lên lượn xuống, đàn vịt trời chầm bầm tìm thức ăn, trên cao những đàn quạ đen nháo nhác từ phương bắc đi tránh rét. Những chiếc xà lan chở đầy quặng mang cờ Đức hay Thụy Sĩ chậm chạp ngược dòng lên phía Bắc.

Long nhớ đến tuổi thơ, những chiều chăn trâu, thả diều trên bãi bồi sông Hồng, những nương dâu mượt mà xanh ngát, bãi ngô xanh, trổ cờ, phấn hoa cứ bay nhe nhẹ. Nước sông Hồng cuộn đỏ phù sa... Nhìn dòng sông nước mắt Long lại tuôn trào, những tiếng nấc nghẹn trào qua cổ họng. Cái chết đang chờ Long từng ngày! Cái triết lý sống chết là một chuỗi liên hoàn theo một vòng khép kín, giống như mùa thu lá phải rơi để mùa xuân nảy lộc đâm chồi. Ai cũng sinh ra từ cát bụi rồi lại trở về với cát bụi. Vẫn biết thế, nhưng cõi lòng Long tan nát khi nghĩ và nhớ thương mẹ.

Lớn lên Long không biết mặt bố. Hàng xóm vẫn bảo Long giống bố. Long cứ mừng tượng bố theo bức ảnh mặc quân phục đặt trên bàn thờ. Khi chưa tròn một tuổi mẹ ẵm Long tiến bộ ở chân đê đầu làng. Chưa hết chiến tranh biên giới Tây Nam lại chiến tranh biên giới phía Bắc, bố mãi mãi ra đi chẳng bao giờ trở lại!

Mẹ Long cả một đời khổ khó, vất vả gian nan. Ông bà ngoại mất sớm, mấy chị em cô cút nuôi nhau. Đến tuổi đi lấy chồng, chồng cứ biến biệt đi xa và mất khi Long chưa đầy 3 tuổi. Mẹ vẫn còn trẻ nhưng ở vậy, chẳng đi bước nữa để nuôi Long khôn lớn. Năm nào cũng vậy, trước ngày giỗ bố, mẹ hái những nhành hoa huệ trắng và cam quýt trong vườn, hai mẹ con đi tàu đêm lên Lào Cai, tiếng máy sinh sịch, tiếng còi tàu xé tai cứ vang mãi trong đầu. Đến nghĩa trang còn sớm lắm, sương chưa tan, mẹ lặng lẽ chia những nhành huệ trắng, trái cây cho chồng và đồng đội của chồng, khăn vải xin các anh phù hộ cho hai mẹ con mạnh khỏe, an lành, học giỏi!

Long học khá, nhưng nhà nghèo quá, cái xe đạp mẹ cũng không mua nổi, trường cấp III ở phố huyện xa lắm. Long thương mẹ, ráng học mỗi ngày đi bộ hàng chục cây số. Những ngày giáp tết Long nghỉ học, thức dậy 1 giờ sáng cùng mẹ và bà con xóm giềng lội bì bõm nước sông Hồng lạnh giá dưới mưa phùn gió bắc đưa gạo, từng củ su hào... lên thuyền ngược sông lên Hà Nội, bán ở gầm cầu Long Biên... Bán được hàng mẹ mua cho Long quần áo mới, sách vở...

Tốt nghiệp cấp III không thi đại học, Long thương mẹ chăm chỉ làm ruộng vườn, đóng gạch sửa lại căn nhà rách nát. Có đợt xuất khẩu lao động đi Iraq, mẹ chạy chọt vay mượn 50 triệu đồng, qua bao nhiêu cửa xin cho Long đi được, mừng vô cùng. Sang đến nơi chưa đầy

một tháng, đang bập bẹ học tiếng thì Mỹ đánh Iraq, lật đổ chế độ Saddam Hussein. Cả đội đi bộ hàng tuần trên sa mạc cát, ban ngày nóng 40-50 độ, ban đêm lại xuống âm độ, vừa đói vừa khát đến Kuwait chờ Liên Hiệp Quốc mua cho vé về nước.

Về đến nhà, Long lại buồn chán lang thang không có tiền, không có công ăn việc làm mà nợ thì vẫn còn nguyên. Như cái trò đánh bạc, càng thua, càng cú. Nghe có dịch vụ đi Hung, Long lại nhờ mẹ vay tiền. Một lần nữa mẹ lại cố chạy vay, vay 100 triệu đồng lãi suất 3% tháng. May mà chuyển đi trót lọt. Sang Budapest một tháng là hết hạn visa vì tiền ít Long không xin được visa lao động, nên không xin được giấy cư trú, Long đi bán hàng hiệu giả như Adidas, Nike... ở chợ trời Bốn Con Hổ, Budapest. Cứ mỗi lần thuế vụ, hải quan, công an đến là hỗn lên tận trời xanh, vì chẳng có giấy cư trú và giấy phép bán hàng.

Có lần họ "đi cà", không kịp chạy đánh chui vào tủ bán hàng, nhờ bạn khóa tủ lại. Ngồi trong tủ như ngồi trên chảo lửa, người run bắn bật, mồ hôi ướt đầm đìa, hồi hộp nghe tiếng chân bước thỉnh thoảng, rồi đến tiếng máy cửa điện réo lên như xé tai. Khóa tủ bị cưa, toàn bộ hàng hóa hải quan tịch thu còn Long bị bắt, lại phải ngồi cả tuần trong nhà giam công an quận. Long thấy cuộc đời quá vô lý. Người dân nghèo không đủ tiền mua hàng hiệu thật, họ chấp nhận mua hàng nhái mác, họ hoàn toàn biết, họ đâu bị lừa. Thế mà nhà chức trách lại cấm! Trong khi đó bọn chủ Adidas, Nike... là những nhà tư bản kéch xù lại được pháp luật bảo vệ, người đi kiểm từng bữa ăn thì lại bị bắt. Toàn cấu hóa đúng là một chính sách thực dân không cần đội quân xâm lược! Dòng chảy lợi nhuận cứ tuôn về những siêu cường, những nước nghèo lại càng thêm bần cùng.

Cũng có lần tan chợ đi về nhà, đang đứng ở bến xe buýt, bất ngờ nghe tiếng phanh ken két, hai công an nhẩy ra khỏi xe tiến thẳng đến phía Long. Chưa kịp phản ứng, mà chạy thì cũng chẳng kịp. Họ hỏi giấy tờ cư trú, không có... đang ấp úng trả lời thì bị lôi lên xe công an luôn. Tưởng họ đưa Long về đồn, ít nhất 1 tuần bị giam ở đó! Không ngờ họ chở Long đến đoạn đường vắng, đuổi ra khỏi xe, cả hai người công an thì nhau khám từ đầu đến chân, bắt phải cởi cả giày. Có bao nhiêu tiền trong túi và một số giấy ở bít tất cũng bị lột sạch! Không hề có biên bản, không một lời giải thích. Họ thả Long ở đó, đứng vào lúc cơn mưa chiều ập đến, ướt sũng cả người. Sao mà đời đắng cay thế! Uất ức, căm giận nhưng biết kêu ai. Trên đời này ở đâu cũng có những kẻ đón mặt, khốn nạn hơn nữa là những người lẽ ra phải giữ gìn kỷ cương pháp luật lại đi trấn lột những kẻ cùng đinh! Đồng Âu đã 20 năm thay đổi thể chế chính trị nhưng người dân vẫn ngỡ ngàng, bàng hoàng và tiếc nuối.

Đã bảy năm sang Hung, nhưng Long chẳng biết nơi nào khác ngoài nhà ở và chợ. Sáng sớm ra chợ, tối về nhà. Làm sao biết về văn hóa Hung, bởi tiếng chẳng sành. Bán hàng chỉ cần cầm máy tính tiền và chỉ trở là đủ, quan trọng là biết cách đếm tiền. Long quên sao được những mùa đông gian nan, vất vả, cực khổ... có những ngày giá rét âm 25°C tuyết ngập đến đầu gối, mặc 4 quần, đi 5 đôi tất lại còn phải quần 1 lớp nylon mỏng để chống nước thấm vào, đi giày lớn hơn 2 số mới xỏ chân vào được. Phải uống rượu vodka nhẩy lò cò suốt ngày để chống lạnh. Mặt Long nhiều lần bóng rít ứa máu, thâm sì. Nhưng mỗi lần khách đến là quên tất cả, lao đi như con thiêu thân tìm hàng cho khách. Cả mùa đông như thế từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều làm việc quên cả mệt nhọc, ngay cả người Hung ngàn đời quen chịu lạnh, họ cũng không làm thế được!

Cách đây 7 tháng Long cảm thấy phần bụng bên phải cạnh mạn sườn cứ nặng nề, không đau, sờ gan không to, ăn uống vẫn tốt, da không vàng, mọi sinh hoạt bình thường. Nhưng linh cảm thấy có điều gì xấu đang đến với Long, thấy lo lo. Nhưng đi khám bệnh không có giấy tờ cư trú, không có bảo hiểm sức khỏe. Nếu đi khám mất cả trăm đô là chuyện bình thường, còn nằm viện mỗi ngày mất cả mấy trăm đô Long đâu có tiền, xoay mãi bạn thương tình cho mượn giấy cư trú và bảo hiểm. Đi thử máu mới biết Long bị viêm gan siêu vi B,



Minh họa của KHÁNH TOÀN

nhưng chức năng gan vẫn bình thường, bác sĩ bảo với Long phải đi siêu âm. Kết quả gan hơi to, lá gan bên trái có khối u 3 cm. Bác sĩ quyết định cho Long chụp MR (chụp cắt lớp cộng hưởng từ) và sinh thiết tế bào gan - kết quả Long bị ung thư tế bào gan nguyên phát trên bệnh nhân viêm gan siêu vi B.

Khi biết vậy, Long đã gào khóc thảm thiết, thương mình thì ít, thương mẹ thì nhiều. Hai khoản nợ mẹ vay cho Long đi Iraq và Hung chưa trả hết. Bảy năm chưa được về thăm mẹ, 34 tuổi đầu chưa được một lần yêu, mà năm nào mẹ cũng giục về quê lấy vợ để giúp mẹ tuổi già. Để mẹ vui, Long cứ hứa hoài. Trong cơn đau tuyệt vọng những kỷ niệm vui, buồn, hạnh phúc, đau thương, vất vả, đắng cay... lại hiện về, nhưng bây giờ đối với Long tất cả đều đẹp, bởi đây là cuộc sống! Cuộc sống thật đáng quý vô cùng! Long cầu khẩn ông trời cho Long được sống, được tồn tại trên thế gian này, được về với mẹ. Không lẽ nào ông trời lại tàn nhẫn, phủ phàng với mẹ con Long đến thế!

Cái đêm chờ mổ dài như mấy chục năm, Long trần trọc không hề chớp mắt, nhìn chai dịch truyền treo lơ lửng cứ chảy đều đều... Long thầm gọi mẹ nhiều lần. Mẹ ơi, lại một lần nữa mẹ lại phải vay tiền để tiễn con về nơi vĩnh hằng. Con sẽ không xa mẹ, nằm lại bên chân mẹ sau lũy tre làng...

Chín giờ sáng Long được đưa lên bàn mổ, thuốc mê truyền vào Long lịm đi trong giấc ngủ. Mãi 8 giờ tối Long mơ mơ màng màng thấy mình đang nằm trong phòng hồi sức cấp cứu. Cái bụng đau như dao đâm, chân tay đều bị trói vào giường, Long không còn sức để rên nữa, răng cắn lấy môi cố chịu đau, không cựa mình, Long nhớ lời bác sĩ dặn trước ca mổ qua chị phiên dịch:

- Sau khi mổ 3 ngày không cử động mạnh, cố đừng ho, đừng nấc... chỉ cần một cái nấc mạnh chỗ gan mới khâu có thể bục ra và chết ngay trong giây lát.

Bác sĩ, y tá thường xuyên ở bên cạnh Long. Máy đo nhiệt độ, điện tim, huyết áp, nhịp thở... cứ chạy đều hiện lên trên màn hình. Máu và dịch truyền cứ chảy liên tục. Thình thoảng y tá, bác sĩ bơm thuốc giảm đau, chống nôn, chống nấc và kháng sinh vào chai dịch. Cái ống xông luôn vào trong ổ bụng cứ rì từng giọt máu tươi, nó đâm vào ruột gan hơn cả dao đâm...

Mổ được 2 tuần Long ra viện. Một tháng sau lại vào viện điều trị hóa chất. Mỗi lần truyền hóa chất, cả ngày lẫn đêm cứ nôn thốc, nôn tháo, đau cả ruột gan, vàng mắt, trời đất cứ chao đảo xung quanh. Suốt cả đêm phải ngồi bệt gục đầu xuống toilet, có lúc lịm đi. Cũng sau mỗi lần truyền hóa chất được mấy ngày người lại sốt li bì, rù rụi toàn thân, bạch cầu tụt xuống dưới 1.000. Bác sĩ lại tiêm cho Long những ống thuốc nhỏ 1 ml mà đắt gần 1.500 đô-la để nâng bạch cầu. Qua 6 tuần điều trị hóa chất, Long trông như một cái xác không hồn, đầu trọc lốc không còn một sợi tóc, mắt thâm quầng sâu hoắm, đồ đần, da tái nhợt, chân tay run lẩy bẩy.

Sau mổ gần 6 tháng, bác sĩ cho Long chụp PET-CT (chụp cắt lớp có đánh dấu đồng vị phóng xạ) họ tìm ra những khối di căn nhỏ ở phổi và não. Những bác sĩ, y tá điều trị thương Long lắm. Bác sĩ trưởng khoa gọi Long vào phòng, ân cần nói:

- Bệnh của Long không thể chữa khỏi, Long nên về Việt Nam sống thêm một thời gian nữa. Nếu ở lại đây Long sẽ không còn sức để về được nữa. Vả lại giấy tờ cư trú và thẻ bảo hiểm sức khỏe không phải của Long. Lúc Long làm sao, người bạn cho Long mượn giấy tờ sẽ rất phiền toái, mà chẳng những phiền toái mà còn rất phức tạp trước pháp luật.

Long cảm động òa khóc. Không ngờ tất cả khoa đều biết chuyện Long mượn giấy tờ để vào điều trị, nhưng họ đã không ngăn ngại, đã dùng tất cả phương pháp và thuốc men đắt tiền nhất để cứu chữa cho Long. Chỉ tiếc họ bất lực trước căn bệnh hiểm nghèo của Long.

Long gọi điện nhờ bạn xin giấy thông hành của Đại sứ quán để đi qua cửa khẩu Hung và mua vé về cho Long. Mấy ngày cuối cùng ở bệnh viện, bác sĩ, y tá đã tận tâm săn sóc Long, truyền dịch, máu, thuốc bổ... để Long đủ sức bay chặng đường mười ngàn cây số.

Trước mắt Long dòng sông cứ chảy, nó lặng lẽ hững hờ như dòng sông Hồng quê Long vào độ tháng ba. Còn một đêm nữa thôi, đường về sao mà thăm thẳm thế, hun hút gió heo may, tiếng sào sạc của bờ tre, có bóng mẹ gầy đang đứng ngóng trông... Ôi cái làng nhỏ êm đềm ven sông ấy sao mà duyên nợ, nghĩa tình với Long đến thế, nơi sinh ra và nuôi Long lớn lên nay lại chờ Long, để mãi mãi ru Long giấc ngủ ngàn đời.■

NGUYỄN VIỆT CHIẾN

Ô quan chuông

Còn sót lại
một cái cổng cuối cùng
để đi về quê khứ
nối với
Thăng Long
ngàn xưa
vô ngựa thời gian
rêu mờ

Dưới vòm cổng ấy
Tổng đốc Hoàng Diệu
suốt trăm năm
vẫn đứng
ông không để bọn lính lệ
thu tiền mãi lộ của dân đen
tiếng ngựa hí
trong đêm
sương mờ

Trên cổng ô ấy
ngày Pháp đánh Hà Thành
viên Chuông cơ
cùng một trăm linh
giữ Đông Hà Môn
đã đánh đến người cuối cùng
thà chết
chứ không hàng giặc
trăm năm hương khói
dưới trăng mờ

Bên cổng ô ấy
sớm nay
tôi gặp
một dáng áo dài
em
là giọt sương mai
khoan thai
trên hàng gạch cổ

Ô quan chuông
sót lại
như
một quả chuông cũ

Em là người đến gõ
không phải
người sau cùng
sót lại
sau bụi mờ

Thơ đang bị lãng quên

Các nhà thơ đương đại
và tôi
đang bị thời gian
lãng quên
từng người một
từng ngày một
từng câu thơ một

Khi làm xiếc
trên sợi dây ngôn ngữ
chúng tôi
bất chước thiên nhiên
gieo một tiếng thở dài
vào cái cây bóng tối

Nhưng chúng tôi
lại quên lãng
rời xa tiếng thở dài
trên cái cây nhân loại
nơi số phận
của những người không may mắn
đang treo lên dây
dăm dóm lửa
cái đang tàn
và
cái sắp thành tro

Sự lãng quên vô tình hoặc cố ý
đều đập tắt tất cả
cả sự yên ổn trong tâm hồn
và mỗi câu thơ...

Mẹ - Tổ quốc

Nơi họ ngã
rừng
đã xanh trở lại

Lối qua trường
tiếng trẻ
mọc sau mưa

Những
Đốc Miếu
Cồn Tiên
mờ khói đạn

chưa ngủ yên
trong mắt mẹ bao giờ

Không có lẽ
Mẹ
chỉ là ký ức
một tượng đài
trám mặc
ở trong thơ

Khi bắt tử
Mẹ
hóa thành Tổ quốc
đất là nơi
máu thấm
đến trở cờ

Đất nhọc nhằn
những hạt giống tự do
nằm thao thức
giữa
bom mìn
cạm bẫy

Chiến tranh qua rồi
các con không trở lại
mắt mẹ buồn
đang đặc
dưới đêm sương

Những người mẹ
bao năm còn trông ngóng
nắm xương con
lưu lạc
giữa âm thầm

Những
Đường 9
Khe Sanh
còn khét lửa
mùa mưa qua
đâu chỗ các con nằm

Mẹ-Tổ quốc
chưa bao giờ yên ngủ
Mẹ-Tổ quốc
vẫn từng ngày ghi nhớ

Những người con
trong đất sẽ trở về
sẽ trở về
trong kỷ ức
rời đi...

Trăng và bài thơ đọc chậm

Người nuốt những cơn ho thật chậm
vào lúc trăng say
rời thả ra một trăng tươi màu rượu đục

Gương mặt ấy như một quán rượu vắng
nơi người ta có thể trở về thật chậm
và ra đi từ một cánh cửa khác
nhờ kỷ ức của trăng

Và anh đã gặp em
trên con đường thật chậm
trăng và những câu thơ đọc chậm
đôi mắt em mở ra một đêm mưa lớn
anh chẳng thể nào tìm được ánh trăng xưa
thành phố cũ ngủ quên trong lá

Anh đặt cong lá dêm lên môi
thổi một điệu ca rỗng buồn thật chậm
mong đánh thức mấy que diêm vừa cháy
đêm mai chúng sẽ mọc thành trăng...



ĐẶT tên tiểu thuyết là “Cánh đồng lưu lạc” vừa mang ý nghĩa biểu trưng vừa có tính khái quát cao, nhà văn Hoàng Đình Quang đã mở ra một không gian nghệ thuật đặc sắc: nông thôn với hiện thực bất ổn, xê dịch, với những kiếp người phiêu dạt và khát vọng nhân sinh.

Cánh đồng lưu lạc “theo nhiều người già kể lại có lẽ nó được khai phá bởi những người dân lưu lạc từ xứ kéo đến đây” (trang 12). Lời giải thích lịch sử cánh đồng đã dự báo những cuộc hành trình nối tiếp nhau đi tìm bản thể. Nền văn minh nông nghiệp Việt Nam tự bao đời vốn ở trạng thái tĩnh, ao tù nước đọng, cây đa bến nước sân đình... Nhưng trong thực tế từ xa xưa cho đến bây giờ người nông dân vẫn làm những cuộc di cư tìm miếng đất mới, tìm đường thoát

theo sự ép duyên của cha, mà đem lòng yêu và lấy thấy Hoan. Là nạn nhân của hủ tục “cha mẹ đặt đầu con ngồi đấy”, bố con Nga phải lưu lạc đến ở đậu làng Sơn Cốt, chạy trốn một quá khứ “thấm đẫm máu và nước mắt” để rồi Nga sẽ lại tiếp nối cuộc lưu lạc từ trong “tiền kiếp”. Nga học trung cấp Sư phạm, trở thành cô giáo trường làng. Nga lấy Kỳ. Kỳ đi bộ đội. Nga phải nghỉ dạy về phụng dưỡng bố mẹ chồng.

Nông thôn vốn là môi trường điển hình bảo lưu tư tưởng phụ hệ, trọng nam khinh nữ. Ông Tuấn, bố chồng Nga, chỉ có người con trai duy nhất là Kỳ; chưa kịp có con thì Kỳ đã hy sinh; vợ ông Tuấn đau ốm liệt giường. Mẹ muôi, quay cuồng trong nỗi đau tuyệt tự, không người nối dõi tông đường, ông Tuấn đã phạm tội loạn luân với con dâu. Nga cự tuyệt. Nhưng rồi phận đàn bà mỏng manh và lòng thương hại đã xui khiến Nga: “*nắm lấy bàn tay ông Tuấn, kéo sát, ghi chặt vào ngực, giọng lạnh băng: Đây! Làm gì thì làm*”. Nga sinh ra thằng Hận, giọt máu của bố chồng. Bị mẹ chồng, các cô em chồng nguyên rủa là “gà

ông... Con là Trần Tuấn Tuấn. Con đã làm một điều vô luân, vô đạo. Xin thấy tha lỗi cho con được nhờ...” (trang 177), rồi ông đứng trơ ra đón nhận cơn giận dữ của thấy Hoan như ông đã tiên liệu. Tính cách nhân vật ông Tuấn được phát triển về hướng thiện, khi ông quyết định rời làng Sơn Cốt lang thang khắp nơi, khổ sở như một gã ăn mày đi tìm mẹ con Nga, tự dày vò bằng những cuộc độc thoại nội tâm không dứt. Thông qua nhân vật ông Tuấn, nhà văn đã lý giải sâu sắc một trong những bi kịch tinh thần truyền kiếp của người nông dân.

Nhân vật Tĩnh xuất hiện ở gần cuối tác phẩm nhưng lại là điểm nhấn rất quan trọng trong hệ thống nhân vật. Nhà văn để cho tính cách của Tĩnh được bộc lộ trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, đầy thử thách, nhằm tô đậm vẻ đẹp của một nhân cách giữa đời thường. Là bộ đội xuất ngũ, Tĩnh theo nghề đi rừng. Trong đoàn san tràng Tĩnh nổi bật như một “chiến binh sông nước”. Anh được ông trưởng tràng tin cậy giao cho cây sào bốt điều khiển con máng bắt kham vượt qua thác hiểm. Bởi “ai

luôn nâng niu, trân trọng khi viết về Nga: “Mái tóc đen, dài... tỏa mùi hương dịu ngọt rất lạ lùng... - Chị em mình mãi mãi bên nhau nhé” (Trang 34). Hoàng nhận biết nỗi đam mê vô thức và thốt lời: “*Chị ơi! Sao người ta không thể làm chủ số phận của mình được nhỉ?*”. Đó cũng là câu hỏi muôn thuở của kiếp người.

Tuổi thơ “đi theo đít con trâu”, gánh phân đè nặng trên vai, Hoàng mơ ước được học trung cấp Sư phạm, trở thành giáo viên như chị Nga. Dù trí thức xã bấy giờ “cày ruộng, gieo mạ, phát bờ còn tinh thông hơn cả *cầm phấn viết bảng*”, Nga vẫn hiện thân như một “*biểu tượng*” văn hóa, một điểm sáng của hồn quê. Vì thế, thực chất tình yêu của cậu bé Hoàng đối với Nga là sự “phải lòng” cái đẹp. Hoàng học Sư phạm rồi Hoàng ra trận, mang theo mỗi tình đơn phương đầu đời như một nỗi ám ảnh về cái đẹp. Chiến tranh kết thúc Hoàng mãi miết tìm Nga, nhưng thất vọng trên họ vẫn rẽ về hai nẻo. Phải 27 năm sau họ mới gặp nhau tại Sài Gòn, khi số phận mỗi người đã an bài. Hoàng đã giúp Nga tìm được mộ chồng. Sau lời khấn của Hoàng

LƯU LẠC TRÊN CÁNH ĐỒNG SỐ PHẬN

(Đọc tiểu thuyết *Cánh đồng lưu lạc*, của Nhà văn Hoàng Đình Quang, Nxb Hội Nhà văn 2005, Giải thưởng cuộc thi tiểu thuyết Hội Nhà văn Việt Nam 2005)

LÊ KHÁNH MAI

cánh đời nghèo, u mê, trì trệ, tìm câu trả lời cho số phận, mà thôi thúc từ trong sâu thẳm là khát vọng sống, khát vọng làm người.

Nhân vật Hoan, thấy giáo làng xuất thân nông dân đã chỉ ra căn nguyên sâu xa của cánh đời lưu lạc: “*Làm ruộng... một thứ lao động truyền đời, bán lưng cho trời, bán mặt cho đất. Không. Tôi không nói đến cái gian khổ... tôi nói đến sự tù túng, quần bách của thói nhà nông*” (trang 25) – không phải nỗi khổ thể chất mà chính nỗi đau tinh thần đã dồn đuổi con người quảng quật, xô đẩy trong dòng đời biến động, bất trắc, vô tận.

Hoàng Đình Quang viết về làng Sơn Cốt, quê hương ông, một vùng quê đặc trưng nông thôn Bắc bộ, như nhà văn nhìn nhận là có đủ hạng người: gã ngốc, kẻ ăn mày, người anh hùng, ông đồ, giáo sư trong bối cảnh giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh chống Mỹ, đời sống thời “*cơ chế quan liêu bao cấp*”.

Cũng như nhiều tiểu thuyết gần đây viết về nông thôn, “Cánh đồng lưu lạc” đề cập đến cái đói, miếng ăn, sự lạc hậu, tối tăm, tha hóa; ám ảnh bởi những ngôi nhà “*vách đất, mưa gió bão đến trơ mồn*”; những năm đói kém cả làng thềm thít mỡ, người nhà quê thường giễu là “*tí mui*”; những cậu bé tuổi ăn, tuổi lớn ra đồng với ba củ khoai, đôi quả nằm dưới gốc sim mà khóc. Sự thiếu thốn, khan hiếm hàng tiêu dùng, chế độ phân phối khiến người ta ao ước, nâng niu từng đôi pin, cân đường...

Đó là khung cảnh hiện thực vừa ám đạm vừa hài hước, nhưng Hoàng Đình Quang không sa đà trong đó. Cảm hứng sáng tạo của Hoàng Đình Quang hướng đến một “*chiều kích*” khác, với một lối đi riêng rất âm thầm rạo rết là khám phá thế giới tinh thần của những con người có gốc gác nông dân qua bi kịch thân phận của họ.

Hơn ba mươi nhân vật được nhà văn dựng lên trong mối quan hệ gắn kết, có đời sống riêng sâu sắc, vận động trong không gian - thời gian nghệ thuật khá tiêu biểu. Ngoài cuộc lưu lạc khởi thủy vùng đất, cuốn tiểu thuyết tập trung mô tả những cuộc lưu lạc của bốn nhân vật với những dằn vặt tinh thần, cũng không hiếm những khoảnh khắc bay bổng, lãng mạn.

Nga, nhân vật chính, con thấy giáo Hoan, vừa lọt lòng đã mồ côi mẹ, gánh chịu một định mệnh nghiệt ngã. Mẹ Nga bị chính cha mình giết chết vì đã không nghe

cổ”, “quần ngựa nghề”, “đổ đĩ rạc”, gia đình không còn là nơi trú ngụ, làng Sơn Cốt cũng không dung tha, Nga phải ra đi, chạy trốn quá khứ nhục nhã ề chế, mong đổi đời cho thằng Hận, và “*nung nấu ý chí bằng qua, vượt lên chính cuộc đời mình*”.

Có những lúc tưởng hai mẹ con Nga sẽ bị cuốn vào vòng xoáy vô tâm tích, nhưng bản ngã tốt đẹp trong Nga đã cứu vớt, đưa dẫn chị nương tựa vào lòng tốt của người đời. Ông Thuận cùng đoàn san tràng và chiếc máng đã đưa mẹ con Nga rời Soi Vạt, một bãi đất bồi bên bờ sông hoang vắng, đi đến nơi mà Nga chưa hề định trước. Ông Thức, cửa hàng trưởng cửa hàng ăn uống thời bao cấp, với tình thương trong sáng đã cứu mang mẹ con Nga trong lúc bơ vơ, gạt bỏ chuyện lý lịch, hộ khẩu, nhận chị vào việc nắm than quả bàng và cho ở tại cửa hàng. Cuộc sống của Nga tạm yên ổn, có miếng ăn, có mái nhà che mưa nắng, nhưng tâm hồn giằng xé, thương cha già cô đơn, hiu hắt nơi quê nhà, hận ông lão Tuấn đã “*giết chết tuổi thanh xuân*” của mình. Niềm hy vọng duy nhất là đứa con cũng biến thành nỗi đắng cay khi Nga nhận thấy thằng Hận ngớ ngẩn, mắc chứng tâm thần sau lần chết đuối hụt. Đó là một đòn giáng mạnh vào số phận, đến nỗi Nga tin rằng “*trời xanh đã nổi giận chuyện loạn luân giữa bố chồng và nàng dâu*”.

Ba nhân vật khác xoay quanh và có vai trò thúc đẩy sự vận động, phát triển hình tượng nhân vật Nga là ông Tuấn, Tĩnh, và Tôi (người kể chuyện). Cả ba nhân vật này đi tìm Nga, vì những lý do và mục đích riêng nhưng cùng bị thôi thúc bởi lương tâm, tình yêu và tình người.

Ông Tuấn là mẫu nhân vật của mối quan hệ nghịch cảnh bố chồng - nàng dâu thường thấy trong tác phẩm văn học viết về chiến tranh. Hoàng Đình Quang đã đưa ra cách giải quyết hợp tình hợp lý, bất ngờ, độc đáo, đạt hiệu quả thẩm mỹ: từ chỗ là nhân vật thuộc tuyến “*phản diện*”, ông Tuấn trở thành nhân vật “*trung tính*” có thể thông cảm và tha thứ, vì suy cho cùng đó là hệ lụy chiến tranh. Qua cái cách ông Tuấn tạ tội với thấy Hoan, bố của Nga, đủ biết ông đã đấu tranh nội tâm dữ dội, đã thành thật sám hối và dũng cảm nhận trách nhiệm. Ông đáng lẽ lên bàn thờ nhà thấy Hoan thấp hươu khăn vải, rồi chấp tay cung kính trước thấy Hoan: “*Thưa ông... xin ông ngồi lên cho con... vâng, cho con xin lạy*



được giao cầm cây sào bốt phải là người can trường và có sức lực... là người đứng mũi, chịu sào”. Hành động của Tĩnh đầy nghĩa hiệp khi anh quên mình nhảy xuống dòng sông hung dữ cứu thằng Hận khỏi chết đuối. Đó là những phẩm chất trội mang đặc tính đàn ông làm nên sức hấp dẫn của nhân vật. Tĩnh có tâm hồn nhân ái, giàu linh cảm. Anh nhận ra vẻ đẹp của Nga phía sau cái bề ngoài lam lũ. Anh đã giúp mẹ con Nga lên tàu đi Phú Thọ, đã nảy nở một tình yêu thầm lặng để rồi tìm kiếm chị suốt hàng chục năm trời; kiên tâm và đạt đến tình yêu đích thực sau những đổ vỡ, trải nghiệm về hạnh phúc.

Nhân vật Tôi (còn có tên là Hoàng) xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm có vai trò như nhân vật chính thứ hai, song song với nhân vật Nga. Mỗi tình chị em của Hoàng đối với Nga bền bỉ, thiêng liêng, sâu nặng theo năm tháng. Hoàng hướng về Nga như hướng về thần tượng. Mỗi tình dị biệt này mang chứa ẩn ức tuổi thơ và khát vọng vượt thoát khỏi lũy tre làng, vươn tới một thế giới tinh thần cao quý. Đây chính là “*hồn cốt*” của cuốn tiểu thuyết, là điểm tựa cho nhà văn thăng hoa, say đắm trong ý tưởng nghệ thuật làm nên sức chinh phục mạnh mẽ người đọc. Ngòi bút của nhà văn

trước mộ Kỳ, dấu kỳ diệu đã đến, thằng Hận bỗng nhiên cười ha ha. Tiếng cười báo hiệu sự lột xác, nó thoát khỏi hình hài ngớ ngẩn tâm thần, trở thành người đàn ông thực sự. Chi tiết này cùng với sự vẹn tròn của số phận các nhân vật làm nên kết thúc có hậu của tiểu thuyết.

Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của Hoàng Đình Quang, kể cả những nhân vật chỉ xuất hiện thoáng qua hoặc không có sự phát triển tính cách (nhân vật tự biến mất) đều là những con người hướng thiện, tốt đẹp, thành thiện, hoặc có những khoảnh khắc đẹp. Điều này bộc lộ cảm quan nghệ thuật của nhà văn là tập trung khai thác phần nhân bản ở con người.

Ngay trang đầu tiểu thuyết, Hoàng Đình Quang viết: “*Làng Sơn Cốt là của tôi, nơi ông tôi đến đây cư ngụ, lần lượt cha tôi, rồi tôi cũng được sinh ra*”. Đây là chỉ dẫn về chủ thể sáng tạo – nhà văn, mang huyết thống nông dân, con đẻ của ruộng đồng viết về chính cái làng của mình, về số phận những con người mình từng chứng kiến. Điều này là cơ sở để người tiếp nhận tin cậy vào văn bản nghệ thuật. Nhưng quyền năng tự sự của chủ thể sáng tạo càng được gia tăng hơn nữa khi nhà văn đồng thời là nhân vật “*Tôi*” tham gia suốt quá trình triển khai tác phẩm. Không chỉ đóng vai trò nhân chứng, nhân vật “*Tôi*” xác lập mối quan hệ mật thiết giữa người kể chuyện với các nhân vật. Từ điểm nhìn bên trong, nhà văn thâm nhập vào thế giới nội tâm, khám phá, giải mã những tầng sâu tinh tế và uẩn khúc của tâm hồn cợn người.

Với phương thức trần thuật ở ngôi thứ nhất, dấu ấn cá nhân nhà văn in đậm vào tác phẩm một cách chân thực và cảm động. Hồi ức là màu chủ đạo của giọng trần thuật trong tiểu thuyết. Lối kể chuyện đan xen quá khứ hiện tại một cách linh hoạt, phá vỡ trật tự thời gian tuyến tính, giọng văn khi nhấn nhá, khi dồn nén, tuôn trào gây bất ngờ, tạo được nhiều cung bậc cảm xúc cho người đọc.

Có thể nói Hoàng Đình Quang đã viết “Cánh đồng lưu lạc” bằng tất cả sự trải nghiệm và tình yêu sâu nặng với làng quê. Cuộc lưu lạc trở về với kỷ ức, tìm kiếm, chưng cất cái đẹp là một cuộc thanh lọc tâm hồn; khẳng định cái đẹp luôn chi phối và chiếm lĩnh con người. Đó là bản chất của chủ nghĩa nhân văn. ■

Nha Trang, tháng 03 năm 2011



NHỮNG CÂU THƠ THẮP SÁNG ĐỦ MẶT NGƯỜI

(Độc hai tập thơ *Nghe gió về cây cửa* và *Dưới vòm hương tình khiết* của Đàm Khánh Phương, Nxb. Hội Nhà văn, 2011)

VĂN GIÁ

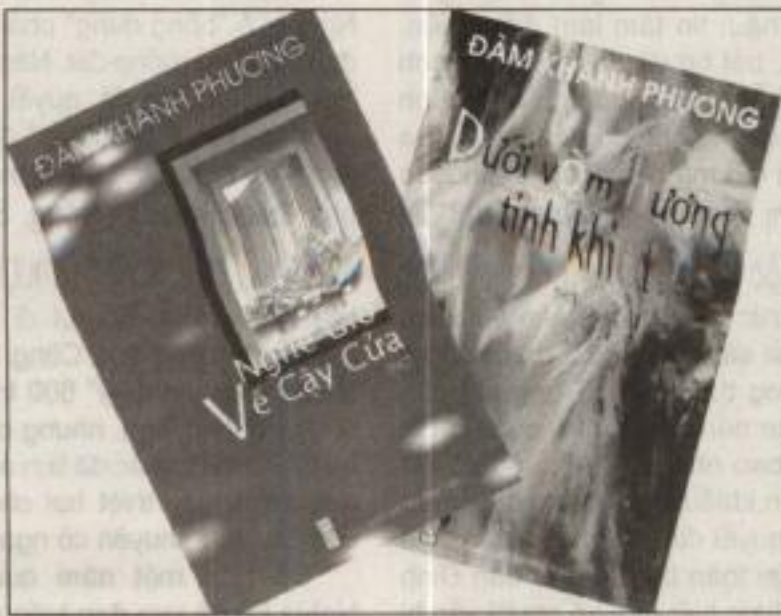
Đàm Khánh Phương cho rằng anh mang nợ cõi nhân gian này nhiều lắm. Vâng, anh nợ với trời đất, với con người, với chốn quê, với bạn bè, với những loài hoa – thực ra là với những người đàn bà đi qua đời anh... Đi suốt mấy tập thơ, Đàm Khánh Phương cứ vẩn vơ vì một nỗi tình đời tình người ân nghĩa ấy.

CẢM TẠ CUỘC ĐỜI

Trong suốt mấy chục năm cầm bút, Đàm Khánh Phương được dịp đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều. Mỗi một nơi anh sống, mỗi một người anh hạnh ngộ là anh mỗi bận lòng.

Trong đời thực, anh là người có cái thù giao du, vui bạn vui bè bất tận. Chỉ nội việc có được bạn bè – anh đã cảm thấy như một niềm ân hưởng. Ấi chơi với anh, vẫn nghe anh thường nói, anh nhiều khi túng bấn cả bạn bè. Nói là nói vậy, chứ anh đâu có thế, ngược lại, anh là kẻ phong lưu giấu có bạn bè. Nào là bạn văn một thuở, nào là bạn đồng hương, bạn lính tráng, bạn đồ đầy giàng mắc ở những miền quê khác... Anh có những vần thơ viết về các bạn văn thật hay: *Có một chiều Ninh Hiệp/ Cất vào làm của riêng / Gửi bạn bè trong ấy/ Tiêu chung Nguyễn Vũ Tiềm (Có một chiều Ninh Hiệp); Quên sao được làm sao mà quên được/ Hà Nội thời "gác xếp" của chúng tôi/ Điểm lại lứa bạn bè non thất thập/ Những câu thơ thấp sáng đủ mặt người (Hà Nội thời "gác xếp" của chúng tôi). Nói về nỗi nhớ bạn bè, theo cách của Đàm Khánh Phương cũng là một lối nói thật lạ, độc đáo: Từ những ngày xa trong ấy/ Chiêm bao ta bạn lên vào (Gửi chàng trai Hàng Bạc)... Có lần, trong cuộc gặp mặt bạn đồng hương, cùng với tiệc tùng và chúc tụng, nhà thơ đã nghe thấy rất sâu từ đâu đó, trong mơ hồ văng lại âm vọng quê hương: *Dẫu thi thoảng còn vọng vào đáng buổi/ Tiếng em bé đánh giấy quánh- đặc-giọng- làng- ta (Đồng hương 2)*. Cả bài thơ diễn tả một niềm vui nào nhiệt, cổ phần ồn ào đứng như bữa tiệc đám đông vẩn vơ. Bỗng nhiên, câu thơ kết làm cho bài thơ đậm xuống, trĩu nặng nồng nỗi quê hương, hốn vĩa quê hương.*

Thơ anh hay quy về những ân tình. Có một bài thơ thật nhẹ nhõm, trong sáng, rất đời đời thường, ánh lên vẻ đẹp tình người bình dị mà đẹp đẽ: *Những bà mẹ chợ Đống Xuân mừng con vào Đại học*. Nghe tin con của bạn hàng đỗ vào Đại học, thế là mấy bạn hàng rủ nhau làm tiệc tại



giữa chợ, nhân tiện bữa trưa, chẳng lương cao mỹ vị gì, mà chỉ với bún đậu, nem chua, nước ngọt. Thế cũng đủ vui, mừng cho con bạn thành đạt. Niềm vui của người lớn dành cho con trẻ, và dành cả cho nhau.

Tôi muốn nói đến một vệt thơ của Đàm Khánh Phương viết về những người thân trong gia đình, cho vợ cho con. Chạm vào gia đình là chạm vào chốn thiêng liêng. Được biết gia cảnh của nhà thơ cũng lắm nỗi truân chuyên, không phải lúc nào cũng như mong đợi. Nhưng cho dù thế nào, nhà thơ vẫn nâng niu, trân trọng. Những bài thơ *Nhà tôi, Con xin mẹ hãy, Viết cho em đêm trừ tịch thật ấm áp, nhiều thương cảm*. Tôi đặc biệt ấn tượng bài *Có một chiều như thế*. Bài thơ kể về đứa con của mình chiều nào tan học cũng khoe bố đủ thứ với bao niềm ngây thơ trong trắng, *Nhưng có buổi chiều nay/ Có buổi chiều nay tôi không thể giấu mình đã khô/ Khi con tôi rung ngân lệ về nhà/ Có con bảo: mai đến sớm cô cho con đi cắt tóc/ Ngược bàn thờ, nhìn ảnh vợ...xót xa*.

CẢM TẠ TRƯỚC HOA

Đàm Khánh Phương có một bài thơ mang tên *Ta nghĩa trước hoa*, trong đó anh liệt kê rất nhiều thứ hoa anh từng gặp, từng biết. Nhưng hóa ra anh muốn dùng hình ảnh hoa với cái nghĩa trừu tượng (loài hoa, kiếp hoa) để chỉ những bóng hình phụ nữ. Đó là những bông hoa ẩn giấu những

bóng người, thậm chí những kiếp người. Cùng là huệ, nhưng trong thơ Đàm Khánh Phương mang hai dáng vẻ khác nhau: huệ chính là người mình đang yêu với vẻ đẹp thanh xuân, rực rỡ (Thức cùng huệ trắng), (Ghép những dòng tin nhắn); và huệ còn là người vợ đã khuất xa: Em thành huệ- anh thương màu trắng lạnh (Viết cho em đêm trừ tịch). *Có đôi lúc là cảm xúc ân nghĩa* (Tạ từ những bông hoa Hà Nội), còn phần lớn là cảm xúc yêu đương. ... Câu thơ *Xin trừ lại dưới vòm hương tình khiết* (Khất) không phải ngẫu nhiên được chọn làm tựa cho tập thơ, nó là tiếng nói tự nhủ lòng, tự ru vỗ chính mình, tự thức nhận về giá trị của tình yêu.

Đàm Khánh Phương còn sáng tạo một hình ảnh thật khác người: *nọc hoa*. Bão là hoa có gai, có hương dị hương độc thì đã nhiều người nói. Nhưng hoa có nọc thì chỉ thấy mỗi Đàm Khánh Phương: nói lên nỗi thất vọng của người đem lòng yêu đặt nhầm chỗ...

"Không bao giờ thơ chịu nước bán rao"

Trên một trăm bài thơ của Đàm Khánh Phương không phải lúc nào cũng giữ được phong độ liên tục, đều tay. Tất nhiên, ai cũng vậy. Như một người đứng trước câu hỏi thật không dễ trả lời nhưng vẫn phải trả lời: Nếu chỉ được chọn 10, hoặc 5, hoặc 3 tác phẩm đỉnh cao của nhà thơ ấy thì đó là những bài nào?

Tôi rất thích những câu thơ như thế này: *Cái ngọn lửa bập bùng trong đêm tối /Lại chấp chờn như dưới mắt rừng rừng* (Tự khúc); hay: *Em đã đặt vào lòng tay tôi héo úa/ Những ngón im như chuyển nhựa sang cành* (Khất); hay đây nữa: *Nhưng lòng anh vẫn sớm tối đi về/ Theo gió vào cây cửa (Mùa thu tím)...*

Liệu tôi có nên làm cái công việc đại dốt đi tìm 5 bài thơ được xem là hay nhất của Đàm Khánh Phương không nhỉ? Thôi thì cũng cứ xin thử một lần xem: *Nhà tôi, Con xin mẹ hãy, Có một chiều Ninh Hiệp, Những bà mẹ chợ Đống Xuân mừng con vào Đại học, Chạm sát vách bảy mươi*. Quả thật, vẫn thấy còn tiếc rằng lẽ ra danh sách phải được nối dài thêm nữa... Tại sao lại không phải là *Khất, Có một chiều như thế, Những câu thơ bán lẻ, Đồng hương 2, Hà Nội thời gác xếp của chúng tôi...?!*

Nhìn vào bảng danh sách đứng lại con số 5 kia, nhận ra một điều thật thú vị: 2/5 thuộc về thơ lục bát: *Nhà tôi* viết 1983, *Con xin mẹ hãy viết năm 1998*. Có nghĩa là đã lâu thi sĩ họ Đàm không làm thơ sáu tám. Hai bài thơ này như một giọng trầm đáng quý suốt hai tập thơ của anh.

Đàm Khánh Phương nhìn lại quãng đời đã qua của mình, có lúc anh tự thấy đời mình Hóa chỉ còn là những chuyển tiêu hoang. Ấu cũng chỉ là cách nói. Trên thực tế, anh cũng được "lãi" nhiều lắm. Có lẽ món lãi lớn nhất là thơ – những câu thơ mang tư thế *Không bao giờ thơ chịu nước bán rao*.

Với niềm ân nghĩa mặn mòi , với trái tim nồng nàn tình yêu, tin rằng nhà thơ "chạm sát vách 70" Đàm Khánh Phương vẫn đem đến cho đời sống này Những câu thơ thấp sáng đủ mặt người trong dáng vóc đẹp đẽ thanh tân.■

THƯ NGỎ GỬI BẢO NINH VÀ LARRY HEINEMANN

(Nhân đọc *Chuyện của Paco* - Tiểu thuyết của Larry Heinemann, Nxb Phụ nữ, 2011)

NGUYỄN KHẮC PHÊ

TÔI vừa có dịp "gặp" lại các bạn trong tiểu thuyết "Chuyện của Paco" (CCPC). Gọi là "gặp lại" vì tôi đã có lần gặp Larry Heinemann ở Huế. Hồi đó, trong chuyến đi dọc đất nước Việt Nam, ông đã ghé lại Huế nhiều ngày để "mong muốn hiểu thêm và kỹ hơn về văn hoá và văn học dân gian của các vùng" (như Bảo Ninh đã viết trong "Lời tựa" CCPC) với sự giúp đỡ của nhà thơ Võ Quê cùng nhiều cán bộ văn hoá-văn nghệ ở Huế. Ông đã tặng tôi cuốn *Paco's Story* (bản tiếng Anh "Chuyện của Paco"), có lẽ do được giới thiệu tôi là người viết tiểu thuyết...

Một điều cũng nên thú thật là thoát nghe ông nói qua về tác phẩm, tôi cứ nghĩ CCPC viết về trận chiến bi thảm của lính Mỹ ở "Đồi Thịt Băm" trên A Lưới và nhân vật chính là một người... dân tộc Pa Cồ! Cho đến hôm nay, đọc bản dịch *Paco's Story* của Phạm Anh Tuấn, tôi mới biết mình nhầm vì một cách nghĩ có thể gọi là... ấu trĩ về văn chương. Tác giả không "bám" thực tế một cách quá máy móc và thật thà - Paco và các nhân vật khác cũng như cứ điểm Harriette trong tiểu thuyết đều là hư cấu - nên ngòi bút không bị trói buộc và tác phẩm có sức khái quát cao.

Bảo Ninh, qua "Lời tựa" cuốn tiểu thuyết

- một "Lời tựa" dài hiếm thấy (8 trang), nhưng chỉ có mấy dòng giới thiệu tác phẩm: "... *Thiết nghĩ, chỉ trong những tác phẩm văn học đích thực ấy (như "CCPC", theo ý Bảo Ninh - NKP chú giải) mới hiện lên đích thực bi kịch Mỹ trong và sau chiến tranh Việt Nam, và mới thực sự cho ta thấy cuộc đời cùng số phận của những người Mỹ lính tráng, nông dân, thợ thuyền, tiểu thị dân... bị chiến tranh đầy đoạ và giày vò như thế nào...*"; còn nữa, anh dành để tâm sự, giải bày nỗi băn khoăn gần như là ân hận vì "không được đọc và không đọc được rất nhiều tác phẩm văn học muốn đọc và cần phải đọc...biết quá ít về nước Mỹ, người Mỹ, hoặc biết theo cái lối rất cũ kỹ, phiến diện và ấu trĩ một thời...Tôi tự hỏi mình biết gì về văn học thế giới một khi không biết gì đáng kể về văn học Mỹ... Mà không hiểu văn học Mỹ, thì làm sao có thể viết được cho hay, chỉ ít là có sức thuyết phục, về cuộc chiến tranh ấy..."

Tôi hoàn toàn chia sẻ những điều Bảo Ninh giải bày. Thú thật là tôi chưa đọc một trang sách nào miêu tả "cận cảnh" những người lính Mỹ trong chiến tranh Việt Nam một cách trần trụi và cả thô tục nữa như CCPC, như những cảnh lính Mỹ "xử" một "người Việt" bị bắt, hay cảnh vụ hiếp dâm

tập thể một du kích mà Paco nhớ lại khi đã trở về Mỹ và sắp phải chạy trốn khỏi một quán ăn mà khó khăn lắm anh mới xin được việc rửa bát ở đây, vì không muốn lộ "tung tích" của mình.

Larry Heinemann miêu tả với những từ ngữ "lính tráng" tục tằn đến nỗi tôi không thể trích dẫn. Bảo Ninh thì gọi đây là những trang sách "gai góc và gây sốc" và tại hội thảo về cuốn *Paco's Story* tại Boston, anh đã chứng kiến công chúng Mỹ có những phản ứng "gần như đối chọi: cười khóc, tán thưởng, giận dữ, vỗ tay và la ó." Theo dịch giả Phạm Anh Tuấn, một giáo sư sử học tại Đại học Wiconsin đã nói với tác giả *Paco's Story* rằng :*"nếu ông ta gặp những người lính như Larry Heinemann, ông ta sẽ nhõ nước miếng vào mặt họ."*

Theo dịch giả Phạm Anh Tuấn, tác giả này từng là lính của sư đoàn bộ binh 25 đóng tại Củ Chi và Dầu Tiếng những năm 1967-1968 và em trai ông - có nhiều nét rất giống nhân vật Paco - cũng sang Việt Nam thời gian đó; chỉ khác, anh ta trở về Mỹ và đã tự tử! Có lần ông nói: *"Không ai hiểu được sự tàn bạo của chiến tranh bằng những người lính bộ binh bình thường"* và ông *"muốn viết một câu chuyện trung thực để hất tất cả cái thứ bẩn thỉu đó vào mặt*

những kẻ đã gây những thứ bẩn thỉu đó."

Paco's Story đã được trao giải thưởng Sách Quốc gia dành cho thể loại hư cấu ở Mỹ năm 1986, một giải thưởng lớn khiến "mọi người sững sờ bởi vì họ đều đinh ninh người được trao giải sẽ là Toni Morrison - người 5 năm sau đó đã được trao Nobel Văn học". Và nhiều báo chí đã khen ngợi hết lời *Paco's Story*: *"Có sức gợi ghê gớm...ngôn ngữ như đi từ ruột gan và hấp dẫn khôn cưỡng ..."* (The Boston Herald) *"...Một cuốn tiểu thuyết dữ dội, cay đắng, nó khoét một lối đi vào trong tâm trí và khước từ đi ra khỏi đó."* (The Chattanooga Times)...

Tôi bỗng nhớ tiểu thuyết "Nỗi buồn chiến tranh" của Bảo Ninh một thời đã bị không ít người lên án, có lẽ chẳng khác chi CCPC bị "la ó" ở Mỹ. Sự thật trần trụi của chiến tranh là món cay đắng không dễ "nuốt" đối với mọi người.

Nếu tôi nhớ không nhầm - một dạo có tờ báo loan tin tác giả của "Nỗi buồn chiến tranh" sắp công bố tiểu thuyết mới, nhưng đến nay anh vẫn bỏ trong "ngăn kéo"? Không phải ngẫu nhiên mà Bảo Ninh lại nhận viết "Lời tựa" cho CCPC. Một sự "hội tụ" cũng có ý nghĩa và nhờ thế, tôi có dịp được "gặp" cả hai nhà văn nổi tiếng trong cùng một cuốn sách.■

LÊ PHẢI CỦA ĐẤT

HON bao giờ hết “tắc đất tắc vàng” không chỉ là cách nói ví von mà ở nhiều nơi đã là nghĩa đen, là vàng thực. Tìm hiểu các “điểm nóng”, cứ xem mỗi quan hệ của quan chức nhà nước với doanh nghiệp, nhất là ở khâu thu hồi đất, định giá đất, rồi thực thi các biện pháp đền bù, giải toả, giải phóng mặt bằng... thì mới hiểu vì sao nông dân mình vốn dĩ “hiền như đất” cũng không dễ bề, cam chịu. Bằng nhiều cách họ đã cưỡng lại. Theo số liệu của Thanh tra Chính phủ, tính đến hết quý 3 năm 2010 cả nước có trên 112.000 vụ việc khiếu nại tố cáo (tăng 17% so với năm 2009), trong đó hơn 7% vụ việc về đất đai. Thực hiện kiểm tra thực địa cho dân của Thủ tướng, cơ quan chức năng phát hiện khoảng 190.000 trường hợp vi phạm, với tổng diện tích 8.000 hecta đất, chủ yếu là bán đất trái Luật, giao đất, cấp đất trái thẩm quyền...

Thời còn HTX nông nghiệp, Chủ nhiệm và Ban quản trị trực tiếp quản lý ruộng đất, vai trò Chủ tịch xã phường (bao gồm cán bộ chủ chốt Đảng, chính quyền) không có mấy thực quyền đối với ruộng đất ở địa phương. Khi giải thể HTX, chia lại ruộng đất cho dân tự chủ làm ăn, thì mỗi xã, tùy điều kiện nhiều hay ít ruộng đất mà được giữ lại từ 5 đến 10% diện tích làm quỹ đất công ích. Đây là quỹ đất dự trữ mà phần nhiều là đồng cao ruộng trũng, ao hồ, gò đồng, mương máng, lưu không đường xá.... để khi dân số tăng sẽ chia cho các trường hợp tách hộ, hoặc để cho thuê, khoán thầu có kinh phí trang trải những nhu cầu hội họp, khách khứa, kiến thiết trụ sở, trường học... Nhưng cũng từ đó có nơi đã bớt xén chia thiếu đất theo định mức cho nhân khẩu để làm quỹ đen hàng mấy chục héc-ta. Đất công ích cũng là diện tích thuận lợi nhất để giao (bán) cho các doanh nghiệp đến lập dự án công nghiệp dịch vụ ở địa phương. Và quan chức địa phương có liên quan, không nhiều thì ít, đều có một khoản thu ngầm từ đất, dân gian gọi là *quan ăn đất*. (Tất nhiên không phải tất cả...)

Mới rồi đến chơi nhà anh bạn làm Trưởng thôn ở gần quê. Tôi không khỏi ngạc nhiên thấy con đường qua cánh đồng vào làng, đến các ngõ trong xóm đều mới rải bê tông, có cổng rào nghiêm chỉnh. Ông bạn khẳng định rằng, không chỉ thôn này mà hầu như *chín mươi chín phần trăm* các địa phương, nơi nào có đường xá, hội trường khang trang thì đều “từ đất dấy lên cả”. Tại đại hội Đảng bộ xã vừa qua có một đảng viên lên tiếng phê phán ông Chủ tịch xã vi phạm luật đất đai, đã cấp đất miễn dân, không được chấp thuận của cấp trên. Ông Chủ tịch xã (khoá này đã chuyển sang làm Bí thư) lên bục tự nhận đã có khuyết điểm hữu khuynh, buông lỏng quản lý, nhưng tuyên bố xanh rờn: “Mười năm làm Chủ tịch xã tôi chưa hề ký bán một mét đất nào!” Cả đại hội cười ồ!...

Chuyện cán bộ vi phạm luật mà êm trong nội bộ như xã anh bạn tôi tất nhiên không nhiều. Đối tượng là dân xã, chứ không phải là doanh nghiệp xin đất dự án đầu tư, với diện tích lớn, đụng chạm đến lợi ích của nhiều gia đình. Cùng với tác động từ chế độ chính sách của Nhà nước, chủ doanh nghiệp, tức nhà kinh doanh với mục đích tìm kiếm lợi nhuận mới là nhân vật Trung tâm, là tác nhân tạo ra bước biến đổi giá trị của đất, hàng hoá đặc biệt, và thực tế họ đã “tiến tộ hoá” mối quan hệ ứng xử, giao dịch để đạt mục đích của mình. Cái giá mà họ phải trả cho một dự án bao gồm những khoản được ấn định trong chính sách ưu đãi đầu tư. Nhưng các khoản chi ngầm, không chính thức, có khi là cuộc mặc cả, ngã giá tế nhị hay trắng trợn, tùy giá trị của đất dự án, thường phải là một khoản tiền lớn. Oái oăm thay, ở ta hành vi này nói chung người ta *đều biết*, nhưng *không thấy*, hoặc *không muốn thấy*, vì nhiều lẽ! Chính có sự quan - thương cầu kết này mà không ít trường hợp họ bất chấp pháp luật, gây ra những cuộc đấu tranh khiếu kiện kéo dài. Như chuyện mới đây xảy ra ở làng Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nơi

binh quân ruộng đất chỉ có khoảng hai sào một hộ. Người dân chốn Phật tổ, có chùa Bút Tháp với tượng Phật nghìn mắt nghìn tay vốn thuần hậu, tin tâm làm điều thiện. Vậy mà xô xát, bắt bớ đã xảy ra khi doanh nghiệp với sự hỗ trợ của lực lượng an ninh địa phương đã cưỡng chế đổ đất san lấp và còn tự ý đào cả mộ của người ta chuyển đi! Căn cứ Nghị định của chính phủ thì đất dự án này thuộc diện doanh nghiệp được giao đất phải trực tiếp thoả thuận với dân. Giá đền bù phải sát với giá đất thị trường ở địa phương cùng thời điểm. Trong khi dân chưa được nhận tiền đền bù và cũng chưa biết giá đất là bao nhiêu!. Sau cuộc xô xát căng thẳng, dân khiếu kiện, chính quyền đã buộc phải huỷ quyết định thu hồi đất, doanh nghiệp đã trả lại toàn bộ đất cho dân Đình Tổ. Nhưng tôi được biết một số người vẫn bị tạm giam và toà án huyện chuẩn bị đưa họ ra xét xử về tội “chống người thi hành công vụ”. Không biết rồi lẽ phải sẽ thuộc về ai?...

Trước rằm trung thu năm ngoái, trên đường cái quan qua huyện Văn Lâm (Hưng yên) lên thăm chùa cổ Cầu Nôm, chúng tôi ngỡ ngàng thấy cảnh tượng hàng trăm người trong làng kéo ra cắm trại trấn giữ trước cổng Nhà máy kết cấu thép và sản xuất phụ gia xi măng của Công ty Vương Huy... Tim đập và cùng ngồi với mấy cán bộ thôn Nghĩa Lộ dưới bóng mát cây cổ thụ của đền thờ Nguyễn Phi Y Lan tìm hiểu câu chuyện. Ông Đỗ Văn Sĩ, Bí thư chi bộ, nguyên là một thương binh, dũng sĩ diệt Mỹ và anh Trưởng thôn mới được bầu kể cho biết, rồi xem các văn bản tài liệu được cung cấp mới vỡ lẽ “điểm nóng” này cũng là một câu chuyện rắc rối khó xử. Từ năm 1994 sau khi hợp tác xã nông nghiệp toàn xã giải thể, ruộng đất thôn nào trả về chia cho dân thôn ấy. Khu ruộng lúa xem với thúng đào làm gạch ngói có diện tích 2600m² dân Nghĩa Lộ thống nhất khoán thầu hai mươi năm (đến năm 2004) cho một người ở xã bên sản xuất gạch ngói. Tôi xem văn bản Hợp đồng, ngoài chữ ký của bên A, bên B còn có chữ ký và dấu đỏ của Chủ tịch UBND xã hồi đó và chữ ký cùng dấu đỏ của Trọng tài kinh tế huyện Văn Lâm. Tiền thu 120 triệu đồng làng đã dùng vào rải đường bê tông, làm đường điện. Nhà trẻ còn xây dựng dở dang. Chưa có nhà văn hoá. Đã tính sắp hết hợp đồng, diện tích chỗ này sẽ chia đất tách một số hộ dân, đếm đầu trâu một số suất sẽ có một khoản kha khá để xây dựng lại đền thờ Ý Lan và các công trình phúc lợi. Đất khu vực dốc Nghĩa này đang lên giá. Thế rồi bất ngờ tình quyết định thu hồi diện tích này cấp cho Doanh nghiệp Vương Huy và được giải thích rằng

chỗ này là đất công ích thuộc xã quản lý, thôn Nghĩa Lộ khoán thầu là trái phép!

Thật trớ trêu, đây là lần thứ hai dân thôn Nghĩa Lộ “bổng dưng” phải vất vả thưa kiện đấu tranh về ruộng đất. Năm 2009, tỉnh Hưng Yên cuối cùng đã quyết định trả lại địa phương diện tích 3000m² đất thuộc khu đền thờ bà ý Lan. Đền đã bị thực dân Pháp đốt phá thành khu đất trống. Ban đầu Công ty máy kéo của huyện “mượn” đặt trạm máy kéo... Lâu dần họ rút đi rồi tự ý xin tỉnh chuyển nhượng cho Công ty Vĩnh Phúc với khoản tiền “thanh lý” 600 triệu đồng. Lấy lại được đất cho làng, nhưng con trai ông Sĩ và ba thanh niên khác đã lĩnh án tù vì hành động quá khích gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Giờ đây câu chuyện có nguy cơ lặp lại...

Đã hơn một năm qua, cán bộ thôn Nghĩa Lộ đã làm đơn kiến nghị lên tỉnh, lên huyện không được giải quyết. Lên Hà Nội xin gặp kiến nghị với lãnh đạo cấp cao, đơn tử được tiếp nhận nhưng đều trả về yêu cầu địa phương giải quyết. Để xảy ra những điểm nóng như làng Nghĩa chủ yếu đều do người dân mất niềm tin, không đủ kiên nhẫn chờ đợi cơ quan chức năng xem xét xử lý. Hỏi thăm được biết anh con trai ông Đỗ Văn Sĩ và mấy cậu thanh niên xốc nổi lĩnh án hơn một năm cải tạo đã được ra tù, tôi không khỏi lo thay hỏi ông:

- Vậy các ông có tài liệu chứng cứ gì là doanh nghiệp Vương Huy đã hối lộ cán bộ địa phương để được cấp đất dự án?...

Mấy người cùng bật cười nhìn tôi lạ lẫm. Mỗi người một câu, các ông đều thừa nhận không có chứng cứ cụ thể gì, trừ khi giám đốc công ty Vương Huy tiết lộ và lên tiếng tố cáo. Các ông chỉ suy ra từ việc ấn định giá đất rất bèo và thời gian “chạy” thủ tục cấp đất hết sức chóng vánh. Giá đất năm 2009 khu vực này giá thị trường trên ba triệu đồng một mét vuông. Giá trong văn bản thông báo của UBND tỉnh tròn một triệu một mét vuông. Căn cứ Nghị định của Chính phủ, dự án này thuộc diện doanh nghiệp phải thoả thuận giá đất với dân. Nhưng công ty Vương Huy đã được giao đất với giá có 64.000đ/m² nên chỉ phải nộp cho xã có 1,8 tỷ đồng. Chỉ cần với giá như văn bản thông báo của tỉnh, thì công ty Vương Huy đã phải trả thêm 26 tỷ nữa. Còn nếu sát với giá thị trường thì phải trên 60 tỷ! Và để hoàn thành tất cả các văn bản thủ tục, có dấu đỏ của đủ các ban ngành chức năng từ xã, huyện lên tỉnh, thông thường thuận lợi nhất cũng phải từ ba đến sáu tháng. Vậy mà công ty Vương Huy được giải quyết suôn sẻ trong vòng nửa cuối tháng 12 năm 2009. Vì chỉ lùi sang thời điểm đầu năm 2010 thì khu vực này UBND tỉnh đã ra

thông báo định giá đất 1,5 triệu đồng một mét vuông. Vậy xin hỏi anh, có cần phải đưa ra chứng cứ mới hiểu được động cơ của những chữ ký *nhật tinh ưu ái* với doanh nghiệp như vậy hay không?...

Chưa rõ thực hư có chuyện chạy chọt mặc cả chung chỉ khoản chênh lệch giá đất hay không, chỉ biết doanh nghiệp Vương Huy bây giờ đã trở thành một nạn nhân điều đúng. Giám đốc Doanh nghiệp đón chào xe đi khắp các cửa nộp đơn kêu cứu, yêu cầu giải toả lỗi đi lại để làm ăn...

Viết đến đây, (chiều 21 tháng 3) tôi liền bấm số máy điện thoại hỏi thăm ông Đỗ Văn Sĩ. Có thể ông vẫn đang ngồi “cắm trại” với dân làng ở cổng doanh nghiệp. Vẫn để dãi với giọng vui vẻ hồn hậu, ông cho biết cấp trên đã yêu cầu lãnh đạo địa phương phải giải quyết dứt điểm việc này trước kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân sắp tới. Giám đốc công ty Vương Huy đã hẹn gặp để thương lượng nộp thêm khoảng ba tỷ đồng “hỗ trợ” địa phương... Như vậy thì tình hình đã không đến mức quá mù ra mưa, vì dù sao thì việc cũng đã rồi. Bổng dưng họ đều trở thành nạn nhân từ một quyết định (*có thể là*) sai trái của quan chức địa phương, do nhiệt tình giúp doanh nghiệp mà tác trách quan liêu, hay do động cơ chung chi tham nhũng?...

Trở lại câu chuyện của anh Duyên, người trong số các hộ dân ở phường Hải Tân thành phố Hải Dương đến nay vẫn chưa nhận tiền đền bù khi thành phố thu hồi đất để mở rộng đô thị. Làng lên phố, đất nông nghiệp chuyển đổi thành đất công nghiệp, đất đô thị là bước chuyển đổi tiến bộ của lịch sử, là quy luật tất yếu của sự phát triển. Nhưng vấn đề phải suy nghĩ ở chỗ, cũng là người trong chế độ xã hội ta, cũng là người chủ sử dụng đất, nhưng người được hưởng giá đất chưa tới 30.000đ/mét vuông, trong khi đó lại có người được hưởng tới trên 20 triệu đồng/ mét vuông, cùng ở một vị trí, nhờ cơ hội biến đổi của thời thế và tác động của cơ chế chính sách. Nếu nói sự chuyển đổi là tất yếu thì chẳng nhẽ sự thiệt thòi lại *tất yếu nghiêng* về phía người nông dân, và sự hưởng lợi rất lớn, có thể nói là lợi nhuận “kéch xù”, lại tất yếu thuộc về những chủ doanh nghiệp, những nhà đầu tư được rải thảm đỏ ưu ái hỗ trợ?... Trong thực tế không chỉ chủ doanh nghiệp đâu mà còn có một số người nữa liên quan vì họ được doanh nghiệp “chia lộc” với giá đất ưu đãi để dựng nhà...

Sau những lần điều chỉnh, chính sách của Nhà nước về đền bù đất thu hồi của dân nay đã có phần thoả đáng hơn. Tiến đền bù chín triệu đồng mỗi sào (360m²) trước đây, giờ trượt giá chỉ đủ mua vài ba mét vuông đất vườn. Cơ quan chức năng đã trả lời kiến nghị của anh Duyên rằng: Thành phố áp dụng giá đất thời điểm năm ấy là đúng chính sách, giờ không thể giải quyết hồi tố!

Chả lẽ đã hết cách?... Tôi được biết ở một nước cũng phát triển tương tự như ta, Nhà nước họ có chính sách khi quyết định thu hồi đất của nông dân giao cho doanh nghiệp thì đồng thời ấn định một khoản thu, sẽ căn cứ tỷ lệ lợi nhuận mà doanh nghiệp được hưởng lợi từ ưu thế về đất để tiếp tục hỗ trợ đến bù người nông dân bị khó khăn thiệt thòi do mất đất canh tác. ...

Và cũng không nên quên rằng, chúng ta phấn đấu vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, sống trong một xã hội dân chủ, công bằng văn minh*. Thiết nghĩ *Dân chủ, Công bằng* không chỉ là mục tiêu đẹp mà cũng là *Văn minh*, còn là lẽ phải lớn!■

Hải Dương, tháng 3 năm 2011





TRẦN BẢNG VÀ DUYÊN NGHIỆP CHÈO

NHẬT ÁNH



GS. NSND TRẦN BẢNG

DÂY TƠ HỒNG AI KHÉO XE MÀ VẤN VIT

TRƯỚC khi lên Việt Bắc, gần như Trần Bảng chưa biết gì về Chèo, dù thời thơ ấu có đôi lần được xem Chèo, Tuồng sân đình khi từ Hà Nội về thăm quê. Đoàn Văn công Nhân dân Trung ương thành lập cuối năm 1951 ở bến Canh Nông, Tuyên Quang hồi ấy hội tụ những tên tuổi cự phách của văn nghệ kháng chiến như Thế Lữ, Song Kim (tổ Kịch), Nguyễn Xuân Khoát, Lưu Hữu Phước, Doãn Mẫn, Thái Ly (tổ Ca múa nhạc), Năm Ngũ, Dịu Hương, Cả Tam (tổ Chèo). Tuy chia làm ba tổ, nhưng khi dựng tiết mục cả Đoàn đều chung tay vào làm, vì vậy đôi hồi các nghệ sĩ là ngoài tinh thông một nghệ, còn phải học thêm để biết nhiều nghệ. Đặc biệt với chủ trương phục hồi vốn cổ dân tộc rất mạnh mẽ của Đảng từ 1950, Đoàn đặt ra một kỷ luật là giờ đầu mỗi buổi sáng phải tập trung học hát Chèo. Thế là Nguyễn Xuân Khoát, Thế Lữ, Lưu Hữu Phước, Song Kim cùng Trần Bảng, đều trở thành học trò của các nghệ nhân Năm Ngũ, Dịu Hương, Cả Tam. Nhờ đó, chàng trai trẻ từng say mê bị kịch Hy Lạp, kịch cổ điển và nhạc lãng mạn Pháp bắt đầu nhập tâm và đắm đuối những sa lộ chèo, sa lộ chèo, đường trường phải chiếu, lời lơ, đào liễu, con gà rừng, tò vò, trâm tình... những Lão say, Hề mối, Hề gậy, Sứ Ván, Thị Mầu... Cuối năm 1952, để chuẩn bị phục vụ một hội nghị lớn của Trung ương, Đoàn được Ban Tuyên huấn Trung ương yêu cầu dàn dựng vở kịch *Dân cây vùng lên* của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Cả Đoàn dồn sức vào tập vở kịch do nhà thơ Thế Lữ đạo diễn. Nhận thấy tổ Chèo còn rảnh rỗi, Trần Bảng nảy ra ý định làm thêm một vở Chèo từ câu chuyện có thật ông chứng kiến trong chuyến đi thực tế tại Bắc Giang. Được sự ủng hộ của lãnh đạo và các nghệ sĩ Chèo, ông đã kết hợp với các nghệ sĩ Năm Ngũ, Dịu Hương viết đề cương và dựng vở *Chị Trám*, sau này được coi là vở chèo hiện đại đầu tiên của sân khấu chèo cách mạng. Bất ngờ là đầu năm 1953, khi về ATK duyệt tiết mục phục vụ hội nghị; thì vở Chèo *Chị Trám* đã được chọn chính thức. Đêm công diễn *Chị Trám* ở ATK, Bác Hồ đã cùng các đ/c Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng đến xem. Vở chèo tả cuộc đời của nhân vật Trám từ một người đi ở cho địa chủ bao nhiêu tủi khổ được cách mạng giải phóng, được tự do làm ăn hội họp vui vẻ, dù còn mặc áo đơn sơ nhưng rất được hoan nghênh. Vở diễn kết thúc, Bác Hồ yêu cầu mở màn lại, trực tiếp bước lên sân khấu thưởng kẹo cho các nghệ sĩ và khen ngợi: "Phương Chèo này hát hay lắm"! Hôm sau, Tổng Bí thư Trường Chinh dành hơn 2 tiếng đồng hồ gặp Đoàn nói chuyện về ưu khuyết điểm của *Chị Trám* và Trần Bảng với tư cách là người phụ trách Đoàn; tác giả vở

Trần Bảng sinh năm Bình Dấn 1926 trong một gia đình Tây học và văn chương nổi tiếng. Cha là nhà văn Trần Tiêu, bác ruột là nhà văn Khải Hưng - hai trong những chủ soái của Tự Lực Văn Đoàn. Hơn hai mươi tuổi ông đã đỗ tú tài Tây, thông thạo Hán Nôm và tiếng Pháp, sử dụng được các ngoại ngữ Anh, Nga, Đức. Trần Bảng tham gia kháng chiến chống Pháp với hoạt động viết, diễn kịch nói ở đội Tuyên truyền Sao Mai xã Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng quê hương, rồi Đoàn Văn công Nhân dân Trung ương trên chiến khu Việt Bắc. Tại đây, từ tổ Kịch, Trần Bảng được đưa sang phụ trách tổ Chèo, và gần 60 năm qua ông đã gắn bó thủy chung như nhất với bộ môn sân khấu dân tộc thuần khiết này, trở thành một thương hiệu Chèo lòng lý. GS, NSND Trần Bảng đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về VHNT (2001); ở tuổi 85, trò chuyện với chúng tôi, ông nói rằng Chèo chính là duyên nghiệp của cả cuộc đời mình...

diễn đã vinh dự được Bác Hồ mời cơm. Trong bữa cơm cùng Bác, anh hùng Nguyễn Thị Chiên và bác sĩ Trần Hữu Tước; Bác Hồ khen Trần Bảng còn trẻ mà đã biết yêu vốn nghệ thuật cổ truyền của dân tộc và ân cần căn dặn: "Chèo là viên ngọc quý, phải ra sức học, đặc biệt là phải học các nghệ nhân để hiểu sâu và nắm vững nghệ Chèo". Dây tơ hồng của Trần Bảng với nghệ thuật Chèo đã được Bác và kháng chiến khéo xe như thế nên đã trọn đời vấn vít cùng ông.

MỘT SỰ NGHIỆP CHÈO LÒNG LÝ

Trần Bảng kể rằng trong buổi đầu đến với Chèo, ông đã được các bậc đàn anh văn nghệ hết mực khích lệ. Nhà văn Hoài Thanh từng nói với ông: "Chèo tuyệt lắm, cậu cứ làm đi, tôi tin chắc rồi cậu sẽ mê loại hình nghệ thuật này". Còn cụ Thế Lữ thì quả quyết: "Gắn bó với Chèo, Chèo sẽ cho anh một sự nghiệp". Đúng như lời tiên tri-càng làm, càng gắn bó với Chèo, Trần Bảng càng mê đắm và ông đã có một sự nghiệp chèo thật sự lòng lý. Nhớ lại ngày ông phụ trách Ban Nghiên cứu Chèo của Bộ Văn hóa (1957-1960). Đó là lúc các nghệ sĩ tài danh của tứ chiếng chèo Đông, Đoài, Nam, Bắc như Trùm Thịnh, Trùm Bồng, Cả Tam, Dịu Hương, Năm Ngũ, Minh Lý, Bạch Tuyết... được tụ hội về trên một không gian sân khấu sân đình truyền thống cùng nhau diễn *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Kim Nham*, *Chu Mãi Thần*... Cả một thế giới Chèo hiện ra trước mắt ông "Trong sáng lạc quan, hài hước mà trữ tình, ngây thơ mà minh triết với những hình tượng nghệ thuật đẹp vừa kỳ lạ lại vừa thân quen". Đối với Trần Bảng, đó là những ngày hạnh phúc không thể nào quên, lúc ông hoàn toàn bị những vẻ đẹp Chèo tinh khiết chinh phục và quyết tâm theo đuổi đến cùng bộ môn sân khấu tuyệt diệu này của dân tộc.

Cho đến nay, sau gần 60 năm tự tin, cần mẫn lao động sáng tạo trên chiếu Chèo, Trần Bảng đã có những thành tựu khó ai bì kịp ở cả ba tư cách: soạn giả, đạo diễn và nhà lý luận. Ông là tác giả của các vở chèo nổi tiếng *Con trâu hai nhà*, *Đường đi đôi ngã*, *Cô gái và anh đồ vật*, *Tình rừng*, *Câu chuyện tình 80*, *Máu chúng ta đã chảy*... Ông là đạo diễn thành công nhất của sân khấu Chèo với trên 20 vở diễn được đánh giá cao, trong đó nhiều vở được coi là các mốc son đánh dấu sự phát triển, trưởng thành của sân khấu Chèo cách mạng ở cả hai phương diện phục dựng trò diễn cổ và sáng tạo trò diễn mới như *Quan Âm Thị Kính*, *Sứ Ván*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Trình Nguyên*, *Tử Thức*, *Nàng Thiệt Thế* (chèo cổ), *Lọ nước thần*, *Đôi ngọc truyền kỳ*, *Tổng Trần Cúc Hoa* (dân gian), *Tổ Hiến Thành* (lịch sử), *Cô gái phòng*, *Cô gái và anh đồ vật*, *Tình rừng* (hiện đại)... Ông cũng là nhà nghiên cứu lý luận chèo hàng đầu. Bốn cuốn sách ông đã công bố: *Khái luận về chèo*, *Kỹ thuật biểu diễn chèo*, *Chèo - Một hiện tượng sân khấu dân tộc*, *Trần Bảng đạo diễn chèo là bốn công trình tổng kết học thuật công phu, tâm huyết, sáng tạo. Đó là những công trình đã xây dựng nên hệ thống lý luận khá hoàn chỉnh*

về nghệ thuật Chèo, từ những nguyên tắc mỹ học, phương pháp sáng tạo tổng thể đến nghệ thuật diễn viên, nghệ thuật đạo diễn, vừa uyên bác, toàn diện vừa sinh động cụ thể, vừa rọi sáng quá khứ vừa khai mở tương lai; đã trở thành cẩm nang, sách gối đầu giường không chỉ của nhiều thế hệ Chèo, mà còn của giới sân khấu truyền thống nói chung.

DAY DỨT KHÔN NGƯỜI CỦA ÔNG "TRÙM CHÈO" THỜI NAY

Trần Bảng đã hơn một lần đặt câu hỏi: "Tại sao chèo hiện đại chưa sản sinh ra được những hình tượng nghệ thuật ngang tầm với những Lão say, Sứ Ván, Thị Mầu... của chèo cổ?". Đó là nỗi day dứt khôn người của người được coi là ông "Trùm Chèo" thời nay. Trần Bảng không ngần ngại thừa nhận rằng hai vở Chèo nổi tiếng, được hâm mộ một thời của ông, từng được GTNN như *Con trâu hai nhà*, *Đường đi đôi ngã*, thực chất chỉ là các "vở kịch nói pha các làn điệu chèo một cách vụng về". Ông tâm sự: ngay một vở chèo cổ như *Quan Âm Thị Kính* do chính ông trực tiếp chỉ đạo và đạo diễn phục hồi 3 lần vào các năm 1957, 1968, 1985, thì mãi đến lần thứ 3, Trần Bảng mới tìm ra được chìa khóa để giải mã hình tượng trung tâm của vở là nhân vật Thị Kính. Ấy là nhờ một lần tình cờ văn cảnh chùa Mía, Trần Bảng đã giặt mình sũng sờ trước pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát tại đây. Trước mắt ông hiện hiện một Thị Kính với "nét mặt thanh thần rạng lên ánh hào quang của tấm lòng từ bi hỷ xả, một đứa bé nằm trong lòng, tay chân quơ lên, ngây thơ sống động". Trần Bảng thắm



Cảnh trong vở Quan Âm Thị Kính

cảm ơn người nghệ nhân tạo hình vô danh xưa đã nắm bắt và thể hiện thật tài tình cái thần hình tượng biểu trưng cho chữ nhân, chữ nhẫn thâm hậu của triết lý nhà Phật. Trần Bảng ngộ ra: Thị Kính không phải là người phụ nữ mềm yếu, thụ động cam chịu những oan trái, khổ nạn của cuộc đời, không chỉ là một hình tượng dằm để nước mắt như ông và đồng nghiệp đã từng phục dựng trên sân khấu. Vì thế, Trần Bảng đã cùng Nhà hát Chèo Việt Nam hào hứng dựng lại lần thứ 3 trong ánh sáng nhận thức mới đó, để trả lại được cho vở Chèo cổ toàn bích này trọn vẹn giá trị đích thực của nó.

Trần Bảng cho rằng nguyên nhân chủ yếu làm Chèo thời nay chưa ngang tầm với Chèo cổ; là do chưa thực sự hiểu từ tư tưởng nhân văn dân gian chân chất, hiền minh, đến luật chơi riêng, tư duy riêng, phương pháp sáng tạo riêng của Chèo. Cơn cuồng phong của xu hướng thương mại hoá nghệ thuật, đã làm tan tác môi trường Chèo truyền thống. Sự bất cập tri thức nghề nghiệp, sự nguội lạnh lòng yêu nghề của những người hoạt động Chèo; khiến "bàn năng sáng tạo bị tù hãm, trí tuệ sáng tạo bị khô cạn"; lại làm Chèo trở nên hơi hợt, nhạt nhẽo, đầu Ngô mình Sở, đánh mất nhựa sống, đánh mất bản sắc, đánh mất khán giả. Không chỉ chưa thể ngang tầm với Chèo cổ, mà Chèo hôm nay đang đứng trước nguy cơ thui chột, mai một ngày càng nặng nề...

CẦN MỘT CUỘC CHẤN HƯNG SÂN KHẤU LẦN THỨ HAI

Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà "Trùm chèo" Trần Bảng đã đăng đàn thật ấn tượng tại "Hội thảo Nghệ thuật Tuồng toàn quốc". Cảm tình con hổ, nhưng Trần Bảng lại là con người rất dị ứng với những biểu hiện của quyền uy, với sự khoa trương, cao giọng, đại ngôn; ngay cả khi ông ở những cương vị quản lý vĩ mô nền sân khấu thời "cực thịnh" như Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật Sân khấu, Phó Tổng thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu VN. Hơn 20 năm nay, kể từ khi nghỉ hưu, ông dường như ẩn mình lặng lẽ, chuyên cần làm những công việc yêu thích: dựng vở, dạy học, nghiên cứu... Nhưng lần này thì con người lịch duyệt, khiêm nhường ấy xuất hiện, thật quyết liệt dữ dội với một bản tham luận đầy chất hiệu triệu: "Hãy trở về với Tuồng gốc". Lý giải thái độ thờ ơ lạnh nhạt của khán giả hôm nay với nghệ thuật Tuồng, không chỉ của lớp khán giả trẻ mà cả những người từng hiểu biết và say mê Tuồng; Trần Bảng thẳng thắn chỉ rõ đó là do Tuồng không còn khí lực, đánh mất những nét đẹp độc đáo của nghệ thuật truyền thống. Bằng những bài học lịch sử về thất bại rõ ràng của các cuộc "cải cách" Tuồng những năm 1930, "hiện đại hoá" Tuồng những năm 1980 và cả hiện nay, Trần Bảng khẳng định: "Các hình thức gọi là cải cách ấy chẳng mang lại hiệu quả gì mà chỉ làm cho di sản sân khấu quý báu này sa vào nguy cơ mai một trầm trọng hơn". Bởi vậy, ông khẩn thiết đòi hỏi: Cần thực hiện một cuộc chấn hưng Tuồng lần thứ hai với phương hướng thành công của cuộc chấn hưng lần thứ nhất: trở về với Tuồng gốc, để đưa Tuồng ra khỏi cơn "bĩ cực" kéo dài hiện nay. Hơn nữa, những điều Trần Bảng nói về Tuồng cũng chính là những vấn đề nóng bỏng của Chèo, của chung cả nền sân khấu truyền thống, được ông nung nấu chiêm nghiệm từ hơn nửa thế kỷ hết mình lăn lộn, sinh tử với duyên nghiệp Chèo, với sân khấu dân tộc...

Trở về với vở *Tuồng*, *Chèo* gốc, là thực sự trở về với truyền thống- không phải là một bước lùi, mà là một bước tiến, một cuộc đi tới, con đường duy nhất đúng- để nghệ thuật sân khấu dân tộc tìm thấy tương lai.

Trần Bảng muốn nói với chúng ta như thế!

(Tiếp theo trang 1)

Gồm có thóc còn làng Kèo có vãi. Dân hai làng trao đổi thóc và vãi cho nhau qua dòng sông Gon. Đò ngang đi đi về về ngày đêm, đầy ắp thóc gạo, vãi vóc, dầu đèn... và cả những đám rước dâu. Sợ nhất là mùa lũ tháng chín, nước từ núi tràn về sông Gon, lật thuyền nuốt người. Mùa lũ nào hai làng cũng mất vài mạng người, đến nỗi hai đầu bến đò đều xây hai cái miếu thờ những người bỏ mạng ở khúc sông này. Bên cạnh miếu người ta trồng một cây si, cây si lớn dần thành cổ thụ, mọc thêm nhiều chân, ôm gọn cái miếu vào trong. Bây giờ muốn thập hương trong miếu người ta phải vắt và luồn tay qua những rễ si lớn.

Hơn trăm năm trước, một nhà buôn xứ Lang sa về đây ngắm cảnh, bước chân lững lờ đưa ông qua sông Gon, đến làng Kèo trên núi. Mê một cô gái Kèo đẹp nhất làng, ông bỏ nhiều vàng ra để mua nàng, khi ấy mới mười sáu tuổi và mang về nước. Ba năm sau ông trở

rời xuống, hàng tỷ lớp mạng nhện quấn thít lấy cô, cô vùng vẫy và không thở được, hơi thở phồng lên trong ngực, thối phồng hai bầu vú căng to như hai quả bóng khổng lồ, cô há miệng ra kêu thì lập tức mạng nhện ập vào miệng, có cả một con nhện đục với những cái chân lông lá lao vào miệng cô, những cái chân đầy gai quặp chặt mặt cô.

- Chi! Sao thế!?

Đoan phát mạnh vào vai cô. Chi mở choàng mắt, hoảng hốt ngồi dậy. Cô đưa hai tay lên ngực. Không, ngực cô vẫn nhỏ bình thường. Thì ra là ác mộng.

Đoan cúi người nhìn lom lom vào mặt Chi, anh như muốn bảo "lạ nhà khó ngủ hả cô nàng?"

- Đêm qua em trần trọc mãi. - Chi lấy tay che miệng ngáp, quay mặt đi tránh Đoan - Vừa chớp mắt một tý thì mê sảng. Cái nhà này âm khí kinh quá!

- Bậy nào! Âm trong đầu em thì có. Anh vừa đặt lưng là ngủ như lợn, chẳng mê mẩn gì!

Đoan dứt hai tay vào túi quần, nhìn cánh cửa gỗ loảng ngoảng vết phấn, những vết bẩn, vết dao khắc tên, tất cả đều mờ mờ trong lớp bụi phủ của thời gian. "Căn nhà này thiếu vắng hẳn sự chăm sóc của một thế hệ. Đó là thế hệ cha mẹ anh, họ thoát ly ra thành phố. Còn anh chỉ có bảy năm đầu đời gắn với căn nhà". Đoan chợt lảng lại suy tư.

- Có ai... chết trong buồng này không? Chi chợt hỏi.

- Có chứ. Cụ ông, cụ bà, rồi ông, bà nội anh đều hấp hối, ra đi trong đó cả. Cụ nào đi rồi thì con cháu đốt dất giường, chiếu, dọn sạch để thế hệ kế tiếp vào ở.

- Thế thì... không có ai chết trẻ ở trong buồng đâu nhỉ. Chi lẩm bẩm.

- Làm gì có... cơ hội! - Đoan nói - các cụ già mới ở trong buồng, các con cháu ở cả nhà ngoài. Ờ, mà sao em hỏi linh tính chuyện chết chóc làm gì thế nhỉ? Đi rửa mặt rồi kiểm cái gì ần sàng.

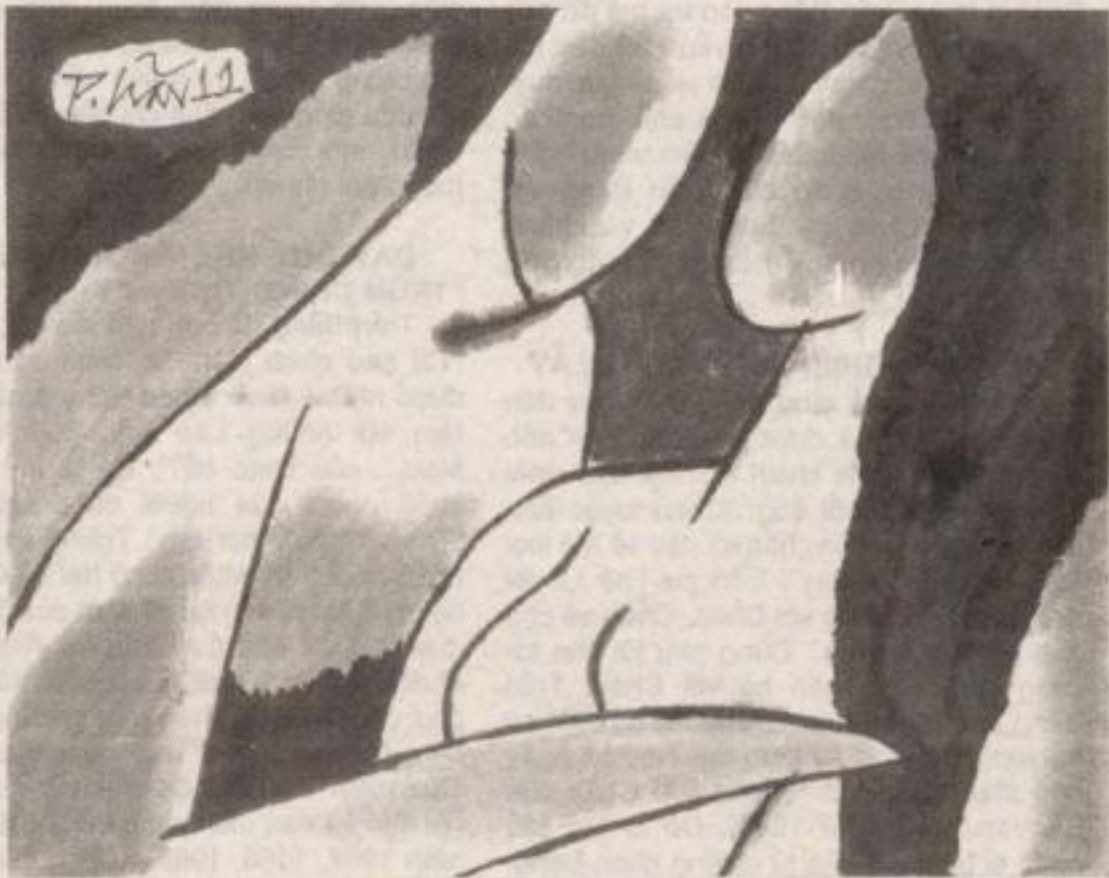
Bà họ đã để một ổ khoai lang tím giữa hiên bốc khói thơm ngọt. Bà lại cúi

thái nhỏ, ủ, phơi, sao rồi tự quấn bằng giấy bản, xịt hương liệu vani nhập từ Lang sa, điều to bằng ngón cái, hút rất đã. Làm cả điều thì đến trâu cũng say đồ kénh. Ờ, mà sao giờ này chàng lại nghĩ đến thuốc, có lẽ để thời gian chờ Hòe bớt dài. Nàng có thể đến muộn, nhưng chưa bao giờ lỡ hẹn với người yêu. Cả ngày, cả đêm lòng chàng chỉ nghĩ về Hòe, nhớ từng lời nàng nói, nhớ ngực áo phồng lên tròn trịa, nhớ bàn tay ngón nhỏ ấm nóng rất hiếm khi chàng nắm được, nhớ những nốt ruồi nhỏ trên cặp má mịn màng, trên cánh mũi, trên cằm nàng... Chàng có nhớ bao nhiêu cũng không đủ nổi ham muốn nàng. Chỉ có thể cưới nàng về làm vợ, giữ chặt nàng trong buồng cưới, để nàng chỉ là của riêng chàng thôi. Vậy mà, Hòe lại là chị họ của Dấn. Bà nội Dấn và ông ngoại Hòe là hai anh em ruột. Nhất định, các cụ hai bên cấm tiết, Dấn không thể cưới Hòe, chị họ gần của chàng, làm vợ được. Thế là loạn luân. Nhưng mà, chàng thiết tha biết bao được ngẫu nhiên gặp mỗi đây, mềm thơm của nàng, sức đôi bàn tay khao khát vào ngực áo nàng, mà chàng cảm nhận rõ nó rung rinh nhẹ theo mỗi bước chân nàng trên đường. Thế giới này ngọt ngào xiết bao khi có nàng. Chỉ có gần gũi nàng cách ấy thì chàng mới cảm nhận một cuộc sống an toàn và ấm áp, đủ đầy. Chàng biết chắc, chàng sinh ra là để sống với nàng. Những người đàn ông trong dòng họ Mạc nhà chàng, người đầu cơ thóc, người buôn vải lầy lừng bến Gon, người mở mang điền địa... nhưng chàng từ ngày vướng vào ánh nhìn phiêu diêu của Hòe, và nỗi ám ảnh từ đôi gò bồng đảo căng dưới lằn áo lụa trắng của nàng, thì chàng chẳng thiết tha gì với nghiệp vận tải cha chàng hướng cho. Chục cái xe ngựa kéo chạy tuyến đường nối huyện với thôn kìn kìn hàng ngày bây giờ cũng bữa đục bữa cái. Chàng hầu như bỏ bê chuyện làm ăn từ hôm cha chàng cấm tiết chàng đi lại với Hòe...

Cánh mũi Dấn động dậy. Mùi thơm non da thịt thiếu nữ thoảng qua chàng. Chàng ngoảnh mặt về phía làng Gôm. Bóng áo lụa rõ lên trong trăng non. Trong gió sông se lạnh, chàng đã cảm nhận hơi ấm của nàng. Chàng đứng bật dậy, đi về phía nàng. Hòe xoa tóc trông càng đẹp, mái tóc dày của nàng vờn quanh gương mặt tròn đồng phương bí ẩn, đổ xuống bờ vai như mời mọc ánh mắt hút xuống. Có lẽ nét quyến rũ nhất là bộ ngực tròn căng của nàng cứ lồ lộ dưới lớp áo lụa. Dấn đưa tay ra đón nàng, họ ập vào nhau, chẳng hề thốt một lời nào nữa. Có đến hàng thế kỷ đã trôi qua, đôi trẻ không được gặp nhau. Cấm đoán của hai dòng họ như đổ thêm dầu vào lửa.

Dấn để Hòe tựa vào thành cầu Gon, tay trái đỡ eo nàng, tay phải chàng tham lam lũng súc. Môi chàng đã khóa kín miệng nàng tự thuở nào. Ngực nàng, căng nở to và ẩm đến mức không chịu đựng nổi. Chàng để dành nó đã quá lâu rồi. Chàng cưỡng quít đặt nàng xuống mặt cầu Gon, rời khỏi môi nàng, vục mặt vào ngực nàng, hai tay chàng vùi và lấn xuống cặp quần lụa của nàng. Nàng rên khẽ, tuồng như chống đối, nhưng hai bàn tay nàng lại xoắn chặt lấy vai chàng. Nàng đã ướt nhẹp và tỏa hương quyến rũ, bàn tay chàng bóp nắn cuống cuống, rồi không chịu đựng thêm nữa, chàng đưa thẳng vào trong nàng, cứng ngắc và mạnh mẽ. Nàng kêu lên trong sự hòa trộn khó tả của đau đớn lẫn sướng với khoái cảm trào dâng. Cả vũ trụ, cả dòng sông Gon cuốn cuộn chảy hút vào bên trong nàng. Nàng cong mồi lên nhip vào đăm mê, đón hứng hòa tan và bay bổng.

Cả dòng sông thấm đẫm mùi yêu đương, cả ánh trăng cũng thế, dù non nớt. Dấn cố ghim nhip thở, tay run rẩy gài lại khuy áo ngực cho nàng, ngực nàng lớn quá và vẫn nở căng, tay chàng



CẦU GON

Truyện ngắn của KIỀU BÍCH HẬU

lại, xin chính quyền bảo hộ cho ông xây một cây cầu kiên cố bắc qua sông Gon, như để trả nghĩa cho làng Kèo. Chuyện chưa bao giờ có, rộn cả làng. Cầu được xây bằng sa thạch với kỹ thuật tân kỳ và độc đáo nhất do chính người ngoại quốc đảm nhiệm, nhân công giỏi cũng thuê tận đầu đầu, dân hai làng Gôm, Kèo chẳng ai được mớ tay vào xây cầu, chỉ ngày ngày kéo ra đứng chặt hai bờ sông, chống mắt lên xem. Hai bên sông, nơi gần cây si và cái miếu, có hai cái máy to gấp bốn ông voi, ngày ngày gầm rú nhả ra thứ vật liệu lạ để xây cầu. Rồi chính ông kỹ sư ngoại quốc đã ngã vào máy, trong lúc treo lên kiểm tra kỹ thuật, và bị xay nhuyễn. Xương thịt ông vĩnh viễn nằm lại trong cầu Gon. Khi cây cầu hoàn tất, người ta đã khắc tên ông lên thành cầu, dựng tượng ông để tưởng nhớ. Người đời sau không chỉ được chiêm ngưỡng dung nhan người đẹp làng Kèo, mà còn biết mặt ông kỹ sư xây cầu khi qua sông Gon. Đôi khi, nhập nhoạng tối, dân làng Kèo từ lưng chừng núi quả quyết đã nhìn thấy ông kỹ sư Lang sa mặc bộ đồ màu ngà, đội mũ phớt, đứng hút tẩu giữa cầu Gon hóng gió.

Chi tò mò ngắm cánh cửa gỗ thối với những nét chữ nguệch ngoạc bầy bạ viết bằng phấn trắng của trẻ mồ "Con Tim vầu ăn cứt chó khô về mép"; "Hòe hen bú dái ông già"... Cô ấn mạnh mép cửa nhấn đen vết tay. Cánh cửa bật mạnh vào phía trong làm Chi giật mình. Cô hơi do dự nhìn vào khoảng không mờ mờ trong cửa, chưa kịp quyết định gì thì như bị bàn tay đẩy mạnh vào lưng, cô dúi dúi lao vào trong căn buồng, nhưng chân cô không chạm vào đầu cầ, mà cô lập tức

Chi ngồi im, định thần lại một lúc. Con ác mộng rõ rệt đến nỗi cô vẫn nhớ từng chi tiết.

- Cái cánh cửa... Cô thốt lên thành lời.

- Cái cánh cửa gì? Đoan vừa hỏi vừa vươn tay tháo dây màn, gấp lại giúp người yêu.

Chi hấp tấp tụt khỏi giường, bước ra ngoài hiên, cô đi về phía trái, nhìn chằm chằm vào cánh cửa gỗ đóng chặt. Có gì ở trong buồng sau cánh cửa kia?

- Buồng đấy của cụ nội anh. Sau đến ông bà nội anh ở. Hồi bà nội mất thì đóng chặt cửa, con cháu ở thành phố cả. Bà họ anh trông nom nhà này, cũng ít khi mở ra quét dọn. - Đoan đứng sau lưng Chi, giải thích.

Chi khẽ chạm tay lên dòng chữ phấn trắng: "Con Tim..."

- Tim là tên bà cô ruột của anh - Đoan phân trần - các cụ xưa cũng nghịch khiếp!

- Nhưng sao em nhìn thấy đúng dòng chữ này, trong giấc mơ...

- Chắc là chiều hôm qua, em tò mò định mở cửa này vào xem, nên tối ngủ mơ thấy hẳn? Đoan hỏi.

"Chiều hôm qua mình chỉ lẩn thẩn ra vườn chơi, chứ có đứng trước cánh cửa này đâu nhỉ?" Chi nghĩ.

Cô gơ tay ra, bàn tay lơ lửng trong không khí. Vừa nãy mình mừng vì thoát khỏi ác mộng, giờ lại định mở cửa làm gì? Chi lưỡng lự trước thôi thúc muốn tìm ra nguyên cớ của ác mộng. Nhưng mà, cô đã quyết định đầu tư tương lai của mình vào Đoan đâu?

- Căn buồng này là nơi bọn trẻ chúng anh bị cấm vào. Lệnh cấm nghiêm đến nỗi bây giờ anh vẫn còn chùn chân mỗi khi định mở cửa đấy.

lôi dưới gầm chõng ra ba cái ghế gỗ con đặt quanh ổ khoai. Đoan tong tả vào nhà bê ra cái khay gỗ sơn đựng chén, ấm ủ nước sôi. Đoan, anh nắm tay Chi kéo xuống ngồi cạnh ổ khoai.

- Bữa sáng của Thượng Đế đây!

Đoan xuýt xoa thổi phù phù củ khoai nóng hổi rồi bóc vỏ đưa cho Chi. Bà họ nhăn nheo cười độ lượng, nhấp một ngụm nước vối đặc cho đỡ tắc cổ rồi lại cúi xuống củ khoai lang tím bóc dở. Buổi sáng sớm thu trong veo, lác đác vài tiếng cu gáy rúc đầu hiên, gió xạc xào bằng khuỷu bút vài chiếc lá nhãn vàng già thả xuống sân gạch đỏ au. Ba người ngồi giữa hiên như những pho tượng, hòa vào với cảnh sắc, tan vào không khí mùa thu. Một khoảnh khắc thiên định không có ranh giới sống - chết.

Thật lạ, Đoan khoái và sung sướng cho dù bữa sáng của anh không có cà phê, thuốc lá và một tờ Thể thao mới.

Chi ngậm miếng khoai lang bỏ như đồ, ngòn ngọt trong miệng. Dù sao thì cô vẫn cứ đi.

Bà họ nhấp liễn hai ngụm nước vối. Giờ ăn cái gì cũng ghen. Lũ trẻ mà không có đứa nào về giữ nhà giữ đất trông nom bàn thờ tổ tiên thì bà muốn đi đâu cũng chẳng được, dù là đi lên thiên đàng. Bà hấp háy cặp mắt đục lờ nhìn Đoan hy vọng.

Dấn ngồi tựa lưng vào thành cầu Gon. Gió sông vi vút luồn qua thành cầu, thổi phồng tấm áo vải mộc mới của Dấn. Đêm nay mừng chín lịch âm, gió thơm mùi trăng non, nhưng chẳng thể làm dịu nỗi ám ức trong lòng Dấn. Chàng hít sâu, thêm một hơi thuốc rê bà nội chàng tự quấn. Thứ thuốc lá hái trong vườn nhà,

gài trệt mấy lần. Mất chàng nhòa đi, nàng như tan biến vào lòng cầu Gon, cả chàng cũng thế. Bây giờ, chàng và nàng đã hòa làm một rồi, không gì có thể chia cắt, không luật lệ nào có thể ấn định. Hai thân thể họ, vượt qua mọi định kiến, đã nối liền với nhau bằng một kết giao nghi thức thiêng liêng của vũ trụ.

Chi trở lại thành phố rồi. Đoàn ngồi bệt lên hai hòn gạch kê góc vườn với một bao ba số. Khói thuốc thơm lờn vờn lặng lẽ trong nắng chiều nhàn nhạt. Anh nhớ cô và bản khoán. Dù anh đã biết trước và chuẩn bị tư tưởng. Ngày hôm nay trời chậm và nặng như đá đeo, đành chịu, bởi cái gì cũng cần thời gian cho nó. Ngày mai Đoàn sẽ nghĩ về cầu Gon. Trước mắt anh là cầu Gon. Anh đã chọn gắn với nó như một ý nghĩa của cuộc đời mình. Một cây cầu cổ, cũ kỹ, giá trị thì cũng còn tùy mà một trai trẻ có chút tài kinh doanh như anh lại chọn gắn với nó thật bất thường trong mắt mọi người. Nhưng anh cần gì mọi người!? Thị trường bất động sản, khi anh đã quá rành và hiểu đến tận gốc rễ, anh lại không thích nó nữa. Nó như một con ếch xanh đỏ phồng phào làm hàng, với những giá trị chưa bao giờ là thật, hoàn toàn phụ phẩm và mang tính kỹ thuật.

Phía trước anh là cầu Gon, với nhiều điều chưa biết về nó. Cây cầu bê gãy bàn tay tham lam của thần chết tại khúc sông tử thần thay đổi diện mạo kinh tế của hai làng, đẩy mạnh nhịp sống, nhưng cũng làm nhiều thêm thói điểm đang, cùng những đứa con hoang. Số con hoang thể hiện sự phóng túng của làng... Nhưng vì thế mà hai làng giống nhau hơn, làng nọ bắt chước làng kia, mà thói hư tật xấu lại luôn lệ chân hơn lẽ phải. Và rồi ông kỹ sư ngoại quốc kia nữa, không chỉ gửi thân xác trong cầu, ông còn gửi vào đó ý nghĩa kết nối nào, phải chăng thượng đế đã sắp đặt điều ấy? Để cây cầu bắc qua cõi sống và cõi chết?

Đoàn dụi mạnh đầu mẩu thuốc xuống đám gốc cỏ sữa, đứng lên phủi dirt quần rồi lững thững đi về hướng nhà chính. Anh đã thấy trước mặt mình là cánh cửa buồng cụ ông cụ bà. Hôm qua, Chi đã lường lự và cuối cùng không mở nó ra. Đoàn ngửi thấy mùi mốc, mùi đồ đạc cũ tỏa ra đậm đặc từ cánh cửa, cái mùi giăng giữ con người với quá khứ, dễ làm người ta cúi lòng với kỷ ức. Anh giật nhẹ cái ổ khóa đồng to bằng bao diêm:

- Bà họ ơi, cho cháu mượn chia khóa buồng này tý?

Bà họ anh xầm xở lại gần, vạch mấy lần vạt áo cánh, lôi cái chìa khóa đồng buộc mẩu dây điện ố vàng từ túi áo trong, đưa cho anh, nó ẩm hơi thân thể bà.

- Anh vào mà thắp hương cho các cụ.
- Bà đưa ngón cái quẹt nước cốt trầu rịn ra hai mép, rồi xoa vào lòng bàn tay.
- Giờ bà mệt rồi, chỉ tuần rằm mồng một mới vào quét dọn. à, mà anh đừng xê xích đồ đạc của các cụ nhé.

Đoàn cực khâm phục các thể hệ trước mình về cái quan điểm tôn trọng lịch sử ấy. Căn buồng này được trang bị đồ đạc từ năm đời trước, cái gì ở đâu, vẫn đặt nguyên đó, các thể hệ sau vào ở có thể thêm vài món mới, trên nguyên tắc đồ giản tiện, bền, quý, thật quý giá để con cháu có thể sử dụng, và vì tiếc mà không nỡ bỏ đi. Anh ít khi vào căn buồng gia tộc này, nhưng ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi, anh tưởng như vẫn nhìn thấy ông bà mình đang ngồi hai cái ghế lim với tựa lưng cẩm thạch kia, nhìn anh với cặp mắt nghiêm nghị mà ấm áp.

Anh chợt chú ý đến một khung ảnh đen trắng treo trên tường, ngay phía trên hai lưng ghế cẩm thạch. Như sự thức tỉnh, như sự lôi kéo, anh tò mò gỡ khung ảnh, mang ra ngoài hiên để xem cho rõ dưới ánh mặt trời. Bụi phủ mờ kính, điểm vết cứt gián lốm đốm đen, nhưng anh

TẢN VĂN

HƯƠNG BƯỞI

TRỊNH THỊ THUẬN

VỀ quê những ngày xuân, thú vị nhất là được ngắm vườn cây lúp xúp như những cây nấm khổng lồ, đua nhau trổ hoa. Hoa vài sẫm sẫm hồng. Hoa nhàn vàng vàng. Hoa xoài tím tím...Ta được tắm mình trong không gian làng quê yên ả, trong hương xuân đậm đà, nhất là hương hoa bưởi. Trong những loài cây lưu niên, cây bưởi được xếp nhất nhì bởi có hương hoa thơm.

Hoa bưởi nở từ trong năm, nhưng giêng hai hoa bắt đầu nở rộ và thả hương khắp vườn, ngoài sân. Từng chùm, từng chùm trắng muốt, tinh khiết đến nao lòng, nổi bật trên cành lá xanh đậm. Lòng làng làng trước nụ hoa nhỏ như đầu ngón tay út, chum chim thật duyên, lấp ló sau nhành lá như trốn tìm. Hoa nở, bốn cánh xoè ra cong cong, khoe nhụy vàng tươi như mời gọi bướm, ong. Chiều buông trong ánh hoàng hôn tím, một mùi hương nhẹ nhàng lan toả, rơi rơi như nuối tiếc một ngày sắp qua. Ai một lần thưởng thức hương hoa bưởi sẽ ngây ngất không quên cái hương ngan ngát, dịu ngọt ấy. Trong đĩa hoa thấp hương ngày rằm mồng một, không thể thiếu dăm bông hoa bưởi. Mùa hè nắng như đổ lửa, uống cốc nước bột sắn dây ướp hoa bưởi thì tuyệt vời. Hương hoa quện hương bột tạo thành một hương mát đặc biệt. Thứ

uống ấy như một vị thuốc bổ khiến người nhẹ nhõm, khoẻ mạnh. Từ xưa, hoa bưởi đã được dùng cất nước hoa. Ngày nhỏ, khi chơi đồ hàng, chúng tôi hay lấy những bông hoa bưởi mẹ thắp hương xong, cho vào lọ ngâm làm "nước hoa", rồi thi nhau bôi lên đầu cho thơm. Có đứa còn bắt chước mấy chị phụ trách cài bông hoa bưởi lên đầu làm duyên. Ta thêm yêu hoa bưởi qua bài thơ tình "Hương thơm"tuyệt vời của nữ sĩ Phan Thị Thanh Nhàn. Nó trở thành biểu tượng của tình yêu thủy chung và niềm tin son sắt của thế hệ trẻ những năm chống Mỹ cứu nước " Hương bưởi thơm cho lòng bồi rối.../ Mà hương thơm mãi bước người đi". Hương hoa bưởi nâng bước chân chiến sĩ vượt mọi hiểm nguy, chiến thắng kẻ thù. Giờ vẫn thấy ngẩn ngơ!

Hoa bưởi có mặt nơi thị thành làm lòng người xốn xang nhớ hình bóng quê hương, nhớ vườn cây của bà, của mẹ. Hương hoa bưởi chứa mật ngọt của phù sa ruộng đồng, có mưa, có nắng. Cây bưởi dân dã thường được trồng bên chái nhà, bể nước hương hoa lan toả âm thầm mà quện rũ như một lời nhắn nhủ. Những ai xa quê, hãy một lần tìm về quê giữa mùa hoa bưởi.■

vẫn thấy một cụ ông quốc thước râu dài, đội khăn xếp, mặc áo the, xung quanh là ba cặp vợ chồng trung niên, một đàn đông đúc cháu chắt đứng ngồi. Ảnh cũ là công cụ hữu hiệu nhất để lần lại lịch sử, quá khứ.

Đoàn chợt bị hút vào một gương mặt trai trẻ, tóc cạo nhẵn xung quanh, để chòm ngắn dựng đứng điệu nghệ và kỳ quặc, vẻ mặt ma mị với đôi mắt sâu hoắm, ánh tia nhìn tinh quái.

Anh với cái giẻ cũ vắt trên dây phơi, lau đi lau lại mặt kính khung ảnh.

- Bà họ ơi, đây là ông trẻ Dẫn phải không ạ?

Bà họ anh cẩn thận chấm hai khóe mắt cặp kèm bằng tấm khăn mù xoa cũ mốc đen, rồi nhìn bức ảnh hồi lâu, giọng lo ngại.

- Ừ, ông trẻ Dẫn đấy chứ ai! Mà sao cháu lấy khung ảnh xuống làm gì? Xui xẻo lắm! Bà lắm lúc còn chẳng dám lau bụi nữa là...

- Cháu khỏe vía hàng nhất bà ạ, đừng lo! - Đoàn xoa xoa lưng bà họ, yên ỉ. - Ma mãnh gặp cháu là chạy mất vía.

- Để rồi anh xem. - Bà họ như muốn né ra khỏi bức ảnh. - Chứ tôi thì chứng kiến mấy bận, hãi lắm. Ông nội anh chuyển ảnh treo chỗ khác, thế là hôm sau chặt cây tre cũng chặt phải ngón tay, mất luôn ngón trỏ. Rồi thằng Bò, gỡ ảnh xuống lau, bỏ quên trên bàn đúng một ngày, thế mà đi bữa thế nào lại bị rằn bữa xiên vào bắp chân sâu hoắm...

- Tai nạn chẳng may trùng lặp thôi bà ơi. Cháu muốn treo ảnh này ra phòng ngoài để con cháu về chơi còn nhìn thấy các cụ. à, mà ông trẻ Dẫn làm sao chết trẻ vậy bà? - Đoàn tay cầm khung ảnh, mắt ngó nghiêng tìm vị trí thích hợp trên tường phòng khách để treo bức ảnh quý.

Bà họ chấp tay trước bụng, đứng cách anh một quãng, sẽ sàng kể:

- Hồi ông trẻ chết, hai làng đồn đại nhiều lắm. Sự thực thì chỉ người chết với một người nữa biết. Người còn lại đã lưu lạc nơi nào. Hồi ấy ông trẻ Dẫn là con nhà giàu, nhiều gái mê lắm, nhưng trộm vía ông đổ đốn ra mê bà Hòe, là chị họ gần. Chuyện rắc rối to, các cụ hai bên hợp họ, ra chỉ cấm tiết. Quấn lên, ông trẻ Dẫn kéo bà Hòe lên cầu Gon tình tự rồi rủ nhau lao xuống sông Gon tự vẫn. Dân làng mớ mớ mây bảo là ông Dẫn nhảy trước, rồi bà Hòe sợ quá không dám nhảy, ngồi trên cầu khóc đến sáng rồi bỏ làng đi. Ông Dẫn thành ma rồi, mà đợi mãi không thấy bà Hòe đâu, nên không thỏa chí. Thỉnh thoảng ông ấy vẫn hiện lên cầu, dụ dỗ con gái nhảy xuống sông

đẩy cháu ạ.

Đoàn cười thành tiếng:

- Hận tình khùng khiếp quá, bà nhỉ. Thần chết phải bó tay. Thế từ hồi ấy đã có cô nào nghe xúi dại mà theo ông xuống sông chưa, bà họ?

- Có ba cô chứ ít đâu - Bà họ dường như say câu chuyện do chính mình kể, đứng sát lại gần Đoàn, giọng thì thào như sợ người nghe trộm - Gần nhất là cô Hương làng Gôm, tối hôm ý đi xe đạp một mình qua cầu Gon, đến giữa cầu thì nhìn thấy người đàn ông vẫy xe, cô dừng lại nói chuyện mùi dãi thế nào, lại vút xe nhảy tùm xuống sông. May mà được hai anh chàng đi đánh cá đem vớt lên. Sau này cô ấy kể, là người kia chỉ cho lối xuống, có bậc đi hẳn hoi, thành phố dưới ấy sáng lòa, cô ấy cứ thế mà đi, chả biết thần hồn nát thần tính thế nào...

Đoàn chợt nhớ ra, hỏi:

- Thế mộ ông trẻ Dẫn ở chỗ nào? Mấy lần cháu đi tảo mộ, hình như không thấy mộ ông, cháu cũng vô tâm, đi cho có đi chứ cũng chẳng để ý hỏi kỹ về mộ các cụ...

- Ông trẻ nhà anh làm gì có mộ! Hồi ấy ông trầm xuống sông Gon, cả họ tìm xác cả tuần không thấy. Ông trẻ đột ngột biến sang thế giới khác, đến cái xác cũng không để lại thế giới này, làm người sống dạ chẳng yên.

- Thì ít ra ông cũng để lại di ảnh này, và một chuyện tình có kết thúc không rõ ràng... Đoàn trầm ngâm.

- Cả hai họ bấy giờ lên án bà Hòe lắm, rằng nhìn ông trẻ chết mà không cứu, hèn đến nỗi không đi luôn cùng ông trẻ. Đấy anh xem, người chết thì được thể tất cho, chứ người sống thì còn bị trách móc, điều tiếng. Bà ấy còn sống cũng chẳng dám về làng. Bức ảnh này chính ông Dẫn cầu kỳ thuê thợ từ phố về chụp, tự ông treo vào phòng các cụ hôm đầu xuân ấy, rồi đến mùa thu năm đó, ông ấy đi...

Đoàn treo khung ảnh vào một cái đinh trên tường, rồi lùi ra xa, xoa xoa tay ngắm nghía:

- Treo thế này được không bà?

Bà họ ngẩn ngại:

- Thôi thì tùy cháu, nhưng bà cứ chừa chọn thế nào ấy.

Cầu Gon giống như một chú trâu vắt mình qua sông. Cầu nằm đó, im lìm cho dân hai làng và khách thập phương sử dụng. Họ sử dụng và không ngừng làm đau cây cầu. Khắp thân mình cầu chỉ chít những vết thương to nhỏ, có vết đã lành, có vết còn mới. Đáng sợ nhất là vết to gây nên bởi cú va của xuống máy ở trụ

cầu phía làng Kèo. Công nhân xây dựng huyện đã mấy lần về cầu Gon và vết thương, nhưng cứ vá xong vài ngày thì nguyên liệu mới lại rơi ra, không kết dính được vào thân cầu. Các cụ làng Kèo bảo: Tại "chúng nó" không xin phép ông quan cầu Gon (ông kỹ sư Lang sa) trước khi sửa cầu, nên vật liệu cũ và mới không "ăn" nhau được. Muốn làm được thì phải sửa lễ dâng hoàng. Các trí thức làng Gôm ngồi quanh mâm rượu thịt lại bàn thế này: Ngày xưa, ông kỹ sư xây cầu bằng vật liệu gì, công thức đặc biệt trộn vật liệu kết nối của ông bị quên lãng lâu rồi, đến giờ bọn công nhân dốt nát ấy chẳng chịu nghiên cứu, cứ bậy bạ ộp tràn vào thì nó rụng ra là phải. Người ta làm cầu phải làm bằng cái tâm, làm bằng cả mạng sống. Ông kỹ sư Lang sa ấy xây cầu bằng chính thân thể ông ấy. Ông ấy sống trong cầu Gon. Bọn công nhân kia nhận tiền xong, ăn bớt ăn xén chán chê làm ào ào rồi kéo đi làm chỗ khác, như thế thì chúng "nhập" vào cầu Gon sao được.

Các lời bàn ra tán vào lo lắng, nhưng chưa tìm ra giải pháp. Cả hai làng chọn rợn không yên. Dân làng yêu thương gìn giữ cầu Gon, không chỉ bởi tác dụng của nó, mà còn bởi tín ngưỡng. Người nơi xa đi qua thì lại không biết. Họ lao xe ầm ầm qua cầu Gon, làm cả hai làng rung chuyển, mọi thứ rạn nứt!

Thỉnh thoảng có đêm, ông kỹ sư Lang sa lại trầm ngâm hút thuốc, đi đi lại lại trên cầu. Ông bỏ mạng vì cầu, nhưng cầu Gon lại làm cho ông bất tử. Cây cầu lạ lùng, ai cũng biết là nó sống, nó thở, nó tác động đến cả hai làng, ban ngày sáng rõ, nó mang lại những may mắn, nhưng ban đêm, nó ám ảnh.

Những đám cưới, rước qua cầu Gon trước mười hai giờ trưa, đôi uyên ương sẽ hạnh phúc, con cháu đầy đàn. Những đứa trẻ mới sinh được một tuần, mang lên cầu đón tia mặt trời đầu tiên sẽ sống khỏe mạnh, cuộc đời nhiều may mắn.

Vạn bất đắc dĩ phải qua cầu ban đêm, rất có thể sẽ gặp người của thế giới khác. May mắn thì được ông quan cầu mời làm một hơi thuốc để rồi về nhà tề mề say say cả tháng. Không may thì gặp người đàn ông có gương mặt ma mị với đôi mắt thừng hoáy, vờn xuống sông thì chẳng bao giờ còn trở về nhà được nữa. Đến cái xác cũng không để lại được, cứ như một cánh cửa mở ra ngay dưới gầm cầu, đón người vào, đóng lại và dòng nước lại lấp kín, trôi đều.

(Còn nữa)

“NGỰ THIỆN” Ở ĐAK ANG

NGUYỄN THỐNG NHẤT

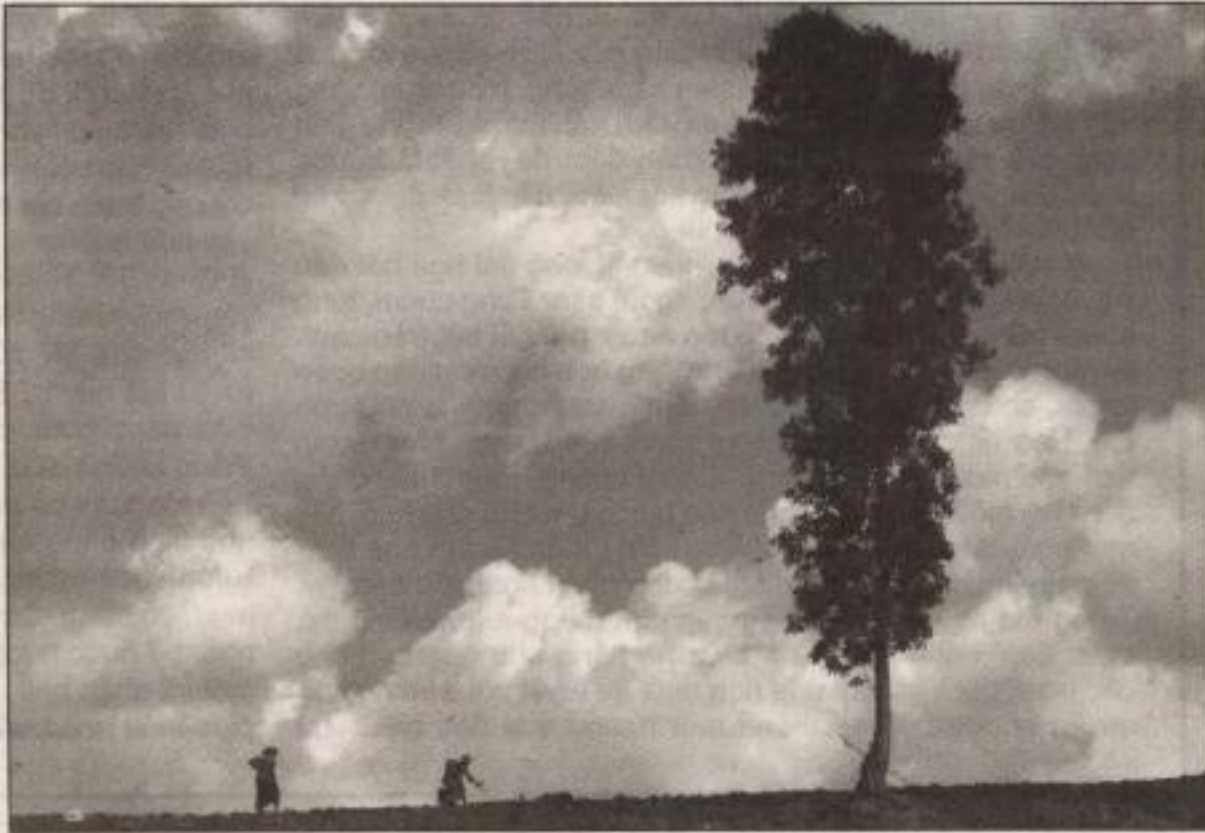
T

ẦM dưới dòng Đak Ang lên, vừa khoác xong bộ quân phục, tôi định ra ngoài ngắm cảnh trí xung quanh. Nghe lời mẹ, con trai chị chủ nhà dọ dẫm bước tới: “Bộ... bộ đội! Bộ đội... Cơm?... Cơm?” Châu khó nhọc nhào nắn lời mời bằng mấy từ tiếng Kinh với cả hai tay khua khoa lăm lăm than bụi. Tôi nắm lấy bàn tay ấy, kéo châu lại phía mình và mỉm cười gật đầu với người mẹ.

Đak Ang thuộc huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Làng có đến gần trăm nóc nhà vẫn khuất nép nhòa giữa chập trùng rừng núi dựng quanh. Ở đây, chiều chìm nhanh hơn nơi khác. Từ các nóc nhà, khói bếp chùng chình chênh lên hòa lẫn với mù sương từ núi cao đang trườn xuống. Những ánh lửa - ánh lửa nhảy nhót lọt qua kẽ liếp của mỗi nhà, ánh lửa nhấp nháy đang vẽ gần từ bụi đuốc của ai phía rừng xa, ánh lửa thổi thục bập bùng giữa tiếng đan quện của Klông Pút và đàn ghita phía nhà Rông... lại không hề nhạt nhòa khuất nép.

Đang lằng lằng nơi đầu sào, tôi hơi giật mình khi con chị chủ nhà bạo dạn nắm lấy tay kéo vào. Ở nơi trang trọng giữa nhà, gia chủ kê một cái sạp tre kết bằng sợi mây. Trên đó là mâm cơm dọn sẵn mời tôi với chị chủ nhà đứng cạnh. Tôi khấn khoản mời chị và châu cùng ngồi xuống ăn bằng tiếng Kinh. Hai mẹ con đáp lời tôi bằng tiếng Sê Đăng, cũng khấn khoản không kém. Rõ ràng, đã cùng nghe nhưng chẳng ai hiểu ai. Song động thái mỗi lúc một lui xa của họ khiến tôi biết mình thua cuộc.

Sực nhớ ra, tôi bước lại chỗ để ba lô. Nhưng hai mẹ con còn chưa chịu đưa tay nhận phần thịt hộp và lương khô tôi trao đã có mấy người khác bước vào. Họ nói gì đó với chị chủ nhà và gật đầu chào tôi. Rồi họ bước nhanh đến chỗ sạp tre và lẹ làng đặt những thứ đang mang trên tay xuống đó. Tôi ngạc nhiên lặng ngó: Mỗi người vừa mang tới mời tôi phần cơm và thức ăn đủ dùng cho một người. Tôi chưa kịp mở lời, họ đã thoăn thoắt quay lui. Tôi theo ra đến trước chị chủ nhà đang đứng ngoài sào để giải bày sự khó hiểu, để vung tay khua chân nhưng chị chỉ cười thật vui. Còn con chị xằng xái kéo áo tôi trở vào với những



Ảnh LÊ ANH TUẤN

phần cơm đang dần nguội.

Tôi bung cơm ăn, với đứa con chị đang nhấm nháp lương khô kể bên. Cơm nấu bằng gạo lúa rẫy, lại được giã cối nên béo ngậy dẻo thơm. Đang đói cồn, nhưng tôi vẫn nhẩn nha nhai để vị ngon kịp ngấm. Ăn chưa hết nửa chén cơm đã thấy ngoài cửa thấp thoáng tiếng người. Họ dật diu nhau vào nhà qua khuôn cửa hẹp. Và, trên tay mỗi người là khay gỗ, là rổ, và cả những chiếc gói nhỏ nữa, đều chỉ để đựng phần cơm khách tình tươm duy nhất riêng dành mời tôi. Tôi bàng hoàng vì ngạc nhiên, vì không thể hiểu.

Mỗi lần có người vào, tôi lại đứng lên để đón và đưa. Không nhớ đến lần thứ bao nhiêu, vẫn thế. Đã không còn chỗ để ngồi trên cái sạp tre, tôi đành bệt xuống sàn giữa la liệt những phần cơm và thức ăn vây kín từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Ngoài hiên, trời đã vào tối, vẫn chưa hết những người mang cơm đến. Họ là những mẹ, những chị, những em... Tôi chỉ nhắc thấy họ một lần giữa trời nhá nhem, làm

sao có thể nhớ mặt nhớ tên, để bây giờ khắc khoải?!

Tôi trở lại bữa ăn một cách cực nhọc. Bụng cũng quên đã từng rất đói. Tay lơ lửng không biết gắp món nào ở phần mời của ai giữa hàng trăm rổ rá tổ chén bát đĩa trước mặt. Nào măng, nào cá, nào tôm, nào thịt chim, nào thịt thú rừng, nào thịt thú nhà nuôi, nào rau, nào củ... đủ loại. Mỗi thứ mỗi chút, mỗi nhà mỗi phần, có gì đó rất chung vẫn vô cùng khác biệt lạ lẫm. Tôi đọc thấy khá nhiều sắc màu và hương vị đặc hữu của sản vật nơi đây; tôi đọc thấy cuộc sống còn mộc mạc giản đơn của những người biết tự tạo ra bao món ăn này; tôi đọc thấy tấm nấc sành điệu và hết sức bất thiệp của lối ứng xử đó, tôi đọc thấy tấm tình hiếu khách thảo thơm chưa có sách nào ghi lại từ cổ chí kim...

Vẫn vừa gắp thức ăn vừa miên man ngẫm nghĩ: Vì nhiệm vụ, lần đầu tôi đến đây rồi sớm mai lại đi; dĩ nhiên tôi chẳng là gì và không một ai ở đây biết tôi cả; sự giao tiếp giữa lũ làng Đak Ang với tôi lại chỉ bằng

ngôn ngữ khác lạ; tôi là vị khách không mời và chẳng ai trong làng phải có nghĩa vụ chuẩn bị để đãi đằng một kẻ chưa biết... vậy mà... vậy mà... Tôi chợt phạm thượng tự sánh mình với các bậc quân vương như Minh Mạng hay Tự Đức, với cả những đại đế Tấn Đường Minh Thanh của Trung Hoa xưa: Mâm ngự thiện của các vị ấy có ử đây, có phong phú, có đặc sắc, có thân thương ấm áp... bằng bữa cơm không hên trước mà lúc này dân làng Đak Ang đang dành mời một anh bộ đội bình thường như tôi không?!

No nê, tôi đứng dậy lách qua những phần thức ăn hầu như còn nguyên vẹn. Chị chủ nhà đang trò chuyện cười đùa với mấy chị em nữa quanh đồng lửa vừa nhóm dưới sân. Đứa con chị thấy tôi ngoài khuôn cửa liến reo toáng. Nghe mẹ nhắc gì, châu vội chạy đi rồi trở lại đưa tôi trái bầu khô đen mun đựng đầy nước ngọt.

Tôi vừa xuống hết thang, mấy chị em ế ấp giấu nét cười liến rời đồng lửa láu táu ngược lên. Nghe í ới, nhiều người ở nhiều nhà đã mang cơm cho tôi cũng nổi nhau láu táu ngược lên... để về lại nhà mình với những vật dụng đựng phần cơm mời tôi trước đó. Họ mang đến và mang đi ngàn nấp lẹ làng như nếp quen sẵn có.

Lát sau, khi đã ngồi bên mâm cơm cùng nhà chủ- người chống đã đi rừng về- tôi còn được biết: Phải đợi khách xong bữa rồi, mọi người ở mọi nhà trong cả làng mới cùng ăn.

Yang đi?!... Tôi ngó người ra và vỗ trán mình: Phong tục!... Phong tục!... Mà đã là phong tục, như nhiều phong tục khác của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, đều đã có từ ngàn đời. Và lạ lùng thay khi đến nay, phong tục ấy vẫn hiện hữu rạng ngời! Tất nhiên, không phải chỉ bởi mình tôi. Có nghĩa là: Bất cứ người nào đến với Đak Ang cũng được lũ làng nơi đây đón mời Ngự thiện.

Đặc sắc mà lặng lẽ, tình tế mà giản dị... lẽ nào phong vị Đak Ang xa xôi đó không phải là hồn cốt của một vùng đất đã góp phần tạo dựng cho nhân loại cả một gia tài: Văn hóa Cồng Chiêng?!

NHỚ TRÒ CHƠI ĐỐ LÁ

HOÀNG XUÂN HIẾN

Trong truyện Kiều của Nguyễn Du có câu: “May thay giải cấu tương phùng, gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa.” Ở xứ Đoài, Trò chơi này đã khiến ký ức tuổi thơ tôi và bạn bè với vợ thương nhớ màu tươi xanh của hoa lá có cây, để thấy yêu thiên nhiên hơn mỗi độ xuân về. Nhớ về trò chơi thuở thiếu thời, tôi chợt nghĩ, trẻ thơ đang mãi mê với game trên máy tính có ai còn để tâm đến việc giáo hóa con trẻ từ trò chơi “đố lá tìm hoa này”?

THÔNGIỆP CỦA NGƯỜI MƯỜNG...

T

ÔI đã đi và hỏi nhiều người, đều được khẳng định rằng: Trò “đố lá” là một sinh hoạt văn hóa dân gian rất vui nhộn, trẻ trung và bổ ích của người Mường nhằm tìm hiểu môi trường và bảo vệ thiên nhiên. Trò chơi này tập trung vào lúc đất trời sang xuân ấm áp, cây cối nảy lộc ra lá.

Một sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa người Mường Động (Kim Bôi – Hòa Bình) và người Mường ở xứ Đoài đều nói đây là trò chơi dân gian dành cho trẻ em của người Mường. Đương nhiên, người kinh ở xứ Đoài sống xen canh xen cư cùng người Mường, có sự ảnh hưởng tương tác đồng hóa một trò chơi dân gian. Đến nay, trò chơi “đố lá” đang phổ biến đối với trẻ thơ xứ Đoài, để lại nhiều kỷ niệm đẹp trong ký ức tuổi thơ của những ai đã từng ở mảnh đất này.

Ký ức tuổi thơ tôi, vào dịp giêng hai: để xua bớt nỗi buồn bã băng khuâng, khi những ngày vui xuân đã qua, chúng tôi tiếp tục trò chơi “Đố lá” dành cho con trẻ

Trò chơi “đố lá” có 2 hình thức chơi gồm chơi đơn và

chơi theo nhóm. Chơi đơn gồm mỗi bên một người, chơi theo nhóm mỗi bên từ 2 trở lên. Cuộc chơi quy định có một người lớn tuổi hơn làm trọng tài (người khách quan, không thiên vị, am hiểu các loại hoa lá cỏ cây). Vào cuộc, người chơi tỏa đi tìm các loại hoa lá. Sau một thời gian nhất định, nghe thấy trọng tài hú gọi liến chạy về sân chơi. Lúc này hai bên mới đưa các loại hoa lá đã hái được để “đố” nhau xem bên nào có nhiều lá cây lạ hơn (có chứng kiến của trọng tài). Kết thúc cuộc chơi bên nào tìm được ít các loại lá cây lạ hơn bên kia thì bị thua sẽ phải làm “ngựa” công bên thắng một đoạn đường hoặc phải nhảy lò cò hay bị bên thắng búng vào tai. Đây là một trò chơi đơn giản dễ tổ chức thực hiện và vui nhộn. Chiến thắng của trò chơi thể hiện sự nhanh nhạy trong nhận biết các loại cây cối trong thiên nhiên. Thuở nhỏ tôi cùng bạn bè cùng nhau suốt ngày vui nhộn với trò chơi dân gian này, thường hay cãi nhau về các loại lá cây. Những khẩu ngữ quen dùng như: “Lá mảnh bát có không?” là bím bím kẻ vàng, lá ổi là chanh lá dành dành tre ruối, chuối có không?”. Nhiều khi chỉ vì lá chuối to quá

không nhớ “chặt” cả tàu mà bị thua mới cay cú nhớ đời.

Chúng tôi, những đứa trẻ ngày xưa ở xứ Đoài đã xa quê từ lâu, mỗi lần gặp nhau ôn lại những kỷ niệm trong ký ức tuổi thơ lòng không khỏi bồi hồi thương nhớ miền quê yêu dấu với những mùa xuân xanh mát một màu lộc biếc, rực rỡ một màu hoa ké vàng, tím biếc hoài niệm của các loài hoa bím bím, tím xuân khiến càng thấy yêu mến thiên nhiên tươi đẹp. Thiếu tá quân đội: Cấn Văn Thái, Cao Đức Hào bạn tôi về quê nghỉ Tết tâm sự: “Mùa xuân về làng có nhiều loài cây ra chồi biếc, hoa thơm, mấy lần rồi định giờ tay ngắt một tàu lá xanh một bông hoa đẹp như đi chơi “Đố Lá” ngày xưa, nhưng rồi lại tẩn ngẩn không nỡ tay làm đau một bông hoa chiếc lá trên cành...”

CẦN GIÁO HÓA CHO TRẺ THƠ...

Về xứ Đoài, ôn lại trò chơi “đố lá” và thấy thái độ tiếc lá thương hoa của bạn bè mới hay tác dụng nhân văn của một trò chơi dân gian đối với thái độ yêu thiên nhiên và tinh thần tự giác bảo vệ môi trường tự nhiên vào từ trò chơi dân gian thuở ấu thơ. Nhất là gần đây: Sự kiện Tập đoàn Siemens công bố chỉ số thành phố xanh của 22 thành phố lớn ở Châu Á (năm 2010), trong đó Hà Nội được xếp dưới ngưỡng trung bình. Sở dĩ Hà Nội bị xếp thứ hạng như vậy vì dựa trên phân tích bền vững về môi trường, trong đó lĩnh vực quản lý môi trường cũng như gìn giữ không gian xanh đô thị còn nhiều hạn chế, phần lớn lại rơi vào thái độ ứng xử của con người đối với môi trường xung quanh.

Để không gian xanh sạch đẹp là một nét đặc biệt của thủ đô ngay từ bây giờ chúng ta cần nghĩ đến một chiến lược giáo dục tình yêu thiên nhiên cho thế hệ mầm non tương tự như trò chơi đố lá tìm hoa để giáo dục tình yêu thiên nhiên, yêu màu xanh tươi của hoa cỏ cho trẻ thơ thông qua trò chơi “Đố lá tìm hoa”. Một thông điệp rất giản dị và nhân văn của cha ông.■

MÃI MÃI TUỔI HOA NIÊN

(Tiếp theo trang 9)

hai tỉnh Tây Ninh và Bình Dương thì được điện thoại của Ban Tuyên huấn mời về gặp. Lúc này quân ta vừa giải phóng Buôn-mê-thuột và triển khai việc bao vây, cô lập Đà Nẵng và một số tỉnh miền Trung. Tôi hồi hộp, hy vọng mình sẽ được biệt phái ra miền Trung theo chân các chiến sĩ về giải phóng quê hương mình. Không ngờ lúc gặp nhau, thường trực Ban Tuyên huấn lại giao một nhiệm vụ khác: đi Hà Nội! "Có điện khẩn của Trung ương yêu cầu miền Nam cử một đoàn nhà thơ đi Hunggari dự hội nghị quốc tế về thơ kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng chủ nghĩa phát xít với tư cách là người đang ở chiến trường đánh Mỹ". Trung ương Cục đã quyết định thành lập đoàn 3 người: Giang Nam (trưởng đoàn), nhà thơ Viễn Phương và nhà thơ Chim Trắng thay mặt cho các nhà thơ miền Nam đi dự hội nghị.

Được đi quốc tế trong lúc cả ba anh em chúng tôi chưa hề biết Hà Nội đáng lẽ là niềm vui lên, nhưng ngược lại làm chúng tôi rất buồn. Không ai muốn đi khi chiến thắng đã gần kề. Các anh lãnh đạo Ban đặc biệt là đồng chí Trần Bạch Đằng rất thông cảm tâm trạng của chúng tôi và đã lắng nghe rất kiên nhẫn các lý lẽ mà chúng tôi trình bày. Cuối cùng các anh đã kết luận: "Không thể làm gì khác, đó là chỉ thị của Trung ương mà chúng ta phải chấp hành. Các đồng chí hãy về chuẩn bị ngay để chiều nay lên đường cho kịp các chuyến xe ra bên quân đội".

Chúng tôi rời Lộc Ninh ngày 26 tháng 3 năm 1975, ngày 9 tháng 4 đến Vĩnh Linh và bốn ngày sau nữa đã có mặt ở Hà Nội. Đoàn được nhà thơ Bảo Định Giang đưa lên gặp đồng chí Tố Hữu. Lần này thì kế hoạch đi bị phá sản trong nỗi vui mừng khôn xiết của chúng tôi. Nhà thơ Tố Hữu thông báo: "Trung ương quyết định đoàn nhà thơ miền Nam không đi Hunggari nữa, việc ấy để ngoài này lo. Các anh nghỉ ngơi, thăm thú Hà Nội, Hải Phòng chuẩn bị sức khoẻ để có mặt ở Sài Gòn trong ngày vui chiến thắng". Và ngày 18/4 là cuộc họp lớn của văn nghệ sĩ tại Nhà hát lớn để chuẩn bị làm nhiệm vụ mới. Đoàn chúng tôi vinh dự được ban tổ chức xếp ngồi hàng ghế đầu bên cạnh các anh mà mình từng nghe tiếng nhưng chưa được gặp mặt: Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư... Đường nhiên trong số đó có hai nhà văn có kỷ niệm

đặc biệt với tôi: nhà văn Nguyễn Văn Bổng (đã có thời làm Trưởng tiểu ban Văn nghệ Trung ương Cục, người lãnh đạo trực tiếp của tôi hồi ở chiến trường (1963- 1968) và nhà thơ Tế Hanh, người mà tôi đã lỡ dịp gặp nhau năm 1951 ở Khánh Hoà.

Bây giờ mới gặp nhau đây
Mà lòng đã tưởng những ngày một hai

Tôi đã cầm tay anh mà nói trong nỗi xúc động không kiềm chế được: "Chúng ta đã lỡ hẹn 24 năm về trước chắc anh còn nhớ. Ngày ấy tôi đã xem bài thơ "Người đàn bà Ninh Thuận" như một lời nhắn kín đáo anh gửi lại chúng tôi ở chiến trường. Tôi đã đọc dù không được nhiều lắm những bài thơ của anh thời chống Mỹ. Tôi rất thích "Nhớ con sông quê hương", "Chiêm bao", "Hà Nội vắng em", "Bài thơ tình ở Hàng Châu". Và ở cái tuổi "nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò" của tôi ở Qui Nhơn tôi đã mê "Những ngày nghỉ học", sao mà dễ thương, lãng mạn đến như vậy!"

Nhà thơ Tế Hanh nắm chặt tay tôi: "Cám ơn Giang Nam. Còn ở Hà Nội thì nhớ ghé thăm tại mình ở 10 Nguyễn Thượng Hiền. Minh và Nguyễn Văn Bổng ở tầng 1, sát cạnh nhau".

Những năm sau đó, khi tôi được điều động ra Hà Nội công tác ở Hội Nhà văn, tôi vẫn thường đến thăm các anh, nghe các anh góp ý kiến và những kinh nghiệm về công tác chuyên môn, công tác quản lý tổ chức , về chất lượng tác phẩm, về tuần báo "Văn Nghệ" mà tôi là tổng biên tập. Đặc biệt chính anh Tế Hanh với tư cách là người cùng quê Khu 5 đã giúp tôi hiểu thêm về Hà Nội, về con người Hà Nội, về cách ứng xử... khi tôi còn là một anh "lính mới". Có thời gian anh và tôi cùng là thành viên Hội Đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam gồm Xuân Diệu, Hoàng Trung Thông, Tế Hanh, Giang Nam, Hữu Thỉnh (1984-1989). Tôi học được ở anh rất nhiều điều bổ ích: trầm tĩnh và sâu sắc, sắc bén trong nhận định. Cho đến ngày anh và anh Bổng lâm bệnh nặng và tôi thì đã về công tác ở Khánh Hoà, mỗi lần ra Hà Nội tôi đều ghé số 10 Nguyễn Thượng Hiền, nơi tôi có những người anh, người bạn trọn đời yêu thương, quý mến nhau để thăm hỏi sức khoẻ và mang đến các anh những món quà nhỏ của Nha Trang mà các anh rất thích.

Cách đây hơn một tháng, tôi được mời ra dự cuộc

họp mặt lớn của các nhà, văn nhân kỷ niệm Nghìn năm Thăng Long-Hà Nội. Khi tuổi đã ở buổi xế chiều mà được về lại thủ đô, thăm thú cảnh quan và bạn bè ngày xưa thì đó là một hạnh phúc lớn. Nhân dịp này tôi đã chọn ngày 10-10-2010, ngày đại lễ kết thúc các hoạt động kỷ niệm để viếng mộ anh tuột tôi, một tiến sĩ ngữ văn đang yên nghỉ ở nghĩa trang Thanh Tước. Đây là lần đầu tiên tôi đến nghĩa trang này (do các cháu, con anh chị tôi đưa đi). Anh và chị dâu tôi đã mất, tôi trở thành người lớn nhất trong gia đình, thay mặt những người đã ra đi để động viên và giúp đỡ các cháu.

Chiều hôm ấy chúng tôi có mặt ở nghĩa trang. Lần theo các bia mộ ở hàng thứ nhất từ trên xuống, tôi tìm được mộ của anh tôi ở đầu hàng. Trong lúc chờ các cháu sắp đặt hương, hoa tôi tiếp tục thăm các ngôi mộ còn lại cùng hàng. Bất ngờ cách mộ anh tôi 4 ngôi mộ; một tấm bia đập vào mắt tôi: TẾ HANH nhà thơ (1921-2009). Tôi đứng lặng, bồi hồi và nước mắt trào ra. Và điều kỳ diệu thứ hai đã xảy ra: ở hàng thứ năm từ trên xuống, tôi đã gặp bia mộ của tác giả "Núi Đồi": VŨ CAO, nhà thơ (1922-2007). Tôi đốt hương cắm lên từng ngôi mộ và khấn thành tiếng: "Các anh đã yên nghỉ nơi đây,

bên nhau như hồi còn sống để gia đình, con cháu và bạn bè biết nơi thăm viếng. Phía sau nỗi mất mát lên lao là niềm vui lớn lao đã cống hiến những gì đẹp nhất của đời mình cho quê hương, đất nước. Bên cạnh hai nhà thơ nổi tiếng là nhà ngôn ngữ học cũng nổi tiếng. Nếu thích, các anh có thể tiếp tục nhưng cuộc đàm đạo, tranh luận về văn học, về thơ..." Các cháu nghe tôi khấn đều ngạc nhiên và che miệng cười. Chúng cắm thêm hương, đặt những cành hoa hồng lên mộ những nhà thơ mà chúng cũng yêu như tôi.

Về đến Nha Trang, tôi tỉ mỉ mở "kho tài liệu quý" của mình để tìm các kỷ niệm của bạn bè văn nghệ sĩ: thư từ, tác phẩm còn giữ lại được. Về nhà thơ Tế Hanh, tôi có ba tập thơ tự tay anh để tặng cho tôi. Lại một điều (không biết tình cờ hay cố ý) anh đã chọn thời điểm Mùa xuân để tặng thơ: Mùa xuân 1977 (tập thơ "Giữa những ngày xuân"), mùa xuân 1986 (tập thơ "Bài ca sự sống") và mùa xuân 1988 ("Tuyển tập thơ Tế Hanh"). Tôi hiểu anh rất yêu mùa Xuân, mùa của đất trời đổi mới, mùa của sức trẻ, của tuổi HOA NIÊN như tên tập thơ đầu tiên của anh. ■

Cuối đông 2010

CHỈ DÙNG 4 HỘP THUỐC, TÔI ĐÃ ĐI LẠI ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG

NGỌC HÀ

Không cần những biện pháp chữa trị quá hiện đại, đắt tiền, bác Lâm Thị Kim Chi (sinh năm 1937, trú tại 16 Tầng Bạt Hồ - Quy Nhơn-Bình Định) đã vượt qua căn bệnh thoái hóa khớp gối nhiều năm của mình bằng phương thuốc hết sức đơn giản và hiệu quả.

BÁC Chi chia sẻ, khi tuổi già ghé thăm cũng là lúc căn bệnh xương khớp bộc lộ rõ nhất. Bác cũng không ngoài quy luật đó, có đau, bác đã sớm chọn được phương pháp hiệu quả đẩy lùi căn bệnh của mình.

"Chấn bên phải của tôi thường xuyên trong tình trạng đau nhức cả ngày lẫn đêm, càng vận động thì càng đau, vận động ít thì đỡ hơn, khiến tôi vô cùng khó chịu, gần như không đi lại được, nhiều lúc phải bỏ, không làm được việc gì" – bác Chi nhớ lại. Đi khám nhiều nơi, ở đâu cũng nói là bác bị thoái hóa khớp. Uống thuốc tây, chích 3 mũi thuốc nhưng chỉ đỡ được ít hôm lại tái

phát. Bác chuyển qua dùng thuốc bắc, bệnh tình không giảm bao nhiêu. Là người ham tìm hiểu, một lần đọc báo, thấy nhiều người sử dụng cồn thuốc đắp ngoài Cốt Thống Linh hiệu quả, bác liền ra hiệu thuốc mua một hộp về dùng.

Đó là năm 2009. "Thật kỳ lạ, tôi đắp miếng Cốt Thống Linh đầu tiên đã thấy đỡ đau hẳn. Cô bán thuốc có dặn là dán 30 phút có thể sẽ bị nóng. Tôi thấy "y si" như thế luôn. Nhiều lần đắp thuốc thấy dễ chịu quá nên mặc dù đắp được 30 phút như hướng dẫn rồi nhưng tôi vẫn chưa bóc miếng đắp ra. Thời tiết nóng nên chỗ đắp bị nóng đỏ và hơi ngứa – bác Chi hình hình kể lại với chúng tôi, khuôn mặt vui vẻ như con đau vừa mới biến mất mới đây thôi. Bác cũng cho biết, trong năm 2009, bác chỉ cần dùng hết 2 hộp Cốt Thống Linh, tổng cộng là 20 lần đắp thì cơn đau khớp đã hết, đi lại bình thường. Mãi tới năm 2010, bác mới thấy hơi nhức khớp trở lại. Kinh nghiệm từ lần điều trị trước, bác mua tiếp 2 hộp Cốt Thống Linh về đắp, và cũng chỉ cần như vậy là từ đó đến nay, bác không thấy đau nhức chân nữa.

Đang chuẩn bị chia tay bác Chi thì chúng tôi nán lại vì người em dâu của bác Chi là bác Liễu Thị Ngọc Thúy cũng hào hứng kể rằng: "Tôi đã hết những cơn đau lưng dai dẳng sau khi đắp Cốt Thống Linh để điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng, tôi rất tin tưởng vào tác dụng của sản phẩm này và đã giới thiệu cho rất nhiều người sử dụng". Niềm vui của bác Chi và bác Thúy khiến chúng tôi cảm thấy vui lây và hy vọng nhiều người bệnh khác cũng sớm tìm được niềm vui như hai bác.■



Ảnh minh hoạ

BỆNH DI ỨNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỨC NĂNG GAN KHÔNG?

Việt Nam là một đất nước mang khí hậu nhiệt đới gió mùa nên không khí Nóng và Ẩm là nguyên nhân gây ra các loại bệnh ngứa dị ứng thời tiết (mụn nhọt, lở ngứa) thường xảy ra vào mùa hè và mùa đông. Các triệu chứng như ngứa phát ban có dấu hiệu đỏ trên da, bệnh mề đay cũng thường xảy khi nhiệt độ vào mùa hè lên cao quá 30 độ C; mùa đông xuống thấp dưới 15 độ C hoặc khi tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bởi bụi bẩn và rác thải. Các triệu chứng thường bắt đầu với một vài chấm đỏ xuất hiện trên da, khi đó người bệnh thấy ngứa ngáy khó chịu và gãi theo phản xạ tự nhiên. Càng gãi, các chấm đỏ càng lan rộng thành đám nhỏ, đám lớn nổi khắp trên da mà không thỏa mãn cơn ngứa. Khi người bệnh bị ngứa đến mức khó chịu nổi, việc gãi liên tục sẽ gây việc trầy xước da, có trường hợp ban ngứa, mề đay làm tổn thương niêm mạc ruột gây đau bụng dữ dội và thậm chí gây phù nề Thanh Phế Quản làm suy thơ cấp có thể dẫn đến tử vong.

Cách dùng loại thuốc bồi ngoài da cũng như uống thuốc tân được chống dị ứng chỉ khi tạm thời, sau một thời gian lại tái phát vì bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) có chung theo Đông y nguyên nhân là do TAM BỊ NHIỆT (nóng), nguyên nhân sâu xa là chức năng tiêu độc của gan kém và chức năng bài tiết của thận suy giảm, người nóng trong, tiểu vàng, có khi tiểu đỏ. Nguyên nhân do thói quen ăn ít rau và hay ăn những đồ cay nóng. Chức năng tiêu độc của Gan là một trong những chức năng quan trọng để chuyển hóa thức ăn. Khi ta ăn các chất đạm, béo, đường (có nguồn gốc động vật, thực vật)...bộ máy tiêu hóa phân hủy các chất đó thành các axit amin cơ bản rồi tổng hợp chúng lại thành các chất của cơ thể người để duy trì hoạt động của cơ thể. Trong quá trình đó sinh ra các chất độc (chất không mong muốn) nên Gan phải chuyển hóa các chất độc đó thành dạng vô hại và đẩy ra khỏi cơ thể theo 3 cách: đại tiện, tiểu tiện và mồ hôi. Nếu chức năng gan kém sẽ kéo theo thận phải làm việc nhiều hơn bình thường để bài tiết ra khỏi cơ thể. Khi cả chức năng tiêu độc và bài tiết của hai bộ phận này suy yếu cộng với sức khỏe giảm sút, cơ thể dễ dàng bị PHONG (gió), NHIỆT (nóng), THẤP (ứ nước) sẽ gây ra bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...)

Dựa trên những nguyên lý chữa trị của đông y, kết hợp với những nghiên cứu khoa học hiện đại trong và ngoài nước, sản phẩm Thiết Mộc Can phối hợp với các dược liệu hàng đầu có ích đối với gan như *Ngũ Vị Tử, Diệp Hạ Châu, Curcumin* giúp hỗ trợ điều trị tận gốc căn nguyên của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...). Sản phẩm Thiết Mộc Can giúp tăng cường chức năng giải độc cho gan, giúp cơ thể chống đỡ lại các tác nhân độc hại từ môi trường sống.

Rất nhiều bệnh nhân sau một thời gian dài đã thử mọi cách để chữa trị nhưng không hiệu quả, nhưng khi dùng Thiết Mộc Can thì thấy hiệu quả bất ngờ, các triệu chứng của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) dường như biến mất hoàn toàn, không để lại bất kỳ sự khó chịu và lo lắng về triệu chứng nữa. Bên cạnh đó, nhiều tác dụng thanh lọc, giải độc cho gan của các dược liệu trên nên bất kỳ ai dùng sản phẩm Thiết Mộc Can cũng nhận thấy da dẻ trắng mịn, hồng hào và có một cơ thể khỏe mạnh hơn khi lá Gan khỏe mạnh!

Mọi thông tin về sản phẩm xin liên hệ:
***Miền Bắc:** CÔNG TY TNHH KHANG NHÂN - Địa chỉ: Số 81 Phố Đại Từ - Đại Kim - Hoàng Mai - HN - Điện thoại: (04) 35400140
***Hải Phòng:** Dược phẩm Đồng Tâm - Ngõ 30 Nguyễn Bình - Điện Thoại: 0313.736859 - Chj Thảo: 0904.191 838
***Nghệ An:** Nhà thuốc Châu Bửu - Điện thoại: 0383. 845 863
***Đà Nẵng:** Ms Phúc -ĐT: 0903 507 705
***Miền Nam:** CN Cty CP Dược phẩm Nam Hà - Nhà B4 số 198 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận - TPHCM - Điện Thoại: 083.9971149 - 083.9973714
Tư vấn SP: Anh Quang - 0913.534167



Sản phẩm có bán tại các nhà thuốc trên toàn quốc

THÔNG BÁO

CUỘC THI TRUYỆN NGẮN 2011 - 2012

CỦA TUẦN BÁO VĂN NGHỆ -

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRONG không khí giới văn nghệ sôi nổi chuẩn bị triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về văn học nghệ thuật, nhằm góp phần nâng cao chất lượng truyện ngắn Việt Nam nói riêng, đời sống văn học nước nhà nói chung, phản ánh sâu sắc con người và xã hội Việt Nam đương đại; phát hiện và cổ vũ kịp thời những tài năng văn học mới. Tuần báo **Văn nghệ** tổ chức phát động Cuộc thi truyện ngắn trong 2 năm 2011-2012. Đăng tải trên **Văn nghệ** và **Văn nghệ Trẻ**. Cuộc thi hoan nghênh mọi tìm tòi, khám phá cả nội dung lẫn hình thức; quan tâm đặc biệt những tác phẩm đề cao các giá trị nhân văn, góp phần

hoàn thiện xã hội và con người trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối tượng dự thi:

- Tất cả các nhà văn, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước.

Bài dự thi gửi: BAN VĂN, TUẦN BÁO VĂN NGHỆ 17 TRẦN QUỐC TOẢN, HÀ NỘI hoặc địa chỉ email: banvanvn@gmail.com

Quy định:

Tác phẩm hợp lệ trước tiên phải là truyện ngắn với số lượng không quá 5000 từ. Truyện chưa in trong sách hoặc trên các báo và tạp chí Trung ương. Bản thảo vi tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian cuộc thi, tác phẩm dự thi không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

Thời hạn:

Nhận bài từ 1-2-2011. Kết thúc ngày 1-2-2013. Lễ tổng kết và trao giải vào tháng 5 năm 2013.

Giải thưởng:

Giải Nhất: 30.000.000 đồng, giải Nhì: 20.000.000 đồng, giải Ba: 10.000.000 đồng.

Ban giám khảo:

Ban Sơ khảo là Ban Văn (mở rộng) của báo **Văn nghệ**, Ban Chung khảo gồm các nhà văn uy tín do BBT Tuần báo **Văn nghệ** mời.

Tuần báo **Văn nghệ** mong được sự hưởng ứng nhiệt tình của các bạn viết trong và ngoài nước.

BAN BIÊN TẬP
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ



THƠ CHÂM

Chữa bệnh "chung chung"

(Nhân đọc: Lại bàn về bệnh chung chung của nhà thơ Trần Cao Sơn - Văn nghệ số 45 ra ngày 6-11-2010)

Quyết định có rồi - tưởng sẽ xong
Đi vào cuộc sống lại long đong!
Triển khai kế hoạch không ăn khớp
Kết quả để ra tuột mất tong!
Chỉ thị giấy tờ càng luẩn quẩn
Kiểm tra đồn đốc mãi lòng vòng!
Còn bao nhiêu việc treo lơ lửng
Cần bệnh "chung chung"... chữa mới mong!

HOA ĐƯỜNG

Sáng đúng - chiếu sai

Hôm nay sáng đúng chiếu sai
Sáng mai lại đúng khỏi hài làm sao
Huênh hoang mồm mép tào lao
Tiền hậu bất nhất ai nào dám tin
Việc làm lời nói đi liền
Chớ dùng đánh trống bỏ quên cả dùi
Lòng tin rất quý trên đời
Nói lời thì hãy giữ lời trước sau.

TRUNG NHỎ

CHUYỆN VUI

VUI - BUỒN

Biết anh bạn trẻ vừa là nhà thơ vừa là nhạc sĩ, một người hỏi:

- Anh làm thơ vào lúc nào?
- Lúc buồn.
- Còn sáng tác nhạc?
- Lúc vui.
- Những lúc buồn vui lẫn lộn?
- Thì đem thơ ra phổ nhạc.

ĐUA LÊN TRÊN

Một anh mới tập toang viết văn vừa hoàn thành tập truyện đầu tiên nói với một nhà văn:

- Đây là tác phẩm đầu tay của tôi thuộc loại khá. Trước khi gửi đi duyệt in, nhờ anh sửa cho những dấu chấm, phẩy, cách ngắt câu...

Đọc xong truyện, nhà văn góp ý:

- Tất cả các dấu chấm, phẩy anh đều đặt rất đúng chỗ. Chỉ riêng dấu "chấm hết" đáng lẽ ra phải đưa ngay lên trên đầu.

HƯ HỒNG

Hai chị em tâm sự:

- Chị ạ, em mến anh ấy lắm. Thơ của anh đăng trên báo ai đọc cũng khen là tình cảm sâu sắc. Nói chuyện với anh ấy vài lần em thấy người rất đúng đắn.

- Đúng đắn à? Em không thấy bài thơ này thì nhắn gửi người yêu ở đồng bằng sông Cửu Long, bài kia nhớ cô gái Hmông rừng xanh, bài nọ gặp em trên cao nguyên Đắk Lắk... Người mà tình cảm bữa bãi thế là hư hỏng, hỏng cần bán rồi!!!



LET 26.44



LET 26.43

S.V

Tranh của LÊ VIỆT TRÍ